

Tự truyện

Nguồn: Blog không đongnai



Nhớ Biển Hoà



KHÔI VŨ-NGUYỄN THÁI HẢI

Table of Contents

THÔNG TIN EBOOK

Nhớ Biên Hoà Kỳ 1

Nhớ Biên Hoà kì 2

Nhớ Biên Hoà Kỳ 3

Nhớ Biên Hoà Kỳ 4

Nhớ Biên Hoà Kỳ 5

Nhớ Biên Hoà kì 6

Nhớ Biên Hoà Kỳ 7

Nhớ Biên Hoà kì cuối

THÔNG TIN EBOOK

NHỚ BIÊN HÒA

Tác giả: *Khôi Vũ- Nguyễn Thái Hải*

Tự Truyện

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI TÁC GIẢ:

"NHỚ BIÊN HÒA" LÀ TÊN MỘT CUỐN SÁCH ĐƯỢC TÔI KÝ TÊN KHÔI VŨ - NGUYỄN THÁI HẢI ĐÃ ĐƯỢC XUẤT BẢN TỪ NĂM 2005. TÔI KÝ CẢ BÚT DANH VÀ TÊN THẬT CỦA MÌNH CHO CUỐN SÁCH VÌ NHỮNG GÌ TÔI KỂ LẠI ĐỀU LÀ KÝ ỨC THẬT CỦA MÌNH ĐƯỢC THỂ HIỆN BẰNG CÁCH CỦA MỘT NGƯỜI VIẾT VĂN.

SÁCH THUỘC DẠNG ĐẶT HÀNG CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI NÊN KHÔNG BÁN NGOÀI CÁC HIỆU SÁCH. NHIỀU BẠN BÈ TÔI NHIỀU NGƯỜI TỪNG Ở BIÊN HÒA XƯA VÀ CẢ NGƯỜI ĐANG Ở BIÊN HÒA NAY NGHE NÓI CÓ SÁCH MÀ KHÔNG CÓ ĐỂ ĐỌC. SỞ SÁCH ĐỂ TẶNG MÀ TÔI CÓ ĐƯỢC CŨNG QUÁ ÍT ỎI. TÔI RẤT MUỐN "NHỚ BIÊN HÒA" ĐƯỢC IN LẠI VÀ PHÁT HÀNH RỘNG RÃI RA CÁC HIỆU SÁCH NHƯNG CHƯA BIẾT SẼ PHẢI "VẬN ĐỘNG" CÔNG TY VĂN HÓA NÀO NHÀ XUẤT BẢN NÀO BỎ VỐN IN VÀ PHÁT HÀNH GIÚP.

TRƯỚC MẮT BẮT ĐẦU TỪ HÔM NAY "NHỚ BIÊN HÒA" SẼ LẦN LƯỢT XUẤT HIỆN CÁCH NGÀY TRÊN TRANG BLOG NÀY ĐỂ ĐÁP LẠI YÊU CẦU CỦA MỘT SỐ BẠN VIẾT BẠN ĐỌC CÓ THƯ ĐẾN TÔI TRONG THỜI GIAN QUA.

Nhớ Biên Hoà Kỳ 1

Đất lành chim đậu

Nơi đầu tiên gia đình tôi đến ở trên đất Biên Hoà là một căn nhà thuê trong khu dân cư cạnh nghĩa địa “Đất Thánh Tây” thuộc vùng Dốc Sỏi nổi tiếng “giang hồ” một thời với hoạt động gần như công khai của các tay anh chị gái ăn sương trẻ con trộm cắp...

Cha tôi kể lại rằng vào một ngày cuối năm 1955 khi ông vừa bước xuống ga xe lửa Biên Hoà còn chưa biết sẽ hỏi thăm ai để tìm một căn nhà thuê trên địa phương hoàn toàn xa lạ này thì có một bà già bước đến gần ông. Chỉ nhìn vào cách ăn mặc gương mặt và điều thuốc rê trên môi bà già cha tôi đã biết bà là người Nam bộ rất. Bà tò mò nhìn cha tôi rồi bước tới gần hơn ghé tai ông nói nhỏ:

- Chú ở nơi khác mới tới phải không? Chú phải coi chừng tụi nhỏ móc túi ở đây đó!

Cha tôi gật đầu khẽ đáp:

- Cảm ơn bà. Nhưng tôi chẳng có gì quý giá để mất đâu.

- Ủa! Chú người Bắc kỳ hả? Chú tới Biên Hoà làm chi vậy?

Cha tôi kể mục đích đi tìm nhà thuê. Bà già vui vẻ nói:

- Vậy là chú gặp hên rồi. Nhà tôi đang có một phòng trống. Chú ra ngồi chờ đợi mua vé chờ tôi đi công chuyện chút xíu rồi tôi quay lại dẫn chú về coi nhà. Nếu thấy ưng thì chú mượn giá rẻ thôi. Còn không ưng thì tôi giới thiệu chỗ khác cho... Xóm tôi ở cách ga chừng non cây số thôi thiếu gì nhà cho mượn.

Năm 1955 từ Đà Nẵng tôi bị bệnh thương hàn nặng cha tôi quyết định đưa cả gia đình vào tận Sài Gòn để chữa trị cho đứa con trai duy nhất của mình. Gia đình tôi gồm năm người. Ngoài cha mẹ tôi có tôi là con trai một cô em gái và một bà chị nuôi. Chúng tôi xin trọ bên chái nhà một người quen của cha tôi trong “Thành pháo thủ” đường Lê Văn Duyệt hồi ấy. Khi bác sĩ “chê” và tôi đã lịm đi nhiều tiếng đồng hồ cha tôi không muốn làm phiền người chủ nhà tốt bụng đã nuốt nước mắt và gom tiền bạc đi đặt sẵn một cái hòm con để có mà dùng ngay khi trái tim nhỏ bé của tôi ngừng đập. Nhưng

có lẽ thấy không đáng gì một sinh mạng bé bỏng như tôi nên tử thần đã tha cho mạng sống của tôi ngày ấy. Rất sớm ngày hôm sau sau này cha tôi nhớ lại là vào khoảng 2 3 giờ sáng gì đó đột nhiên tôi đã mở bừng mắt ra nhìn ông và cố lấy hơi để hỏi: “Đây là đâu?”. Cha tôi kể lại là lúc đó cả cha mẹ tôi đều bật khóc thành tiếng. Gia đình người chủ nhà trọ tốt bụng cũng cùng chia sẻ niềm vui cả nhà đang ngủ đều gọi nhau thức dậy cùng gia đình tôi xúm quanh “thằng bé được tử thần tha mạng” chờ trời sáng. Chưa hẳn bình mình cha tôi đã gọi tắc xi chở tôi tới phòng mạch của người bác sĩ đang chữa trị cho con mình. Ngồi dựa trên nệm xe tôi nhìn ra đường phố Sài Gòn buổi sớm đã tấp nập xe cộ lại qua ồn ào bao tiếng động với ánh mắt ngỡ ngàng. Tôi nói với cha tôi: “Khi nào con khỏi bệnh cậu nhớ cho con đi chơi Sài Gòn...”. Lúc ấy đứa bé năm tuổi là tôi chưa thể hiểu được vì sao khi nghe tôi nói như thế cha tôi lại bật khóc thành tiếng khiến người tài xế tắc xi ngạc nhiên đạp thắng dừng lại gấp rồi anh ta quay đầu xuống hỏi cha tôi: “Chú bị sao vậy?”...

Gặp lại tôi trong vòng tay bông ằm của cha tôi vào giường khám ông bác sĩ đã không giấu được vẻ ngạc nhiên. Lần ấy ông khám cho tôi rất kỹ rồi nói với cha tôi: “Mừng ông đấy! Thằng nhỏ đã thoát qua cái đoạn thập tử nhất sinh rồi. Tôi sẽ cố hết sức điều trị cho nó”.

Ở Sài Gòn chừng hơn tháng tạm yên tâm về sức khỏe của tôi cha tôi mới tính chuyện lâu dài. Cảm thấy sức mình khó có thể bon chen làm ăn ở đất Sài Gòn đông đúc và náo nhiệt cha tôi hỏi ý kiến nhiều người quen biết rồi ông chọn đưa gia đình về Biên Hòa vì vốn liếng chỉ đủ để tìm công ăn việc làm sinh sống ở một tỉnh lẻ như Biên Hòa ngày ấy. Tôi cũng chỉ mới qua cơn nguy cấp chứ vẫn chưa khỏi hẳn bệnh nơi lập nghiệp của gia đình phải gần Sài Gòn để tiện việc đi lại thuốc thang.

Mấy tháng đầu sống trong căn phòng trọ ở cạnh khu nghĩa địa “Đất Thánh Tây” của bà già mà cha tôi tình cờ gặp ở ga xe lửa Biên Hòa cha mẹ tôi chỉ tập trung vào việc chăm lo cho tôi dưỡng bệnh chưa nghĩ gì đến chuyện làm ăn. Mỗi tuần tôi vẫn được cha tôi bao xe *lô* lên Sài Gòn một lần để được khám tổng quát rồi lấy toa mua thuốc về uống. Cha tôi đặc biệt tuân thủ lời dặn của bác sĩ cho tôi uống thuốc rất đúng loại đúng giờ đúng cách. Riêng chuyện ăn cơm của tôi mới thật công phu. Tôi phải tập ăn đến nửa năm dạ dày mới có thể chấp nhận được cơm. Đầu tiên tôi được cho ăn cháo loãng. Ít ngày sau chuyển qua ăn cháo đặc hơn cha tôi phải theo dõi thân nhiệt của con nếu tăng cao thì lập tức cho ăn trở lại cháo loãng. Ăn được cháo đặc rồi tôi lại phải tập ăn cháo đặc hơn cũng tương tự như thế rồi đến tập ăn cơm nhão và cuối cùng mới ăn cơm được như những đứa trẻ bình thường khác.

Những người lớn giải thích cho tôi biết rằng Đất Thánh là nơi chôn cất của người có đạo Công giáo về với cõi Chúa. Còn Đất Thánh Tây là tên gọi của khu nghĩa địa có chôn cất một số người lính Tây nằm ven Thành Kèn. Ở gần khu nghĩa địa dù chỉ có mấy tháng nhưng cho đến tận ngày nay trong tôi vẫn còn lưu giữ mòn một tiếng đé rích tiếng ếch nhái gọi nhau trong đêm. Đó là những âm thanh nông thôn đầu tiên trong đời tôi được nghe được đắm chìm vào như một lời ru thiên nhiên giúp tôi có

những giấc ngủ không mộng mị. Và hình ảnh bà chủ nhà một bà già người miền Nam tóc búi tó miệng móm mém lúc nào cũng thấy nhai trầu thân hình thì ốm yếu. Mỗi khi qua thăm tôi bà sờ tay vào trán tôi thăm nhiệt rồi gật gật đầu nói: “Thằng nhỏ này mày ráng mà sống cho khỏe mai một lớn lên lo làm ăn nuôi ba má trả ơn dưỡng dục nhen con! Tao thấy ba má mày cực vì mày quá sức!”. Cùng với hình ảnh của bà già hiền hậu yếu đuối được mọi người gọi là “Má Hai” ấy là hình ảnh của mấy người đàn ông và thanh niên lực lưỡng mặt mày bặm trợn trên cánh tay bả vai hoặc sau lưng trước ngực có xăm chàm đủ loại hình ảnh con cọp con rồng chim ó dao găm súng lục cô gái trái tim có mũi tên xuyên ngang... và các chữ đại loại như: “*Hận đời đen bạc*” “*Trái tim nhỏ máu*” “*Thù tình phải trả*”... Có điều khi tạt qua thăm tôi những con người dữ dằn ấy cũng nói năng hiền khô như “Má Hai”. Có anh gọi tôi là “thằng nhỏ” có anh gọi “chu nhóc”... nghe đều rất thân mật. Có lần một anh có gương mặt bầu bĩnh trên cằm có nốt tuổi lớn bằng hạt đậu và sợi râu dài loăn xoăn đôi mắt ốc nhồi vừa đen vừa sáng cổ đeo sợi dây chuyền vàng thật lớn không biết ở đâu đến thăm “Má Hai” rồi tạt qua thăm tôi. Tôi nghe “Má Hai” gọi anh là “thằng Út”. Anh cho tôi hộp sữa ngồi nhìn tôi hồi lâu rồi không hiểu sao nước mắt anh lăn dài trên gương mặt bầu bĩnh. Anh chẳng thèm quệt nước mắt cứ để thế mà nói với tôi: “Mai một phải lo học hành tử tế đừng có đi *giang hồ* như tụi tao cực nhọc lắm nghe chưa nhóc con!”.

Ở đây tôi còn được biết thế nào là “ma trời” khi đêm về những đốm sáng nhỏ như lửa cháy xuất hiện chập chờn phía những ngôi mả. Chính một anh “bặm trợn” nói với tôi: “Ma quỷ khỉ gì! Khí lân tinh ở xương người chết bốc lên thành lửa đó mà!”. Tôi nghe vậy thì biết vậy... Vì đối với tôi ngày ấy những anh “bặm trợn” còn đáng sợ hơn “ma quỷ” nhiều lần. Tôi nghĩ thế vì trước nhà “Má Hai” có một căn nhà vách gỗ mái lá khá rộng cất biệt lập sau một hàng rào bằng dâm bụt trong nhà có mấy chị tuổi đôi mươi ở khách ra vào toàn là đàn ông lạ và thỉnh thoảng tôi lại nghe hai anh “bặm trợn” ở bên ấy la hét đánh đập một chị nào đó. Một lần duy nhất trong khi tôi đang nằm lim dim ngủ thì bên ấy có chuyện. Tôi nghe có tiếng ly tách bị ném vỡ rồi tiếng chân người rượt đuổi nhau. Một chị chạy tạt vào phòng tôi vẻ mặt hốt hoảng một tay bịt chặt vết thương trên đầu đang rỉ máu. Một anh “bặm trợn” đuổi theo chỉ tay vào mặt chị kia quát hỏi: “Mày có về không thì biểu? Hay mày muốn tối nay tao quăng xác mày ra nghĩa địa?”. Sau đó vừa nắm một cánh tay chị kia lôi về anh “bặm trợn” vừa quay lại “cười hiền” và nói với tôi:

- Nè thằng nhóc hông có chuyện gì đâu. Tụi anh giỡn chơi một chút đó mà! Ngủ đi cho khỏe nhen nhóc!

Gia đình tôi còn dọn nhà một lần ra gần Ngã ba Thành Kèn. Căn nhà mà cha mẹ tôi mua nằm đối

diện với Sở Y tế bây giờ hồi ấy còn là một bãi đất trống rộng phía trong có mấy cây cổ thụ mà bọn trẻ con chúng tôi đồn với nhau là trong bông cây nào cũng có ma mặc áo trắng để tóc xõa và chân đi không chấm đất! Phía đối diện nhà tôi cũng còn một bức tường Thành Kèn xây bằng đá ong một loại đá đặc biệt ở vùng này vốn là đất sét dưới sâu bị oxy hóa khi được đưa lên mặt đất tạo thành những cái lỗ như tổ ong. Cha mẹ tôi bày ra một quầy tạp hóa phía trước nhà để mưu sinh. Nhưng xem ra việc buôn bán ế ẩm lắm. Tôi kết bạn với mấy đứa trẻ trong xóm qua lại nhà nhau chơi những trò chơi nhẹ nhàng như đánh ô quan bịt mắt bắt dê lò cò... mà tôi thường bị thua cả bọn.

Sức khỏe của tôi có vẻ khá hơn. Tôi được gửi đi học chữ ở "trường học" trong chùa Hưng Bình Tự cách nhà non cây số. Sáng sớm tất cả học trò phải ra sân tập thể dục ngay buổi thứ nhì tôi đã trốn vì với sức khỏe kém cỏi của mình tôi không thể nào theo kịp các bạn xem ra đều lớn tuổi hơn tôi. Hôm trước sau những cố gắng hết mình tôi đã không thở nổi mà còn bị một chú tiểu cho là "giả bộ". Tôi bị phạt quỳ trước hiên chánh điện thờ Phật hai lòng bàn tay ngửa lên trời giữ hai hòn gạch thẻ. Được chừng hai phút hai cánh tay tôi bắt đầu run lên. Trái tim tôi cũng đập những nhịp nhanh hơn dồn dập hơn. Cuối cùng tôi phải bỏ cả hai hòn gạch xuống nền gạch bông chánh điện rồi chống tay loạng choạng đứng dậy. Chú tiểu đang quét sân gần đó trông thấy kêu lên: "Nè thằng nhỏ kia!" rồi bắt tôi phải quỳ trở lại. Tôi không còn biết sợ hãi là gì một tay tôi với lấy cặp tạp mắt tôi như trợn lên và miệng thì hét to:

- Không thèm học ở đây nữa!

Rồi tôi bỏ chạy ra phía cổng thất thủ leo dốc Ngã ba Thành Kèn về nhà. Vì chuyện này mà cha tôi phải đến nhà chùa xin lỗi đồng thời cũng giải thích cho các nhà sư hiểu về tình trạng sức khỏe của tôi vốn không phù hợp với việc nặng. Hôm sau ông bảo tôi cứ đi học vì nhà chùa đã đồng ý miễn cho tôi khỏi tập thể dục sáng. Nhưng tôi nhất định ở nhà. Dẫu dành thế nào tôi cũng không bước ra khỏi cửa cha mẹ tôi đành chịu thua. Sau này tôi nghe mẹ tôi kể là hồi gia đình tôi còn ở Đà Nẵng tôi cũng từng được gửi "thọ giáo" một bà giáo già. Không hiểu tôi lười tập viết sao đó mà bà giáo dọa sẽ "lấy kim bẻ răng". Thế là tôi nhất quyết không đi học với bà giáo nữa. Mẹ tôi hay mắng con - mà tôi không hiểu là bà mắng yêu hay mắng thật: "Thằng này lớn lên bướng bỉnh lắm đây. Mà như thế thì chỉ khổ thân thôi con ạ".

Ở khu Ngã ba Thành Kèn không lâu cha mẹ tôi tìm thuê được một thửa đất ruộng bên quốc lộ 1 cách trung tâm tỉnh chừng ba cây số với ý định lập nghiệp lâu dài tại đây. Trong khi gia đình vẫn ở Ngã ba Thành Kèn một mình cha tôi đến đây mua chục xe đất đỏ nền rồi thuê thợ cất ba gian nhà ngói vách gỗ ghép nền lát xi măng. Xong xuôi gia đình tôi mới dọn đến ở. Có lần cha tôi kể cho tôi nghe chuyện ở quê ông. Chuyện rằng ngày trước khi ông nội tôi được cho ra ở riêng thì đất thổ cư của gia đình đã hết ông phải nhận một phần đất ruộng. Vì thế để có thể cất nhà ông đã phải đào ao lấy đất vượt

mặt ruộng làm nền. Cha tôi nói bây giờ đến đời ông cũng phải vượt mặt ruộng làm nhà y hệt thế. Ông mong sao đến lượt tôi sự việc ấy không phải lập lại. Thực tế đã diễn ra đúng như điều mong ước của cha tôi. Chính trên mảnh đất này từ giữa năm 1956 cho đến nay gần năm mươi năm qua đi tôi đã lớn lên đi học và làm việc.

Hồi ấy quốc lộ 1 ngang nhà tôi là con đường chính để đi từ Sài Gòn thẳng ra miền Trung hay đến Dầu Giây rẽ trái lên Đà Lạt. Để lấy bóng mát sân trước cha tôi trồng một giàn dưa tây. Vào mỗi đợt dưa tây ra hoa những cái đài hoa nở lớn như hình bông sen úp ngược bên trong có mấy tua nhụy đực bao quanh bầu nhị cái. Cha tôi thụ phấn nhân tạo cho cả giàn dưa trái dưa tây phát triển và lớn lên đợt nào cũng có vài chục nhìn rất thích mắt. Dưa tây chín lấy phần thịt và cả ruột lẫn hột dầm đường cát trắng và nước đá ăn vừa ngọt vừa chua là một món giải khát hấp dẫn. Du khách đi Đà Lạt về ngang nhà tôi thấy giàn dưa tây lúc liu trái nhiều xe hiệu kỳ dừng lại hỏi mua dăm ba trái về làm quà. Lúc đầu thì chỉ là tình cờ sau đó cha tôi chăm chút giàn dưa tây hơn xem đây như một phần thu nhập cho gia đình. Quốc lộ 1 khi ấy còn hẹp chỉ vừa hai chiếc xe ngược chiều và thêm chỗ cho một chiếc thứ ba lách tránh vì vậy khi có xe chở du khách từ Đà Lạt về dừng lại mua dưa tây nhà tôi đoạn đường này chật chội hẳn đi. Nhưng tôi lại rất thích cái hình ảnh xe đậu nối đuôi nhau hai ba chiếc khách thì người vào mua dưa người đi lại bên đường rồi tiếng còi xe của những chiếc xe chạy đường trường inh ỏi. Cả một đoạn đường ngoại ô thành phố trở thành một xóm nông thôn.

Về chuyện học hành của tôi do vẫn phải dưỡng bệnh không ngày nào không phải uống thuốc lại sợ tái diễn việc bà giáo già ở Đà Nẵng hay việc tập thể dục sáng ở Hưng Bình Tự cha tôi quyết định không cho tôi đến trường học nữa. Hồi ấy trẻ con ở miền Nam không bắt buộc phải đi học từ lớp đầu cấp mà có thể ghi tên vào một trường tư học bất cứ lớp nào vừa sức mình của bậc tiểu học. Cha tôi mua một bộ bài có 24 chữ cái về dạy tôi đánh vần rồi ghép chữ. Ông cũng dạy tôi làm bốn phép toán cộng trừ nhân chia. Tôi được học chữ học bốn phép toán như thế như một trò chơi. Khi tôi lên tám tuổi phía trước nhà tôi có một "cô giáo" tuổi chỉ khoảng mười sáu mười bảy không biết ở đâu dọn đến thuê nhà để ở vừa đi học trung học trên tỉnh vừa mở lớp dạy học trò tiểu học. Cha tôi cho tôi qua bên kia đường đi học ở cái lớp *đủ thứ lớp* ấy!

Cô Thu - tên "cô giáo" là Thu - đã được cha tôi cho biết về tình trạng sức khỏe và nhất là cái tính "bướng" của tôi nên đã dạy tôi học với những lời lẽ hết sức ngọt ngào và có lẽ còn có cả sự nín nhịn. Đi học cô Thu tôi không học theo một lớp nào nhất định. Về trình độ đọc chữ tôi đã đọc thông được cả chữ trong sách chữ trên báo. Nhưng viết chữ thì tôi phải ngồi chung với bọn lớp Năm (*Lớp Một bây giờ*). Làm toán thì bốn phép tính cộng trừ nhân chia và bảng cửu chương với tôi là "đồ bỏ" bởi vì tôi đã biết giải những bài toán đố! Tôi còn làm tính nhẩm rất nhanh. Vì thế cô Thu cho tôi học toán chung với bọn lớp Nhì (*lớp Bốn bây giờ*).

Ngày ấy phía nhà tôi còn là một khu ruộng lúa của một tư nhân. Còn phía bên kia đường nơi cô Thư thuê nhà ở và dạy học là đất trồng cao su được nhà cầm quyền phá bỏ để làm nhà ở cho một nhóm dân di cư. Khu ruộng lúa khá rộng và tính từ một phía đầu ruộng thì căn nhà của gia đình tôi nằm vào quãng thứ năm thứ sáu cuối cùng. Nghĩa là phía sau và phía trái nhà tôi vẫn là ruộng lúa. Đêm đêm tôi nằm ngủ trong nhà còn nghe tiếng ếch nhái tiếng dế rả rích thỉnh thoảng cả nhà lại phải một phen hoảng hồn khi phát hiện một con rắn nước từ ngoài ruộng bò vào sân sau hoặc vui mừng bắt được một chú rùa con đi lạc một con cào cào to bằng ngón tay hoặc con bướm cánh nâu chấm đen to bằng cái quạt giấy ở đâu bay lạc đến... Rắn cha tôi đập đầu cho chết hẳn rồi giao cho mẹ tôi làm món chả rắn ăn rất ngon. Nhưng rùa thì ông không cho làm thịt mà thả đi vì theo ông rùa là con vật thiêng biết “quy y” đạo Phật!

Ở bên kia đường mấy cây cao su còn lại đến mùa trái nở rơi xuống đất những cái hạt nhỏ bằng đầu ngón tay có màu nâu nền và những đường vân trắng cứ như ai đó vẽ vào! Bọn trẻ con chúng tôi rất thích nhặt hạt cao su để chơi. Chúng tôi khoét hai cái lỗ trên và dưới chiều đứng hạt rồi lòn vào một cái que phía trên là cái chong chóng giấy; lại khoét thêm một cái lỗ ngang hông để lấy ra một đầu dây cột sẵn vào cái que thân chong chóng trong hạt. Dĩ nhiên là trước đó phần ruột hạt đã được moi bỏ đi rồi. Một tay cầm hạt cao su tay kia cầm đầu dây chúng tôi kéo mạnh cho chong chóng quay rồi buông tay sợi dây được tự động kéo vào để tiếp tục một vòng quay sau. Món đồ chơi tự tạo ấy xem có vẻ dễ làm nhưng không phải đứa nào cũng “sản xuất” được nhưng chơi nó cũng mau chán. Một thằng bạn tôi không nhặt hạt cao su để làm đồ chơi như thế mà nó rất siêng nhặt cát để dành được một hai ký lô thì đem bán cho người ta "nấu xà bông" - Nó giải thích. Với cái hạt cao su ấy chúng tôi còn dùng để "chữa bệnh". Ấy là khi bị cơn côn trùng nào đó đốt chích sưng ngứa trên tay chân chúng tôi lấy hạt cao su chà mạnh vào ống quần tay áo một lúc rồi áp mạnh vào chỗ đau. Chỉ vài lần là sức nóng của hạt cao su làm giảm hẳn cơn đau ngứa! Ở bên đường khi ấy cũng có một cây bông gòn mà khi trái gòn già vỏ trái nứt ra bông gòn trong trái theo gió bay đi khắp nơi trong xóm. Có người xin hái trái gòn về lấy bông nhồi được cả mấy cái gối! Trong vùng cũng có nhiều cây bông gòn khác mà sau này người ta chặt hạ dần đến nay chỉ còn sót lại vài ba cây trong đó có một cây ở phía bên kia suối Mương Sao quốc lộ 15.

Đi học "trường cô Thư" tôi không mặc quần ngắn như đám con trai mà phải mặc bộ pygiama màu trắng. Nước da trắng xanh bệnh hoạn của tôi cũng rất hợp với bộ quần áo này và vì thế tôi bị tách ra khỏi đám con trai. Có điều tôi cũng rất ghét đám con gái vì trong số ấy có một con bé tên là Cầu mà mỗi khi xem bài tập viết của tôi cô Thư thường nói: "Em phải cố gắng tập viết đẹp như bé Cầu". Tôi thầm nghĩ: "Việc gì tôi phải cố gắng bằng con bé Cầu ấy chứ?". Giờ ra chơi tôi không ra sân mà cứ ngồi trong lớp khi thì giải trí bằng cách tự đặt cho mình một bài toán nhân chia gì đó rồi ngồi làm; khi thì đánh ca rô một mình tay phải đánh với tay trái; đôi khi tôi cũng "lén"... tập viết! (Và nghĩ là mình

tập viết không phải vì để... bằng con bé Cầu!).

Đi học như thế được chừng ba tháng thì tôi bắt đầu... chán vì phải "ngồi" mấy lớp khác nhau. Có lẽ cô Thư cũng nhận ra điều ấy nên một hôm cô đã qua bên này đường thưa chuyện với cha tôi rằng để có lợi cho việc học của tôi cô sẽ giới thiệu tôi vào học trường tư thục Khiết Tâm trên tỉnh lỵ Biên Hòa để tôi được đi học chính thức. Cha tôi còn ngần ngừ vì sợ tôi phải đi xa thì tôi đã hăng hái xin đi. Cha tôi đâu biết đứa trẻ sáu tuổi là tôi ngày ấy trong lòng háo hức biết bao với một lớp học và những đứa bạn mới trên tỉnh!

Khu nhà tôi ở hồi ấy là một vùng ngoại ô cách khu trung tâm tỉnh lỵ hơn hai cây số người nội ô đi hết dốc Kỷ Niệm đã thấy đường sá vắng vẻ nói chi phải đi thêm hơn cây số nữa lại qua một khu nghĩa trang khu Đài Kỷ Niệm khu Vườn Mít còn vắng vẻ hơn... Sự có mặt của những gia đình người Bắc di cư cũng chỉ làm cho khu vực này bớt hoang vắng đôi chút. Những căn nhà lợp ngói như của gia đình tôi đã hiếm và chỉ có ở phía bên này đường nhà lợp tôn cũng chẳng nhiều nhận gì mà đa số là nhà lợp lá vách gỗ ván ghép hoặc vách đất trộn rơm! Nắm được nhu cầu ấy cha tôi mở tiệm buôn bán lá lợp nhà cây cừ tre lá buông...

Hàng hóa có hai nguồn cung cấp. Tre và lá buông thì từ miệt Long Khánh chở xuống. Những tấm lá buông được kết lại cao khoảng hai mét thường dùng để quây vách chiều dài nhiều cỡ nhưng đều được gấp hoặc cuộn lại còn khoảng ba bốn tấc vừa dễ vận chuyển mà lưu kho cũng gọn. Tôi nghe một người bạn hàng kể với cha tôi rằng ở vùng Long Khánh giáp với Bình Thuận có cả một rừng cây buông. Đây là một loại cây giống như cây cọ khi già mới trở bông một lần rồi chết. Lá của loại cây này được dân địa phương chặt xuống đem phơi vài nắng đến khô thì từ màu xanh ngả qua màu vàng nhạt. Những người khai thác lá gọi tên là "lá buôn" với "buôn" mang ý nghĩa là "buôn bán". Do giọng đọc Nam bộ "buôn" nghe giống như "buông" nên lâu ngày người ta ghi chép trên sách báo là "lá buông" rồi cứ giữ luôn như thế. Để giữ lá buông khỏi ẩm mốc nhất là vào mùa mưa người ta xông hóa chất bảo quản nên trong kho chứa lá buông bao giờ cũng có mùi khó chịu mà phải mấy tháng sau cả nhà tôi mới "quen" được.

Lá lợp nhà và cây cừ thì cha tôi là "mối" của một vựa lá ở vùng Khánh Hội Sài Gòn. Mỗi tuần họ cho xe tải nhỏ chở hàng về tỉnh Biên Hòa phân phối cho các tiệm "mối" trong đó có nhà tôi. Tôi còn nhớ như in hình ảnh những anh chị công nhân người nào cũng khoác thêm chiếc áo thun tay đeo găng chân đi giày ống màu đen đứng thành hàng dài nữ đội nón lá nam đội mũ rộng vành chuyền tay nhau từng tệp lá kết bằng lá dừa nước đã khô có màu nâu nhạt chiều dài hơn một mét từ xe vào đến kho hàng nhà tôi. Cha hoặc mẹ tôi đứng cùng một người áp tải đếm: "Năm mươi mười lăm hai mươi..." từng xấp năm lá một lần lượt được xếp cứ vài ba xấp lại trở đầu để chồng lá ngay ngắn không bị đổ. Họ làm việc xong giành nhau uống nước trà đá mẹ tôi pha sẵn thỉnh thoảng còn được chiêu đãi mỗi người

vài múi cam hoặc quý hơn là vài múi bưởi chính gốc Biên Hòa. Có lần tôi được cha tôi dẫn theo lên vừa lá ở Khánh Hội được đi đò mà người đưa đò chẳng cần chèo chỉ dùng một cây sào tre dài chống xuống đáy rạch đẩy thuyền đi tới. Không khí sinh hoạt ở vừa lá còn sôi nổi gấp bội cảnh giao nhận hàng ở nhà tôi. Người ta chuyển hàng từ dưới thuyền lớn lên bờ không chỉ có lá dừa nước đã kết thành miếng để lợp nhà mà còn có cả những cây tràm thân mốc thối những cây tre đủ kích cỡ dài ngắn lớn nhỏ... Xe tải nhỏ hai ba chiếc phải xếp hàng chờ đến lượt “gie” đuôi vào vừa “ăn hàng”. Vậy mà vẫn có một đám mây người ngồi đánh bài có những người khác xúm quanh bàn nhậu...

Khu ngoại ô gia đình tôi ở được gọi tên là Phúc Hải thay cho cái tên tạm gọi trước đó là Nhà Dù. Theo lời kể của cha tôi thì một năm trước khi chính quyền cho chặt khu rừng cao su phía đối diện nhà tôi để phân chia cho dân di cư làm nhà ở thì họ đã cho làm những căn nhà bằng dù lớn căng lên ở phía khu đất trống cạnh doanh trại quân đội để bà con ngụ tạm. Vì vậy trong một thời gian ngắn khu vực này được gọi là "khu nhà dù" (*Ngày nay rất ít người còn biết đến cái tên gọi Khu Nhà dù ấy*). Dân di cư được phân bố ở đan xen. Phía bắc quốc lộ 1 kế bên doanh trại quân đội là một khu dân cư tự do phần lớn gia đình theo đạo Phật từ các nơi đến thuê đất ruộng vượt nền cao làm nhà như gia đình tôi. Ở khu dân cư này một ông cư sĩ tên là Cao đã dựng lên một ngôi chùa Phật giáo nhỏ ở cách mặt đường nhựa hơn trăm mét để bà con theo đạo Phật có chỗ cúng bái thờ tự (*Những năm sau này bà con đã mời nhiều nhà sư lần lượt về trụ trì và nhiều lần chùa được sửa sang xây dựng nay đã thành một ngôi chùa khang trang là chùa Đức Quang*). Hết khu ruộng là vùng đất cao hơn có đường dẫn vào một khu gia binh dành cho gia đình lính sư đoàn 4 thời ấy kế đó là khu dân cư công giáo chính là bà con giáo xứ Phúc Hải ngày nay. Bà con một giáo xứ khác là Tân Hải (*nay là giáo xứ Thuận Hòa*) ở liền cạnh đó cách một con đường nhỏ mà bà con quen gọi là "đường đất đỏ" kéo dài đến Cầu Đúc (*Cầu Tân Hiệp bây giờ*) còn phía bên kia suối Máu là khu Bàu Hang khu dân cư của bà con người gốc Biên Hòa. Ở bên kia đường phía nam quốc lộ 1 dân cư cũng ở đan xen. Ngoài mặt đường còn có những người dân tự do mua lại đất nền của dân di cư công giáo được cấp còn phía trong cho đến đường rầy xe lửa toàn là gia đình công giáo sống bằng nghề trồng rau xanh. Vì thế khu này một thời đã có tên là "Khu Vườn rau" mà bây giờ là khu giáo xứ Bình Hải. Bên kia đường rầy ra đến quốc lộ 15 bà con người Nam bộ quần tụ sinh sống và được gọi là "Khu Làng Nam". Có một con đường tắt đi từ quốc lộ 1 qua quốc lộ 15 gần đầu đường lộ 1 có ngôi chùa của phái Phật giáo Tứ Ân gốc từ một tỉnh miền Tây trong sân có đặt tượng một con ngựa nên bà con quen gọi là "Chùa con ngựa"; còn gần đầu đường lộ 15 thì có đình thờ anh hùng chống Pháp Trương Công Định.

Dù thế nào thì lâu dần những người xa lạ là người Nam người Bắc theo đạo Công giáo Phật giáo hay trong nhà chỉ thờ tổ tiên... cũng đã như ông cha ta xưa "bán anh em xa mua láng giềng gần" trở thành hàng xóm ngày một thân thiện nhau hơn. Cha tôi được xem như một người có uy tín của khối bà con Phật giáo được cha Khanh cha xứ Phúc Hải ngày ấy rất quý trọng thường mời vào nhà thờ dự

tiệc (Và tôi cũng được cha xứ rất cưng thường gửi cho khi thì trái táo lúc là chùm nho... hoặc cho người dẫn vào sân nhà thờ xem chiếu phim thường là phim cao bồi Mỹ vừa cười ngửa vừa bắn súng). Cha tôi cũng được Hội Đình thờ danh nhân Trương Công Định ở khu Làng Nam mời vào Hội đồng hương chức. Chưa hết ông còn cùng với hai người khác mà tôi thường gọi một người là "cụ Niệm" người kia là ông "Hội Ngữ" vận động bà con thành lập một Hội “tập thiện” và xây dựng ngôi đền thờ Trần Hưng Đạo ở phía đối diện chéch với cổng chính doanh trại quân đội ngày ấy. Chính tại Đền thờ Đức Thánh Trần này cha mẹ tôi đã "bán" tôi cho Thánh đến năm 12 tuổi mới làm lễ chuộc về. Mẹ tôi giải thích mỗi lần đưa tôi lên Đền dự lễ chính vào ngày Hai mươi tháng Tám âm lịch hằng năm: "Vì con bệnh hoạn khó nuôi nên phải bán cho Thánh để ma quỷ nó không dám quấy nhiễu bắt đi. Trước khi đủ mười hai tuổi con vừa là con của cậu mợ vừa là con nuôi của Thánh. Vì vậy con phải đi lễ Thánh thành kính biết chưa?". Tôi không hiểu lắm chỉ biết là đi lễ Thánh tôi thấy mọi người ai cũng trang trọng ít nói hoặc chỉ nói lầm rầm và như đang lạc vào một thế giới nào khác! Tôi luôn ngồi bên cạnh mẹ tôi không rời nửa bước vì nỗi sợ bao giờ cũng xuất hiện trong tôi ngay từ khi bước đến cửa Đền nhìn thấy tượng hai ông Thiện Ác đặt ở hai bên. Thế nhưng khi đến "trường cô Thư" hoặc những lúc chơi đùa cùng chúng bạn tôi lại rất hãnh diện với chúng nó vì mình là "con nuôi của Đức Thánh Trần"! Đền thờ Đức Thánh Trần có ban Tế lễ mà vào thời gian đầu khi “cụ Niệm” còn sống thì ông là chủ tế. Sau này “cụ Niệm” mất đi thì đến lượt cha tôi chủ tế. Ông may áo dài khăn đóng màu xanh dương có thêu hoa văn trước buổi tế Thánh vào hai mươi tháng tám bao giờ ông cũng tắm gội chay tịnh cả tuần đồng thời ôn tập vòng tay bước chân theo đúng bài bản tế lễ. Có mấy lần tôi đến Đền Đức Thánh Trần xem tế. Ban hội tế ai cũng nghiêm nghị bước từng bước theo tiếng hô ánh mắt và nét mặt trang trọng giữa vòng người đứng xem. Lễ hội diễn ra trong một khoảng không gian nhỏ khói hương nghi ngút và gần như tuyệt đối im lặng khiến đứa trẻ “con nuôi” như tôi dù chưa hiểu biết nhiều và kể cả chưa có niềm tin gì cũng phải nghĩ ngợi về sự tôn kính của người đời sau dành cho vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo...

Tên chiếc cầu ấy ngày nay là cầu Tân Hiệp nhưng những người sống kỳ cựu trong khu Phúc Hải như tôi vẫn quen gọi là Cầu Đức. Có lẽ đầu tiên hai chữ "cầu đức" được dùng để gọi chiếc cầu căn cứ vào phương thức xây dựng cầu để phân biệt với các loại cầu sắt cầu cây; lâu dần đã trở thành tên riêng "Cầu Đức". Đó là một chiếc cầu bê tông ngang qua đường chảy xuyên quốc lộ 1 của con suối Máu đổ nước tiếp tục ra sông Đồng Nai cách đó vài cây số đường chim bay. Cầu Đức ngày xưa chỉ gần hơn chục thước chiều ngang cầu cũng không rộng rãi gì vừa bằng chiều ngang quốc lộ với hai làn xe hơi hai thành cầu chỉ cao chừng non thước. Sau này người ta có sửa sang thì cũng chỉ là trải thêm những lớp nhựa đường trên mặt cầu. Mãi gần đây chiếc cầu mới được mở rộng để phù hợp với việc mở rộng quốc lộ 1 từ mười mấy mét lên hơn hai mươi mét.

Nhà tôi ở cách Cầu Đúc non một cây số ngược về phía nội ô Biên Hòa. Phía bên kia Cầu Đúc còn có hai địa danh nổi tiếng cả nước xưa nay: Nhà thương điên Biên Hòa và trại giam Tân Hiệp. Đó cũng là hai nơi gắn với đời tôi bằng nhiều kỷ niệm khó quên.

Ngày ấy con suối chảy dưới chân Cầu Đúc vào mùa nắng nước thường cạn đến đôi khi khô kiệt lộ ra những lườn cát óng ánh ánh mặt trời. Khi mới dọn đến ở khu Phúc Hải tôi còn là một đứa trẻ lên sáu thường có những buổi chiều lén trốn nhà theo chúng bạn lên phía Cầu Đúc xuống lội suối và nghịch cát. Chúng tôi có thể đi bộ dọc theo lòng suối từ đó qua địa phận khu “Làng Nam” rồi đến tận cầu Mương Sao bên quốc lộ 15 mới quay về. Cái thú của chúng tôi là từ dưới lòng suối thấp chúng tôi nhìn ngược lên hai bên bờ có nơi là vườn tược có nơi là ruộng đồng có nơi là phía sau nhà dân mà nếu có điều kiện chúng tôi sẵn sàng thót lên bờ hái trộm một thứ trái cây nào đó hoặc dầm ruộng bắt cá lòng tong về nuôi...

Buổi chiều một ngày đầu tháng 12 năm 1956 đang ngồi chờ cơm tôi nghe có tiếng súng nổ phía Cầu Đúc. Một lúc sau thì lại nghe người lớn kháo nhau: "Tù vượt ngục ở Trung tâm Cải huấn họ chạy được nhiều lắm nhưng cũng có nhiều người bị bắn chết...". Đứa trẻ sáu tuổi như tôi ngày ấy không thể biết gì về chuyện người lớn chỉ biết "tù vượt ngục" và "có nhiều người bị bắn chết" nghe ra đầy hấp dẫn và gợi sự tò mò. Sáng hôm sau vừa ra cổng tôi đã thấy mấy đứa bạn thập thò rủ đi xem "người chết". Chúng tôi mau chóng đến Cầu Đúc và thấy ở phía bên kia cầu đã có nhiều người lớn đứng lố nhố hướng mắt về khoảng đất trống của sân banh bên đường đối diện cổng Trung tâm Cải huấn Tân Hiệp. Tôi chen lấn tìm một chỗ để xem. Trên khoảng đất sân banh ấy nhiều xác người nằm đó đang được lính tráng xếp lại thành hàng. Tôi đoán đó là "tù". Một lát thì lại nghe người lớn nói chuyện với nhau "họ là tù chính trị" "họ là Việt Minh" nhưng tôi không hiểu gì cả.

(Có hai điều tôi hoàn toàn không ngờ là:

Một khi tốt nghiệp dược sĩ tôi mở nhà thuốc tây và trong một thời gian đã cung cấp thuốc cho những người tù trong Trại giam Tân Hiệp thông qua một vị linh mục tuyên úy vào làm lễ cho tù nhân hàng tuần. Vị linh mục này nhận những thư kể bệnh của tù nhân được viết trên giấy báo gói bánh mì giấy lót đáy bánh bao giấy gói xôi... bằng bút chì hay bút bi rồi chuyển cho tôi. Căn cứ vào các “thư kể bệnh” đó tôi soạn thuốc và viết giấy hướng dẫn cách dùng cho tất cả vào hộp các-tông giao lại cho vị linh mục chuyển cho tù nhân. Từ Tân Hiệp vào những năm 70 đa số là tù chính trị cộng sản có sinh viên học sinh đấu tranh phản chiến có. Chính vì thế mà hồi tháng 3/1975 cảnh sát xã Bình Trước đã gọi tôi tới trình diện và nhắc nhở “không nên tiếp tục việc đang làm”! Sau ngày giải phóng có người bảo tôi nên “báo công” nhưng tôi không làm vì đó chỉ là một hành động nhân đạo của một người làm nghề y tế còn tràn đầy nhiệt huyết với nghề và với đời như tôi.

Hai là hai mươi bảy năm sau vào năm 1983 khi từ già đơn vị được để chuyển về công tác tại Hội

Văn nghệ tỉnh Đồng Nai tôi đã gặp và làm việc dưới quyền một người tù vượt ngục ngày xưa ấy: nhà văn Lý Văn Sâm chủ tịch Hội. Sau này tôi còn có nhiều dịp gặp bác Nguyễn Trọng Tâm người lãnh đạo cuộc vượt ngục cùng nhiều người tù ngày xưa ấy trong công tác và đời thường).

Sau này cha tôi xin được làm đại lý (*quen gọi là đề bô*) bán bia nước ngọt nước đá bẹ cho hãng BGI có cơ sở chính ở đường Hai Bà Trưng Sài Gòn. Cùng với trào lưu xã hội dần ổn định và kinh tế tương đối phát triển ngày ấy cha tôi cho sửa nhà thay vách gỗ bằng tường gạch đặc biệt làm lại nền xi măng thật chắc để đủ sức chứa những thùng bia nước ngọt nặng nề được xếp từng chồng cao quá tay với của một người lớn. Phía trước nhà cha tôi treo tấm biển hiệu "Đề bô Thanh Hải" để nhớ về quê ông: làng Hải Triều thôn Thanh Triều.

Hàng tuần hãng BGI cho xe chở bia và nước ngọt từ Sài Gòn đến Biên Hòa để phân phối cho các đại lý của mình. Một người đại diện của hãng mà tôi nghe người lớn gọi là "thầy ký" đi đến trước để làm sổ sách hóa đơn. Khi xe chở bia và nước ngọt đến người áp tải chỉ việc bỏ hàng xuống theo số lượng đã ghi và nhận thùng vỏ chai không tương ứng lên xe. Bia chỉ có một loại "Con cộp" nhưng nước ngọt thì khá phong phú nào nước cam đỏ nước limônát trong veo nước bạc hà xanh nước kem sô đa vàng nhạt nước xá xị nâu đỏ nước sô đa lăm bọt. Sau này tôi thấy *đề bô* của cha tôi còn nhận mua hàng của hãng SEGI ở bến Vân Đồn khu Khánh Hội Sài Gòn với các mặt hàng nước ngọt như nước cam vàng Côcacôla "bialây" (*nước cam ép không ga*)...

Thời ấy ngành chế biến nước giải khát chưa có sự cạnh tranh mạnh. Hãng BGI của Pháp được xem là lớn nhất và độc quyền về bia. Hãng SEGI nhỏ hơn của Mỹ thì phải số mặt hàng nước ngọt tham gia thị trường không nhiều. Riêng có hãng Phương Toàn của người Hoa với lôgô "con nai" thì có hương vươn lên. Họ cũng sản xuất nhiều thứ nước ngọt tương tự hãng BGI trong đó nước xá xị "con nai" có mùi vị thuốc Bắc khá nổi tiếng sau này họ còn làm đại lý cho hãng Pepsicôla đối thủ chính của Côcacôla. Chính vì vậy mà khá nhiều *đề bô* loại trung bình như của cha tôi bị hãng BGI ràng buộc không được nhận hàng của hãng Phương Toàn về bán. Theo tôi được biết thì cả tỉnh lỵ Biên Hòa chỉ có đề bô Phúc Chấn Xương ở bên chợ Kỷ Niệm là đại lý lớn nhất nhì tỉnh lỵ mới dám nhận phân phối nước ngọt cho hãng Phương Toàn.

Nước đá bẹ được gọi theo đơn vị "cây" có thiết diện chừng 2x3 tấc và dài hơn một thước. Chính hãng BGI cũng cho xe chở nước đá từ Sài Gòn xuống Biên Hòa bán cho các đại lý của mình. Xe chở nước đá có thùng xe đóng kín bưng gồm một người tài xế và một người áp tải kiêm giao hàng. Khi cửa sau xe mở ra hơi lạnh tỏa ra theo từ xa nhìn như có lớp sương mù rất đẹp đang phủ kín anh áp tải. Một

tay bỏ vào vị trí khoảng 1/3 phía trên của cây nước đá tay kia cầm cái móc móc vào đầu còn lại anh áp tải di chuyển cây nước đá nhẹ nhàng từ xe đậu ngoài lề đường vào các bể chứa cho khách.

Biên Hòa cũng có hãng nước đá làm đá bẹ như của hãng BGI nhưng sản lượng thấp chất lượng cũng kém hơn: có những bẹ đá còn đục màu ngà thay vì đúng chuẩn là phải trong suốt nhiều bẹ ở một đầu đọng cả cặn bẩn và có vị mặn của muối lọt qua khuôn vào. Hãng nước đá này nằm trong một khu đất phía ngoài nhà ga Biên Hòa. Vào mùa nắng khi nào bán hết số nước đá nhận mới từ hãng BGI cha tôi bảo anh giúp việc đạp xe ba gác lên ga Biên Hòa mua thêm nước đá “hãng nhà” thường là phải với giá cao hơn một chút.

Ở nhà tôi để chứa nước đá cha tôi cho xây hai cái bể chứa bằng gạch tô xi măng chiều dài một thước sáu chiều ngang vừa xếp ba cây nước đá sát nhau mà vẫn còn dư mỗi bên một tắc để nhồi trấu thật chặt vào ủ giữ lạnh. Tôi vẫn thường xin cha tôi mỗi ngày một chai nước ngọt đem vui vào bể chứa nước đá gọi là "lát xê" lúc lấy ra khui chỉ uống không cũng mát lạnh rất ngon. Bù lại công việc của tôi là mỗi ngày phải phụ người giúp việc "dũ" trấu tức là đảo lớp trấu ướt phơi ở sân sau bằng đôi chân "dũ" qua "dũ" lại hoặc bằng cái bồ cào gỗ răng thưa.

Đề bô Thanh Hải của cha tôi có một khách hàng quen: bác sĩ Nguyễn Tuấn Anh Giám đốc Nhà thương điên Biên Hòa ngày ấy. Chính ông cũng là vị bác sĩ chăm sóc sức khỏe cho tôi tận đến năm tôi 15 tuổi trở thành một đứa trẻ bình thường như chúng bạn - trừ quả tim hầu như không phát triển thêm bao nhiêu và lúc nào cũng sẵn sàng đập loạn nhịp.

Bác sĩ Tuấn Anh có phòng mạch tư ở khu phố ngang dốc Kỷ Niệm. Ông có rất đông thân chủ vì với những người nghèo ông khám bệnh cho toa mà không nhận tiền thù lao. Bệnh nhân của ông từ các nơi trong tỉnh Biên Hòa ở cả tỉnh Bình Dương kế cận đặc biệt là những người ở các vùng nông thôn có mặt ở phòng đợi rất sớm để lấy số chờ đến lượt mình được vào khám bệnh. Định kỳ mỗi tháng một lần tôi được cha tôi đưa đến phòng mạch tư của bác sĩ Tuấn Anh khám sức khỏe tổng quát và nhận toa thuốc ra nhà thuốc tây gần đó mua về uống bồi dưỡng. Khoảng sáu giờ sáng chúng tôi mới đi xe lam đến. Bệnh nhân đến trước ngời đợi dễ chừng không dưới hai mươi người trên tay người nào cũng có một miếng thẻ ghi số thứ tự. Nhưng cứ khi tôi đến thì chị y tá lại rời chỗ ngồi của mình sau cái bàn phủ "ra" trắng để dắt tay tôi vào phòng khám ngay khi có một bệnh nhân vừa khám xong đi ra. Chị nói với mọi người: "Em này là người nhà của bác sĩ".

Bác sĩ Tuấn Anh rất lịch sự ngay cả với một đứa trẻ như tôi. Ông vừa khám bệnh vừa hỏi chuyện học hành và vui chơi của tôi như một người cha hỏi han đứa con yêu của mình. Tôi được biết ông cũng

có một người con trai bằng tuổi tôi. Có lần ông hỏi tôi lớn lên thích làm nghề gì? Tôi trả lời ngay không cần suy nghĩ: "Cháu muốn làm bác sĩ". Ông cười rất tươi và dặn: "Nếu thế thì cháu phải chịu khó học thật giỏi". Mỗi khi chị y tá chích thuốc vào mông tôi lại ngoái đầu lại để xem. Bác sĩ Tuấn Anh lại cười cười bảo: "Thế mới làm bác sĩ được". Tôi không nói gì vì thực ra tôi hay bị giật mình cứ phải nhìn tận mắt lúc nào chị y tá phóng cây kim vào mông mới yên tâm tuy cảm giác đau nhói vẫn có.

Trên đường từ phòng mạch tư trở về nơi làm việc ngang nhà tôi bác sĩ Tuấn Anh thường dừng xe thàng đôi ba lần để mua nước sô đa hay nước suối Vĩnh Hảo đóng chai về uống. Một lần ông bảo tôi lên xe rồi chở tôi vào Nhà thương điên. Thấy tôi có vẻ sợ ông trấn an: "Bác sĩ không để cháu gặp những người bệnh nặng đâu. Có điều cháu cần biết là: muốn làm bác sĩ thì cháu phải tiếp xúc với mọi loại bệnh nhân chứ không được phép chọn lựa". Lần ấy tôi được dẫn đi một vòng quanh Nhà thương điên chủ yếu là những phòng làm việc phía ngoài con suối Máu chảy dọc theo khu vực và một hai trại bệnh ở phía bên kia suối. Tôi nhìn thấy những người điên nhẹ mặc đồng phục đi lại cùng những người bác sĩ y tá mặc áo choàng trắng. Người nào cũng kính cẩn khi gặp bác sĩ Tuấn Anh.

Tôi quên cả sợ hào hứng nói với ông:

- Cháu sẽ học làm bác sĩ rồi về đây chữa bệnh cùng bác sĩ.

Ông cười rất tươi với tôi:

- Nhưng không chừng lúc ấy thì bác sĩ đã già đã nghỉ hưu mất rồi!

(Mơ ước của tôi và dự đoán của bác sĩ Tuấn Anh chẳng bao giờ là sự thật vì tôi chỉ thi đậu vào trường Dược ra trường lại quay qua đi viết văn làm báo! Những lần trở lại nơi này chỉ là những lần liên hệ công tác).

Nhớ Biên Hoà kì 2

Thời khai trí

Cô Thư dẫn tôi lên trường tư thục Khiết Tâm nằm trong khuôn viên nhà thờ Biên Hòa xin cho tôi vào học lớp Nhì (*lớp Bốn bây giờ*). Thầy giáo dạy lớp Nhì nhìn tôi khá lâu không hiểu vì nước da xanh xao hay đôi mắt ngơ ngác của tôi nhìn quanh lớp rồi thầy kiểm tra tập vở của tôi mà trước khi đi cô Thư còn nhắc phải đem theo. Thầy chỉ lật lật vài trang xem qua đã lắc đầu nói với cô Thư:

- Viết chữ xấu thế này thì làm sao vào học lớp Nhì được. Em đưa xuống xin học lớp Ba là vừa!

Tôi chẳng hề quan tâm đến chuyện mình sẽ được học lớp mấy vì trước khi đi cha tôi đã nói với cô Thư là "Chuyện học của cháu trăm sự nhờ cô lo giúp". Cô Thư còn nài nỉ thầy giáo lớp Nhì một lúc nhưng thầy nhất quyết không chịu nhận tôi vào học. Thế rồi tôi được dẫn qua lớp Ba (*cũng là lớp Ba*

bây giờ). Cô giáo lớp Ba chẳng cần xem tập vở đã vui vẻ nhận tôi vào học xếp tôi ngồi bàn gần cuối lớp vì so với đám học trò cũ của cô thì tôi có vẻ “lớn con” hơn. Buổi học ấy cô cho cả lớp làm một bài toán đố. Cô đọc cho tất cả chép đề bài xong rồi bảo:

- Các em ngồi im lặng làm bài. Em nào làm xong thì giơ tay cho cô biết.

Năm phút sau tôi giơ tay:

- Thưa cô em đã làm xong ạ.

Cô giáo nhìn tôi ngạc nhiên:

- Sao? Em làm xong rồi à? Thật không đấy cậu bé?

Tôi nghĩ trong bụng: "Sao lại không thật cơ chứ! Toán đố kiểu này em đã học rồi thậm chí còn tự ra đề bài được nữa kìa!".

Cô giáo xuống chỗ tôi cầm tập vở xem bài giải tôi vừa làm xong. Bên cạnh tôi mấy đứa bạn mới nhìn tôi tò mò. Cô giáo vẫn cầm tập vở của tôi và nói với cả lớp:

- Các em ngồi làm toán không được ồn ào. Cô chỉ vắng mặt vài phút thôi đấy!

Rồi cô bảo tôi thu xếp cặp vở theo cô đi ra khỏi lớp. Tôi ngơ ngác chẳng hiểu gì cho tới khi lại cùng cô đứng trước mặt thầy giáo lớp Nhì. Cô giáo lớp Ba đưa cho thầy xem bài giải toán đố của tôi và nói:

- Sức học của em này có thể theo lớp Nhì được. Thầy có thể chiếu cố cho em ấy học lớp Nhì thì tốt hơn là bắt nó phải học lớp Ba.

Thầy giáo lớp Nhì xem bài giải toán của tôi trong tập. Rồi thầy nhỏ giọng:

- Cô đã nói vậy thì tôi nhận. Có điều học lớp Nhì mà viết chữ to đến hai ô ly tập vở chữ lại xấu nữa thì khó cho tôi quá...

Cô giáo lớp Ba cúi xuống bảo tôi:

- Nghe chưa cậu bé! Học toán giỏi đã đành còn phải siêng năng tập viết chữ đẹp nữa nghe chưa?

Tôi vâng dạ và tự bảo mình sẽ nghe lời cô. Dù sao thì lời khuyên của cô vẫn “dễ chịu” hơn sự so sánh của cô Thư khi cứ nhắc tới tên con bé Cầu!

Trường Khiết Tâm bấy giờ dạy cả hai bậc Tiểu học và Trung học cơ sở gồm một dãy phòng học có lầu nằm trong khuôn viên nhà thờ Biên Hòa. Tôi nhớ đám học trò tiểu học chúng tôi học ở tầng trệt và vẫn thường ngóng lên tầng lầu mà mơ ước sẽ có ngày được lên trung học. Tôi có một người bạn mà tôi nhớ mãi cái tên dù đã quên mặt từ lâu: bạn Nữa! Chuyện là có đến mấy lần khi một đứa nào đó bị gọi lên trả bài học thuộc lòng tới đoạn chưa thuộc kỹ đang ấp úng thì thầy giáo nhắc: “Nữa”. Anh bạn Nữa

của chúng tôi có lẽ tính hay lơ đãng nên lập tức đứng dậy khoanh tay lễ phép: “Dạ thưa thầy...”. Cả lớp cười ồ. Thầy giáo cũng phải phì cười.

Tôi học lớp Nhì trường tư thục Khiết Tâm rồi năm sau được lên lớp Nhất. Thầy giáo dạy tôi lớp Nhất là thầy Can người ở xóm công giáo Tân Hải gần Cầu Đúc. Cha tôi hỏi thăm biết nhà thầy liền dẫn tôi tới chào và gửi gắm. Thầy Can vóc người nhỏ nhắn thư sinh nhưng nét mặt nghiêm nghị. Thầy nhìn tôi bằng đôi mắt sáng và bảo: “Việc học hành thế nào dốt giỏi ra sao là do con quyết định chính. Con học thế nào để ba con không buồn để thầy không buồn là tốt rồi”. Về nhà cha tôi còn dặn thêm: “Cậu chỉ được học hết sơ học là lớp Ba thôi. Cậu ít chữ phải chấp nhận sống khổ nên cậu muốn con phải học giỏi phải có thật nhiều chữ để mai này còn học làm bác sĩ”. Tôi hứa là tôi sẽ học để có “nhiều chữ” hơn cha tôi. *(Bây giờ ngẫm lại cái việc “nhiều chữ” ấy như một sự ứng nghiệm: tôi theo đòi việc viết văn làm báo hầu như cả đời mình đã gắn liền với chữ nghĩa!)*.

Tôi học không đến nỗi tôi quyền học bạ mà tôi còn giữ đến bây giờ vẫn ghi rõ điểm từng môn học của tôi ở lớp Nhất thầy Can ghi rõ cả những lời phê của thầy hằng tháng: “*Còn nhút nhát*” “*Ngoan. Đã dặn dĩ hơn*” “*Chịu khó học*” “*Học giỏi ngoan*”... Con số thứ hạng trong lớp cũng nhích lên dần và hai tháng cuối cùng tôi đã đứng nhất lớp.

Mỗi dịp Tết âm lịch cha tôi đều dẫn tôi tới nhà thầy Can để tết thầy. Lần đầu tiên tôi được thầy cho ăn bánh chưng chấm đường lại cho uống cả một ly rượu vang đỏ có bỏ nước đá. Sau này khi tôi lớn lên đi học Trung học rồi Đại học cha tôi cũng vẫn cùng tôi đến thăm thầy Can mỗi dịp Tết ngày mùng Ba.

Học ở trường đạo cứ đến thứ sáu là có giờ giáo lý. Tôi chỉ học hai ba buổi đầu thì xin thôi. Tôi nói với thầy Can: “Nhà con theo đạo Phật thì con học giáo lý Thiên chúa để làm gì?”. Thầy bảo: “Nếu học con sẽ có thêm hiểu biết về một tôn giáo khác với đạo Phật. Biết thêm một điều cũng có lợi chứ. Nhưng nếu con không muốn học thì thôi vậy. Tới giờ giáo lý con được nghỉ ra ngoài chơi”.

Tuần sau tôi nghỉ học giờ giáo lý. Thờ thần ngoài sân trường trong giờ học tôi đâm hoảng chỉ sợ bị các Cha trong khuôn viên nhà thờ bắt gặp lại phải giải thích mà chưa chắc đã được tin. Tôi đi như một đứa học trò trốn học lén lút ra khỏi cổng nhà thờ qua bên kia đường chơi. Mà vào giờ học thì bên ấy cũng chẳng có đứa học trò nào! Chưa hết! Chú bán gỏi đu đủ đang tán dóc với chị bán vé số quay nhìn tôi mỉm cười: “Nói chuyện trong lớp bị thầy đuổi học hả? Thôi làm một đĩa gỏi giải sầu đi nha?”. Thứ sáu kể đó tôi không ra khỏi lớp nữa mà xin thầy Can cho ngồi trong lớp để “nghe” chứ không “học”. Thầy Can mỉm cười chẳng hiểu nghĩ gì. Dù sao thì thầy tôi cũng nói đúng chỉ “nghe” tôi cũng có một số hiểu biết về đạo Công giáo và cho đến bây giờ vẫn còn nhớ cách làm dấu Thánh khi đọc câu: “Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần. Amen!”. Có lần kể chuyện này với cha tôi thầy Can cười nói: “Thằng bé này bướng lắm. Ép nó không được đâu. Rồi ông xem lớn lên khi nó muốn làm điều gì thì chẳng ai cản được”. Tôi lại nghĩ thầm: “Con chỉ muốn được làm điều con thích chứ con đâu có

bướng".

Khu nhà thờ Biên Hòa có hàng rào xây không kín bao bọc phía công trường Sông Phố phía trong hàng rào trồng những hàng cây me keo được cắt tía ngay ngắn. Trong khuôn viên thì có một cây sung lớn học trò chúng tôi hay ra gốc sung chơi vào giờ ra chơi. Leo lên cây sung hái trái là một cái thú. Thế nhưng cha Sở là người trông coi khu vực nhà thờ thì lại rất nghiêm khắc ông cấm lũ "thứ ba học trò" chúng tôi leo cây sợ bị té. Mỗi lần đang ở trên cây thấy bóng cha Sở từ xa với chiếc áo chùng thâm và mái tóc cắt ngắn là chúng tôi bảo nhau buông tay nhảy xuống chạy trốn. Tôi yếu và nhát nhất bọn không lần nào dám buông tay mà chỉ lần theo gốc cây tụt xuống có lần bị cha Sở bắt đánh cho mấy roi. Tôi "thù" ông từ ấy cho đến khi lớn lên hiểu thế nào là trách nhiệm của một người lớn với thế hệ trẻ.

Trường Khiết Tâm là một trường tư. Thời ấy người ta quy định nếu là học sinh tiểu học các trường công lập như trường Nguyễn Du (*chỉ toàn nam sinh ở phía bên kia đường đối diện với nhà thờ Biên Hòa*) hoặc trường Nữ tiểu học (*chỉ toàn nữ sinh ở khu Cây Chàm*) thì sau năm học lớp Nhất nếu đủ điểm trung bình là đương nhiên đậu bằng Tiểu học. Còn học sinh trường tư như tôi thì phải dự thi Tiểu học có đậu mới được lên học bậc trung học. Nhưng sau một năm học với thầy Can cuối năm học ấy tôi lại không được đi thi vì thiếu 1 tuổi(*tôi mới 10 tuổi tròn*). Thế là tôi phải học thêm một năm lớp Nhất nữa. Thầy Can an ủi tôi: "Học thêm một năm rồi đi thi Tiểu học thì càng chắc ăn. Thi vào đệ Thất trường công cũng có nhiều hy vọng hơn". Tôi chẳng vui chút nào vì học lại chương trình đã học thì rất chán nhưng biết sao bây giờ!

Từ khu Phúc Hải tôi đi học trường Khiết Tâm bằng xe *lam* ba bánh. Đến trường sớm tôi ít khi vào trường ngay mà băng qua bên kia đường phía Tòa hành chính tỉnh quay mặt ra mé sông Đồng Nai và trường Mỹ nghệ Thực hành có những phòng thực tập đối diện với hông trường tiểu học Nguyễn Du. Ở trên lề đường phía đó có một chú người Hoa bán nước giải khát: *đá nhận* chế sía rô màu xanh đỏ (*nước đá được bào nhỏ rồi bỏ vào cái ly ép chặt thành một khối sau đó thêm sía rô rồi dốc ra khỏi ly*) chè đậu bánh lọt nước ngọt có ga... một chú khác người Nam bộ (*mà tôi đã kể ở trên*) bán gỏi khô bò mà đứa nào muốn có thêm một miếng gan thì phải thêm tiền - sòng phẳng. Nhưng hấp dẫn tôi nhất lại là chú bán giấy bìa cứng in sẵn mua về cắt dán thành những ngôi nhà nhiều màu sắc thành chiếc xe hơi máy bay xe tăng... Tôi mua rất nhiều tấm giấy bìa cứng như thế về cắt dán và chẳng bao lâu trên bàn học của tôi đã đầy những căn nhà giấy cùng xe hơi (*Tôi ghét xe tăng và máy bay nên chẳng bao giờ mua loại này*). Sau này tôi tự vẽ những kiểu nhà trên giấy bìa cứng rồi cắt dán để có những ngôi nhà theo ý riêng của mình. Cha tôi thấy thế có lần bảo tôi: "Hay là lớn lên con đi học làm kiến trúc sư. Nghe nói làm nghề này cũng danh giá và cũng dễ làm giàu lắm". Tôi không hình dung được kiến trúc sư là gì nên chẳng hào hứng nói theo. Thỉnh thoảng có một chú chạy xe gắn *máy môbilét* phía sau cho gắn một cái thùng chiếu phim. Học trò chúng tôi đứa nào muốn xem phim thì

phải mua vé rồi đợi đủ ba đĩa mới được ghé mắt vào ba cái ống nhìn ở ba vị trí thùng xem phim. Phim nhựa đang hoàng đen trắng thôi đa số là phim hoạt hình chạy bằng cái máy chiếu phim nhỏ kêu xành xạch mà hình ảnh rõ. Có điều phim nào cũng rất ngắn. Ở khu vực này còn có ông bán kẹo kéo có quay số quay được số lớn thì cây kẹo dài hơn (và... nhỏ hơn!).

Ở lễ đường này tôi còn được xem đến mê mẩn những anh là học sinh trường Mỹ nghệ Thực hành ngồi nặn tượng bằng đất sét trắng thông qua những cửa sổ rộng có chấn song mở cửa. Các anh ấy nặn tượng đầu người nặn tượng cô gái ngồi... tay cầm con dao nhỏ xíu chăm chút gọt tĩa cho đến khi hoàn chỉnh. Có một anh cùng tên với tôi cũng ở khu Phúc Hải là học sinh ở đây nhưng tôi chưa nhìn thấy qua những ô cửa sổ rộng này lần nào. Một hôm thầy Can cho lớp tôi đề bài thủ công là nặn trái xoài tôi đã sang đây xin đất sét trắng về nặn và khi nộp cho thầy thầy Can đã phải phì cười bảo là tôi nặn rất giống trái... cam! Từ đây tôi tự bảo là mình đừng có mơ mộng gì để trở thành một người làm nghề mỹ thuật!

Công trường Sông Phố hồi đó cũng có một cái bùng binh nhỏ. Trong khuôn viên Tòa hành chính tỉnh trường Mỹ nghệ Thực hành trường tiểu học Nguyễn Du và một phía đường đối diện nhà thờ Biên Hòa có những cây dầu trồng từ hồi đầu thế kỷ hai mươi cao ngất trời. Vào mùa trái rụng những trái dầu có đuôi hệt như những trái cầu đá từ trên cao xoay xoay rơi xuống. Tiếc là hình ảnh ấy ngày nay không còn đầy đủ nữa khu công trường Sông Phố bây giờ tuy thoáng đãng hơn hẳn hiện đại hơn hẳn nhưng sao tôi vẫn cảm thấy nó tro nó lạnh lùng thế nào ấy! Vì quá ít bóng cây lâu năm chẳng?

Đi đến cuối đường bên hông trường Mỹ nghệ Thực hành là công viên bờ sông có chiếc Cầu Mát làm bằng sắt là một nhà thủy tạ nghe nói có từ thời vua chúa phong kiến để các quan lại làm việc trong Tòa Bó hoặc khách của triều đình Huế ra xem đua thuyền trên khúc sông rộng như một cái hồ và được gọi tên là "Kính Hồ". *(Trong một truyện ngắn của mình nhà văn Lý Văn Sâm gọi khúc sông này là Sông Phố. Cũng chính vì vậy mà một thời gian báo văn nghệ của tỉnh Đồng Nai được đặt tên là báo Sông Phố. Một thời gian dài phía trước đình Tân Lâm cất gie ra sông cũng có một nhà hàng lấy tên là Sông Phố).* Nhiều người lớn ra đây câu cá. Nhiều cặp thanh niên nam nữ hẹn nhau ra đây "tâm tình". Còn đám học trò tiểu học chúng tôi thì ra đây hóng gió nhìn núi Châu Thới mờ mờ bên kia sông hoặc dõi mắt theo những chuyến đò ngang chở khách qua lại phía bên cá chợ Biên Hòa... vào những giờ được nghỉ học những buổi được về sớm... Cũng có đứa nhân lúc không có người lớn coi quần áo bỏ trên sàn Cầu Mát cùng cặp vợ rồi nhảy ùm xuống sông bơi tắm lẫn người với những giẻ lục bình bập bênh ven sông...

Những ngày được nghỉ học sớm thường vào buổi chiều thỉnh thoảng tôi cùng đám bạn đi bộ ngang chợ Cá ra tận phía xóm Lò Heo. Đi ngang đình Tân Lâm thờ ông Trần Thượng Xuyên không đứa nào dám chỉ trỏ vào vì sợ phạm thượng sẽ bị thần thánh quở phạt. Ra bến sông có chiếc cầu thoai thoải để

xe hơi đến rửa đĩa nào gan lắm cũng chỉ dám nhúng chân xuống nước chứ chẳng dám nhảy xuống tắm vì người ta đồn ở đây có "ma da" thích kéo chân con nít xuống sông rồi ăn thịt. Cả đến cái Cồn Gáo nhỏ xíu có mấy gia đình trú ngụ trên đó đi lại với bà con ở bờ sông bằng mấy chiếc ghe nhỏ cũng có nhiều chuyện kể "đáng sợ". Như chuyện trên đó có cặp rắn thần có thể nuốt trọn một đứa trẻ con như chơi khiến chúng tôi chỉ dám đứng trên bờ nhìn ra và... tưởng tượng đủ thứ chuyện trên đời! *(Ngày nay Cồn Gáo đã biến mất có lẽ do dòng chảy của sông Đồng Nai sau khi người ta làm cầu Hóa An và nó chỉ còn trong ký ức của những người sống ở Biên Hòa lâu năm).*

Tôi đi thi tiểu học ngồi làm bài thi tại một phòng sát mé đường của trường tiểu học Nguyễn Du. Tôi nhớ hồi ấy thi Tiểu học có môn “nhiệm ý” và tôi đã chọn thi nhạc. Thí sinh thi “nhiệm ý” nếu điểm trên trung bình thì phần trên trung bình sẽ được cộng thêm vào tổng số điểm thi để xét trúng tuyển. Tôi đem theo bài hát “Lòng mẹ” của nhạc sĩ Y Vân được in trên tờ bướm khổ bằng hai tờ giấy A4. Thầy giám khảo môn “nhiệm ý” bảo tôi hát một đoạn. Tôi hát đúng và được thầy khen là “có triển vọng thành ca sĩ” nhưng chẳng biết mình được bao nhiêu điểm! *(Lời khen của thầy cũng chẳng bao giờ thành hiện thực!)*

Đậu Tiểu học tôi lại thi vào đệ Thất *(lớp 6 bây giờ)* trường trung học Ngô Quyền. Buổi chiều thi toán xong vừa ra khỏi cổng khu Dòng Thánh Phao Lô cạnh trường Khiết Tâm nơi được mượn làm trường thi thì tôi thấy cả cha tôi và thầy Can cùng ngồi đợi ở mé đường. Giống như nhiều bậc phụ huynh và thầy cô khác họ vội đứng lên hỏi tôi đáp số mấy bài toán đố. Tôi mở giấy nháp đọc đáp số. Thầy Can nghe xong tươi cười nói với cha tôi: "Thằng bé đậu rồi!". Tôi chẳng hiểu vì sao thầy lại khẳng định ngay như vậy. Nhưng chuyện ấy chẳng phải là chuyện tôi cần quan tâm. Tôi đã hoàn tất hai kỳ thi mà cha tôi bảo là rất quan trọng. Bây giờ thì tôi có thể bắt đầu những ngày nghỉ vui vẻ với bạn bè lối xóm.

Mặc dù sức khỏe kém so với các bạn nhưng tôi lại được xem là "thủ lĩnh" vì học giỏi nhất đám lại là con trai một của cha tôi một người có uy tín cao trong khu Phúc Hải. Việc buôn bán của đại lý bia nước ngọt phát triển thuận lợi nên cha tôi ngưng không buôn bán lá lợp nhà nữa. Và lại vào thời gian này đời sống kinh tế của dân trong khu vực đã khá hơn nhiều nhà đã thay mái lá dừa nước bằng mái tôn mái ngói. Ngày ấy chỉ có một nhãn hiệu bia là bia "Con cọp" chai dung tích 650ml của hãng BGI. Vào một đợt khuyến mãi hãng bia sản xuất thêm loại bia "trái thơm" và cứ mỗi két 24 chai *(Sau này người ta mới đóng két gỗ chỉ còn 12 chai để dễ vận chuyển)* lại có một hoặc hai chai bia "trái thơm" xen vào. Tôi nghe người lớn nói bia "trái thơm" uống ngon hơn bia thường và khách hàng đến mua đều đòi loại bia này giá đắt hơn một chút cũng chịu. Về sau loạt vỏ chai có in thêm "trái thơm" cạnh hình đầu con cọp của đợt khuyến mãi duy nhất được thu hồi về hãng tuy chỉ được đóng nắp với loại bia thường bên trong nhưng người ta vẫn cứ đòi mua loại “trái thơm” và uống vẫn khen "ngon"! Tôi buồn cười lắm nhưng cha tôi bảo mình là người bán thì cứ chiều theo ý khách hàng chẳng thiệt hại gì. Ông lại nói:

“Ngon theo tâm lý thì cũng là ngon vậy!”. Xem ra cha tôi không phải không có lý!

Tôi chỉ uống nước ngọt và sưu tầm các loại nắp chai mà khách hàng đến “đề bộ” mua lẻ nhờ khai nắp rồi đổ vào *gamen* hay ca nhựa đem về. Tôi bắt chước bọn trẻ con trong xóm lấy những nắp chai ấy chế thành “nắp phéng” bằng cách gỡ bỏ miếng li-e lót dưới nắp rồi lấy búa đập dẹp ra. Những cái nắp phéng ấy chúng tôi chơi chọi đáo cùng một miếng chì đồ hình tròn như tiền xu hoặc “nghèo nghèo” thì bằng mảnh ngói được làm tròn mài nhẵn cạnh. Một đôi lần tôi thấy mấy đứa bạn cùng xóm tôi đã chơi chọi đáo “ăn tiền” nghĩa là chơi bằng những đồng tiền các của thời ấy loại năm mươi xu hai mươi xu thay vì chơi “nắp phéng”. Cha tôi cấm tôi chọi đáo ăn tiền vì như thế là “đánh bạc”. Ông dạy tôi: “Cờ bạc là bác thằng bần”. Tôi bèn nói lại câu ấy với mấy đứa bạn đang chơi đáo ăn tiền lập tức tụi nó sùng sộ khiến tôi sợ bị đánh phải bỏ chạy về nhà.

Tôi có rất nhiều nắp phéng mà lại chơi chọi đáo thuộc hàng dở nhất xóm nên đám bạn tôi luôn có dịp “hốt bạc” mà tôi cũng chẳng buồn bã gì. Thua hết nắp phéng đang có tôi lại có những nắp phéng khác chỉ mất công đập dẹp các nắp chai. Đôi khi nổi máu “anh chị” tôi đập một số lượng lớn nắp phéng rồi gọi đám bạn đến để chia đều. Có lẽ bởi vậy mà bọn chúng hay rủ tôi cùng đi chơi đây đó trong vùng. Dẫu sao nơi xa nhất mà chúng tôi dám đến cũng chỉ là khu Nhà máy cưa Tân Mai ở phía quốc lộ 15. Nơi đây có một rạp hát nhỏ mà các gánh hát cải lương hạng trung bình hay về diễn. Chúng tôi đến rạp chỉ là “coi cộp” - tức không mua vé mà thừa lúc các chú soát vé không để ý thì lén vào xem. Vào rạp nếu bị phát hiện thì chịu trận cho người lớn tóm cổ “điệu” ra ngoài! Vậy mà tôi cũng có mấy lần “coi cộp” được. Nào coi tuồng “Mộc Quế Anh dâng hương” nào xem mặt và nghe danh ca Chín Sớm ca điệu xàng xê tuyệt hay...

Muốn đến khu Nhà máy cưa chúng tôi phải băng qua đường rầy xe lửa. Đứa nào trong bọn chúng tôi cũng ít nhất một lần được nghe người lớn bảo rằng phải hết sức cẩn thận khi băng qua đường rầy xe lửa. Kèm theo là những câu chuyện thương tâm về tai nạn xe lửa mà đứa trẻ con nào cũng phải khiếp sợ. Nhưng đứa nào cũng muốn xem xe lửa chạy qua muốn được vẫy tay với những người khách ngồi trên những toa tàu nói nhau thích được nghe tiếng còi tàu nghe tiếng bánh xe sắt nghiêng trên đường ray. Chúng tôi đã hẹn nhau canh giờ tàu chạy qua và đã có một lần được thấy được nghe tất cả những gì mình muốn. Cái cảm giác lúc ấy thật lạ lùng. Cứ như mình đang được nhập vào một cuộc phiêu lưu kỳ thú để rồi sau khi đoàn tàu đi qua cả bọn nắm tay nhau vượt qua đường rầy mà vẫn còn hồi hộp sợ... nguy hiểm!

Một lần kia đám bạn dẫn tôi lên phía xóm Lò Than tạt vào khu rừng cao su đồi diện để nhặt hột cao su về chơi. Một thằng ra vẻ hiểu biết chỉ mấy anh thanh niên đang từ trong xóm Lò Than đi ra nói: “Mấy ông đi *chơi bời* về đó”. Về nhà tôi thật thà kể cho cha tôi nghe. Ông nghiêm mặt cấm tôi không được héo lánh tới khu vực đó. Thì ra Lò Than ngày ấy cũng là một địa danh nổi tiếng ăn chơi như Dốc

Sởi mà gia đình tôi từng ở bên khu nghĩa địa Đất Thánh Tây.

Một hôm tôi đang lui cui dưới cái mương khô trước nhà tìm những viên bi ve từ nơi khác trôi đến sau mỗi trận mưa thì thằng bạn hàng xóm chạy qua báo tin: "Mày đậu vào Ngô Quyền rồi. Tao cũng đậu. Lên trường mà xem kết quả đi". Tôi mừng lắm vội vẫy xe *lam* đi lên trường Ngô Quyền mà chẳng báo cho ai trong nhà biết. Đến nơi xuống xe tôi mới hết hồn vì trong túi không có đồng nào để trả tiền xe. Bác tài nghe tôi ấp úng thú thật liền trừng mắt: "Tao biết nhà mày rồi. Nhà đề pò phải không? Bữa nào tao ghé lại lấy tiền đừng có chối là không đi xe của tao nghe chưa?".

Tôi chen vào đám đông cả người lớn lẫn trẻ con để xem bảng kết quả. Người ta niêm yết danh sách trúng tuyển đậu hơn hai trăm thí sinh theo thứ tự điểm bài thi đạt được từ cao xuống thấp vì vậy phải dò tên mình trên từng tờ kết quả. Tôi dò từ... dưới lên trên vì nghĩ chắc mình chỉ thuộc hạng đậu thấp. Thế mà tên tôi cũng nằm ở tờ giữa thứ tự chín mươi mấy. Đúng là tên tôi rồi. Điểm toán rất cao nhưng điểm bài luận văn thì chỉ trung bình. Thế là hợp lý!

Tôi quay ra và chuẩn bị đi bộ về nhà thì trông thấy cha tôi đạp xe đạp đến. Ông hỏi ngay:

- Có đậu không?

Tôi đáp:

- Con đậu rồi!

- Thế thì giữ xe đạp cho cậu vào xem một tí!

Tôi đứng nơi mé đường cùng chiếc xe đạp. Lúc cha tôi quay ra tôi giao xe cho ông không hiểu vô ý thế nào mà trượt chân ngã ngay xuống đất. Cha tôi la: "Đứng ngay đầu dốc thế này mà không để ý! Thôi đứng dậy phui quần áo cho sạch rồi về!". Bấy giờ tôi mới để ý đến con dốc từ mặt đường xuống cổng trường Ngô Quyền. Con dốc ấy ám ảnh tôi mãi đến nỗi sau này khi theo đuổi việc viết văn tôi đã viết hẳn một truyện dài với đề tài học sinh sinh viên và đặt tựa là "Con dốc cổng trường". *(Trong cuộc đời của tôi nghiệm lại dường như cũng có gì đó thường dính dáng tới những “con dốc”. Hồi làm báo Lao Động Đồng Nai của Liên đoàn Lao động tỉnh mỗi ngày tôi phải đi qua đoạn dốc Tòa còn làm việc ở hội Văn Nghệ thì lại lên xuống cái dốc ngắn sát cổng Hội. Bởi Biên Hòa lắm dốc hay tại cái số tôi làm việc gì cũng phải “vượt dốc” theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng?)*

Nhớ Biên Hoà Kỳ 3

Đường đi tới

Tôi trở thành học sinh trường Trung học công lập Ngô Quyền từ năm 1961. Đậu đệ Thất Ngô

Quyền đó là điều hạnh diện của học sinh lúc bấy giờ vì cả tỉnh Biên Hòa chỉ có một trường trung học công lập hằng năm tuyển vào 4 lớp đệ Thất với khoảng 200 học sinh. Khi làm đơn thi tôi nhớ là mình đã ghi xin học sinh ngữ Anh văn nhưng được xếp học lớp đệ Thất 3 buổi con trai đến lúc chép thời khóa biểu thì tôi mới biết là mình bị chuyển qua học Pháp văn! Về nhà tôi kể cho cha tôi biết và đòi ông đến trường xin cho tôi qua lớp tiếng Anh. Nhưng cha tôi bảo: "Học tiếng nào thì cũng là ngoại ngữ thôi. Quan trọng là học tiếng Việt cho giỏi! Vớ lại đậu vào Ngô Quyền là **oách** quá rồi còn đòi hỏi gì nữa!". Tôi không bằng lòng với cách giải thích của cha tôi nhưng quả tình là sau đó tôi bị ám ảnh rất lâu câu nói của ông: "Quan trọng là học tiếng Việt cho giỏi!". Thêm nữa được là học sinh Ngô Quyền đúng là rất "oách"! Xem đó khu ngoại ô Phúc Hải tôi ở số học sinh đậu vào Ngô Quyền như tôi chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Buổi đầu tiên "đi học Ngô Quyền" tôi thật sự lúng túng vì chuyện mặc đồng phục. Thế là chẳng còn được thoải mái như hồi tiểu học trước đây nữa: đi học chỉ mặc cái quần soọc áo bỏ bên ngoài là xong. Lên trung học tôi đã là "người lớn". Cha tôi giúp tôi bỏ áo vào quần xỏ chân vào đôi giày ba-ta mới còn bó chặt chỉ dẫn cả cách cột dây giày. Ông kiểm tra lại cái phù hiệu trên ngực áo sửa lại cái nón kết trắng trên đầu tôi. Cuối cùng tôi thót lên xe đạp đạp vội vã ra khỏi nhà không khỏi đỏ mặt khi liếc thấy những người lối xóm đang nhìn mình! *(Cái cảnh ngược ngược học trò ấy nhiều năm sau này tôi lại bắt gặp và hoàn toàn thông cảm với những thế hệ sau. Đó là vào một năm học sau giải phóng sau nhiều năm không bắt buộc đồng phục trường PTTH Ngô Quyền đã quy định nữ sinh lớp 10 phải mặc áo dài đi học. Năm ấy con gái lớn của tôi cũng vừa vào học Ngô Quyền giống như những cô bé bạn học trang lứa dù đã mặc áo dài vẫn cứ thập thò trong nhà chờ thấy trên đường phố có một nhóm nữ sinh mặc áo dài đi qua mới vội vã lên xe đạp nhanh ra nhập bọn).*

Nằm thấp hơn mặt đường nhựa trường Ngô Quyền ngày ấy chỉ có hai dãy lớp mỗi dãy gồm một tầng trệt và một tầng lầu. Giữa hai dãy lớp là một khoảng sân rộng để chào cờ có hai hàng cây dương quanh gốc là bồn hoa xây tròn trịa mà giờ ra chơi chúng tôi hay ra ngồi trên bờ bồn hoa nhặt những chiếc lá dương hình kim đồ nhau chỗ ngắt được nối lại. Các lớp thuộc bậc Trung học đệ nhất cấp chúng tôi *(từ đệ Thất đến đệ Tứ tức lớp 6 đến lớp 9 bây giờ)* học ở dãy gần đường còn các lớp đệ nhị cấp *(từ đệ Tam đến đệ Nhất bây giờ là lớp 10 đến lớp 12)* thì học ở dãy sau. Mỗi tuần nam sinh học ba buổi sáng và ba buổi chiều nữ sinh học các buổi ngược lại. Chúng tôi đi học phải mặc đồng phục: nam quần dài xanh áo trắng ngắn tay đi dép xăng-đan đội mũ kết trắng; nữ mặc áo dài trắng quần dài đen đội nón lá. Riêng ngày thứ hai đầu tuần thì nam sinh phải mặc đồng phục quần trắng áo dài tay trắng đi giày ba-ta trắng và nữ sinh mặc áo dài xanh quần dài trắng. Các giám thị thường kiểm tra việc mang phù hiệu nơi ngực áo học trò đưa nào không có phù hiệu là bị phạt "cấm túc". Thế nhưng nếu ngực áo có phù hiệu Ngô Quyền thì ngoài giờ học lỡ có đi "quậy" đâu người ta cũng nhận ra. Đám "thứ ba học trò" bèn đối phó bằng cách thay vì may liền phù hiệu vào ngực áo thì chỉ gài kim gút khuy bấm hoặc làm

cách nào đó có thể nhanh chóng cơ động từ “không” thành “có” hoặc từ “có” thành “không”. Việc bỏ áo vào quần cũng thế. Cách đối phó của nhiều trò là thấy thầy cô giám thị từ xa bèn gom phần vạt áo trước lên tới khoảng thắt lưng nhìn cũng ra vẻ... áo bỏ trong quần lắm!

Tọa lạc nơi đầu dốc Kỷ Niệm trường lại chỉ mở cổng cho học sinh vào trước giờ vào học chừng mười phút vì vậy học sinh chúng tôi những đứa đến sớm phải tìm chỗ trú nhất là ba buổi học chiều trong tuần. Ngày xưa ở khu vực quanh Đài Kỷ Niệm có rất nhiều cây bã đậu. Loại cây này lớn nhanh thân lớn hàng ôm tay sù sì đầy gai lá to cho bóng mát nhưng cành thì lại dễ gãy. Mùa mưa đi ngang đây người ta dễ dàng gặp những cành bã đậu gãy rớt xuống đường chưa được thu dọn. Cây bã đậu có bông dài chừng hai lòng tay màu đỏ bầm khi đậu trái có hình như chiếc bánh xe nhiều khía. Trái bã đậu già nứt ra nhiều mảnh rơi xuống đất. Chúng tôi thường lấy những mảnh trái ấy sửa lại chút đỉnh thành hình những con cá làm đồ chơi. Ở phía **đề bộ** bìa nước ngọt Phúc Chấn Xương đầu dốc Kỷ Niệm cũng có mấy cây bã đậu là nơi trú chân cho học sinh từ các vùng nội ô và cù lao Phố Tân Vạn Bửu Hòa lên. Số học sinh ở vùng Tân Mai Tam Hiệp Phúc Hải Hồ Nai thì chọn hàng bã đậu trồng dọc khuôn viên Đài Kỷ Niệm khi thấy một đứa nào đó ra dấu thì tất cả cùng lên xe đạp vào trường. *(Cho đến nay cây bã đậu hầu như chỉ còn hiếm hoi một vài cây rải rác trong thành phố Biên Hòa. Về cái tên dốc Kỷ Niệm có người gọi lầm là dốc Ngô Quyền. Tên Kỷ Niệm bắt nguồn từ Đài Kỷ Niệm nên con dốc được gọi là Dốc Kỷ Niệm cái chợ nhỏ được gọi là Chợ Kỷ Niệm... Còn dốc Ngô Quyền chính ra để gọi con dốc ngang hông trường Ngô Quyền nơi có tiệm hủ tiếu mì Minh Phước bây giờ).*

Một năm trong khoảng thời gian tôi học đệ nhị cấp trường Ngô Quyền xây thêm dãy phòng thí nghiệm một tầng trệt cửa lắp kính mái lợp ngói ở cách hàng rào trường một khoảng sân cỏ. Dãy phòng này ngày nay đã được thay bằng tòa nhà bê tông hai tầng vững chắc còn ngày đó thì rất hấp dẫn học sinh chúng tôi khi lần đầu tiên được thấy tận mắt thế nào là **axít clo-hydric** thế nào là muối **suyn-phát đồng** là mùi khó chịu của khí **clo**... Ở đó trong một phòng để trống năm tôi học đệ Nhất khối lớp chúng tôi cũng tổ chức một buổi hội thảo về các vấn đề xã hội mà tôi còn nhớ là mình được phân công nói một đề tài; giúp vui văn nghệ thì có màn độc tấu ghi-ta cổ điển của Huỳnh Quan Minh lớp đệ Nhất Anh văn màn thổi sáo của Nguyễn Hoàng Hải một học sinh lớp đệ Nhị sau này là nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên...

Những năm 60 khu vực chung quanh Đài Kỷ Niệm còn thưa vắng lắm. Trẻ con chúng tôi đứa nào cũng sợ nếu phải đi ngang đây vào chiều tối. Không sợ sao được khi người ta đồn ở ngay cái Đài Kỷ Niệm xây từ hồi Pháp thuộc có những con ma là lính Việt Nam chết trận ở nước ngoài hiện về mỗi

đêm phía bên kia đường lại là Đất Thánh (nghĩa trang) của họ đạo Khiết Tâm. Phía quảng trường tỉnh bây giờ thì ngày ấy là một khu dân cư phức tạp nhưng còn thưa thớt lắm lại cũng có dân anh chị thường xuyên xuất hiện. Dưới chân bồn nước là trụ sở của Ty Canh Nông. Còn phía ba trường học: Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Tiểu học Trịnh Hoài Đức Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo bây giờ mới chỉ có một là trường học đúng nghĩa: trường sơ học Trịnh Hoài Đức dạy đến lớp Ba. Khuôn viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí còn là một lò nung gốm cho học sinh của trường Mỹ nghệ Thực hành ở phía công trường Sông Phố đến thực tập và học sinh trường Ngô Quyền thỉnh thoảng qua "mượn" địa điểm để học các môn thể dục thể thao. Trường Trần Hưng Đạo mãi sau này khi giải tỏa nghĩa trang của họ đạo Khiết Tâm mới có và vốn là cơ sở của trường tư thục Khiết Tâm dời từ trong khuôn viên nhà thờ Biên Hòa tới.

Ngoài trường Khiết Tâm tỉnh lỵ Biên Hòa còn có mấy trường tư thục khác nữa như trường Minh Tân ở phía bờ sông gần ngã ba Hăng Dầu nghe nói hiệu trưởng là con trai của nhà văn Khái Hưng con nuôi nhà văn Nhất Linh nhóm Tự Lực Văn đoàn; mấy trường khác như trường Phan Chu Trinh ở trên đường Trịnh Hoài Đức (*khu Ngân hàng đường 30 tháng Tư bây giờ*) của một ông dân biểu Hạ viện Sài Gòn xây dựng trường Bồ Đề của một Hội đoàn Phật giáo khu docks Kỷ Niệm trường Dục Đức của người Hoa sát chợ Biên Hòa phía mé sông... Nằm cạnh trường công lập Ngô Quyền là trường bán công Trần Thượng Xuyên mà hai trường không có hàng rào học sinh bên bán công hay hát trêu ghẹo "*Học sinh Ngô Quyền mập ú như con heo quay...*" còn học sinh Ngô Quyền thì đáp lại: "*Học sinh Trần Thượng Xuyên vừa điên vừa khùng*"...

Từ khi bước chân vào trường trung học sức khỏe của tôi khá dần. Dư chứng của bệnh thương hàn thuở nhỏ chỉ còn ở trái tim không lớn được khiến tôi không thể làm việc nặng và khi lên lầu cao không dám đứng cạnh lan can vì cứ nhìn xuống là chóng mặt. Cái tính nhút nhát hay bẽn lẽn cũng khiến tôi ít có bạn hơn thuở nhỏ. Lớp tôi có gần năm mươi trò. Dân "Bắc kỳ" chỉ khoảng mười "ngoe". Mấy người bạn người Biên Hòa xem ra cũng vui vẻ hòa đồng. Họ gọi chúng tôi là dân "cọc cạch lửa" và giải thích người miền Bắc "nam tiến" hồi xưa vào đây mang theo đá lửa để đánh lửa bỏ trong túi nghe "cọc cạch". Một cái tết trường tôi tổ chức cho học sinh đi cắm trại ở khu rừng cao su đối diện khu Lò Than một người bạn Biên Hòa của tôi rất ngạc nhiên thấy cái bánh chưng tôi đem theo ăn. Anh bạn nói: "Hết tên rồi sao lại gọi là bánh chưng bánh cẳng". (*Anh ấy nói "chưng" theo giọng miền Nam nói chữ "chân"*). Tôi đáp lại: "Còn cái bánh của bạn tên gì lại là bánh tét. Kỳ cục quá!". Chúng tôi cùng cười và chia bánh chưng làm hai bánh tét cũng chia làm hai để cùng ăn gọi là "Nam Bắc kết đoàn".

Dù sao trong lứa học sinh chúng tôi vẫn không tránh khỏi những sự phân biệt bè nhóm. Việc phân biệt Bắc – Nam nhại giọng của nhau... xem ra phần lớn chỉ là chuyện đùa vui. Chứ việc phân biệt thành phần thì không thể xem là không đáng kể. Một số trong chúng tôi là con em gia đình công chức sĩ

quan... nhà ở vùng nội ô tỉnh lỵ thường tự kết thân với nhau. Con em gia đình lao động buôn bán... biết điều thì tốt nhất đừng có ý gia nhập vào “tầng lớp trên”. Cách tiêu pha là một biểu hiện phân biệt. Thành tích “chơi bời” – dù mới tuổi mười bốn mười lăm – cũng rất rạch ròi “đẳng cấp”. Cả đến chuyện nhỏ nhất là màu của những chiếc áo trắng đám học trò ngoại ô chúng tôi cũng phải tự nhận ra mà... biết điều! *(Ở các khu ngoại ô chưa có nước máy chúng tôi phải giặt quần áo bằng nước giếng. Chỉ sau một vài lần giặt là áo trắng đã ngả vàng. Muốn đỡ vàng phải hồ lơ xanh nhưng dầu sao thì cũng chẳng thể bằng những chiếc áo trắng giặt bằng nước máy của đám học trò trung tâm tỉnh lỵ!)*

Ít bạn niềm vui của tôi là thỉnh thoảng đạp xe đạp lên hiệu sách Huỳnh Hiệp ở trong chợ Biên Hòa tìm mua sách. Hiệu sách Huỳnh Hiệp không lớn các kệ sách cũng chẳng sang trọng như bây giờ nhưng người mua - kể cả học sinh chúng tôi - được vào chọn sách tự do có coi ké sách cũng không thấy ai nói gì. Thường tôi mua sách học vào dịp hè. Mua sách của năm học mới về xem trước cho biết bài nào hiểu được thì tự học trước luôn. Ngay từ năm đầu tiên của bậc Trung học tôi đã mê môn Vạn vật *(Ngày nay là môn Sinh)*. Vì vậy tôi mua rất nhiều sách về loại này. Ngoài hiệu sách Huỳnh Hiệp tôi còn "lùng" sách ở hiệu sách Minh Trí thuộc khu vực rạp Biên Hùng *(trên đường 30 tháng Tư bây giờ)*. Cha tôi không hề tiếc tiền khi tôi xin để mua sách. Điều ấy cũng là một thuận lợi lớn cho tôi.

Những lúc rảnh rỗi ở nhà tôi thường “kết bạn” với cây đàn măngđôlin và chơi bài ruột là bài “Dừng bước giang hồ” của Hoàng Trọng với đoạn nhạc mở đầu tôi rất thích. Tôi cũng mua sách tự học đàn ghi ta về tự học cây đàn “người lớn” này.

Ở nhà tôi còn được giao một nhiệm vụ rất đặc biệt đó là đọc nhật báo cho cha tôi nghe vào mỗi buổi chiều sau khi cả nhà cơm nước xong và việc bán buôn của đại lý bia nước ngọt rảnh rỗi. Sau này nghe cha tôi giải thích tôi mới hiểu là không phải ông lười đọc báo hoặc muốn được phục vụ như "vua quan" mà ông muốn tôi thông qua việc đọc báo cho ông nghe tiếp nhận được các loại thông tin khác nhau như một người lớn. Cha tôi tâm sự hồi ông còn ở nhà quê ông nội tôi có lấy cho cha tôi một lá số tử vi và đoán rằng ông sẽ qua đời vào năm 53 tuổi *(Điều này không đúng vì cha tôi sống thọ đến 84 tuổi)*. Nhẩm tính vào lúc cha tôi 53 tuổi thì tôi mới mười bảy còn quá nhỏ để gánh vác việc nhà vì thế ông muốn tôi trưởng thành trước tuổi và đúng năm tôi mười lăm tuổi vừa thi đậu Trung học Đệ nhất cấp cha tôi làm một bữa tiệc mừng gồm những người trong gia đình và vài người hàng xóm giữa bữa tiệc ông tuyên bố từ nay tôi được giữ các loại chìa khóa của gia đình được tham gia vào những việc hệ trọng nhất trong nhà...

Các sạp báo ở Biên Hòa dạo ấy không nhiều. Hiệu sách Huỳnh Hiệp có một sạp bán báo phía trước là tương đối đầy đủ nhất. Lần nào được đi chợ Biên hòa tôi cũng dừng chân một chút để ngắm cảnh người ta đứng quanh sạp báo Huỳnh Hiệp chọn mua hoặc “đọc ké”. Ở các khu dân cư nhiều

người đặt mua báo tháng cho tiện. Hằng ngày ở khu Phúc Hải của tôi cũng có một ông bán báo dạo đạp xe đạp với túi báo phía sau boọc-ba-ga đi đến từng nhà đặt mua để giao báo. Cha tôi đặt mua hai tờ nhật báo: tờ Ngôn Luận và một tờ nữa tôi không nhớ rõ tên. Dù là nhật báo “người lớn” nhưng báo Ngôn Luận ngày ấy cũng có một góc truyện tranh cho thiếu nhi đọc với hai nhân vật lấy tên của tờ báo là bé Ngôn và bé Luận do họa sĩ Văn Hiếu vẽ (*nếu tôi nhớ không lầm*). Phần tôi được mua một tờ báo học trò - thời gian đầu là tờ Tuổi Xanh thời gian sau khi tờ Tuổi Xanh đóng cửa thì đến tờ Tuổi Hoa ra nửa tháng một kỳ. Bên cạnh nhà tôi hồi ấy là gia đình một công chức có mấy người con toàn là trai. Tôi nhớ người con cả tên là Đức Tính họ Trần thì phải là học sinh Ngô Quyền từ khi tôi còn học tiểu học và anh từng có truyện được in trên báo Tuổi Hoa. Tôi nể phục lắm và lòng bảo lòng cũng sẽ viết truyện đăng báo như anh. Quyết tâm là thế mà phải đến năm 15 tuổi tôi mới *bịa* được một cái truyện lấy tựa là "*Nắng lên*" được in hai kỳ trên báo Tuổi Xanh còn Tuổi Hoa thì phải đến năm 18 tuổi tôi mới có truyện được in. Nhưng đến khi ấy thì gia đình anh Tính đã dọn đi nơi khác tôi chẳng còn ai để khoe. Hai tờ báo Tuổi Xanh có in truyện "*Nắng lên*" tôi mua về bọc giấy bóng kính màu đỏ cất giấu rất kỹ sợ cha tôi biết thì... nguy! (*Hồi ấy đọc giả có truyện hoặc thơ gửi về tòa báo mà được chọn đăng là vinh dự lắm rồi không có chuyện nhận nhuận bút như bây giờ! Chỉ những nhà văn kiêm nhà báo chuyên nghiệp mới có nhuận bút. Riêng thơ thì chắc người ta cho là lãng đãng mơ mộng nên chẳng ai trả nhuận bút kể cả người đã nổi tiếng*).

Tôi đi học bằng xe đạp. Ngày ấy xe đạp có hai loại khung ngang là xe nam và khung dầm là xe nữ. Chiếc xe đạp nào trang bị đầy đủ thì phải có đèn xe phía trước chạy bằng môbin phát điện nhỏ gắn sát bánh trước một bên tay lái có gắn chuông và ở một vị trí trên khung xe có gắn cái ống bơm nhỏ. Nắp chuông là một ống bơm là hai thường bị mất cắp khi xe để ở chỗ đông người. Còn cái môbin phát điện nhỏ khi chạy xe ban đêm phải điều chỉnh cho nó áp vào vành bánh xe để tạo ra điện làm sáng đèn cũng thường chệch vào vỏ xe làm mòn chỗ sát vành. Vì vậy người ta thường có “xu hướng” bỏ chuông bỏ đèn và cả cái bơm cũng bỏ! Ai để ý sẽ thấy nơi khung xe dù là khung ngang hay xe dầm có hai cái mấu để gắn bơm bị thừa!

Trường Ngô Quyền có một nhà để xe cất ở phía hàng rào sát con dốc bên hông trường có mái lợp dằng hoàng dành cho học sinh để xe nhưng không có người giữ xe như bây giờ. Chính vì thế mà ngay năm đầu tiên đi học ở Ngô Quyền một hôm tôi quên khóa xe khi ra về thì không thấy xe của mình đâu nữa! Tôi mếu máo đi tìm thầy Tí giám thị báo mất xe thầy lắc đầu bảo chịu chẳng biết phải làm sao: "... Lần sau em phải khóa xe cẩn thận. Còn bây giờ thì đón xe lam mà về thôi!" (*Thầy nói chữ "về" thành "wề"*).

Học sinh trong trường Ngô Quyền cũng có những anh lớp lớn đi xe gắn máy loại xe Môbilét xanh Môbilét đen Vêlô Xôlếch Gôben... Sau này mới có thêm những nhãn hiệu xe Nhật như Honda Suzuki Yamaha... Nhưng hầu hết những học sinh đi xe gắn máy nhà đều ở xa trường như ở các miệt Tân Hạnh

Tân Ba Tân Uyên bên kia sông miệt Hồ Nai cách trường hàng chục cây số...

Phương tiện đi lại trong tỉnh lỵ Biên Hòa ngày ấy phổ biến là xe *lam*. Đó là một loại xe ba bánh sản xuất từ nước Ý có thùng xe với hai băng chở khách phía sau tài xế ngồi điều khiển phía trước không có ca bin che chắn. Khi thùng xe đã hết chỗ khách muốn đi phải ngồi ghé vào thành xe hai bên cạnh chỗ của tài xế xem ra khá nguy hiểm. Sau này loại xe *Lambro* tương tự như xe *lam* xuất hiện với ca bin dành cho tài xế thì phía trước nhờ băng ghế ngồi dài nên có chỗ thêm cho hai người nữa (*Dĩ nhiên là phạm luật giao thông rồi nhưng ít khi thấy các bác tài xe Lambrô bị phạt*). Khách đi các loại xe *lam* thường là công tư chức thị dân học trò... Một số người cũng chọn xích lô để đi lại nhưng chỉ trong quãng đường ngắn. Xe tắc xi không có ở Biên Hòa nếu thấy thì đó chắc chắn là tắc xi chở khách từ Sài Gòn đến.

Xe ngựa là một phương tiện giao thông khác thường chở bà con buôn bán từ các vùng nông thôn tới chợ Biên Hòa ga xe lửa Biên Hòa và ngược lại. Có một năm cha tôi cũng tậu một chiếc xe ngựa và giao cho một anh tên Bảy người ở Tân Vạn chạy chở khách mới. Tôi còn nhớ con ngựa của nhà tôi có bộ lông màu nâu như thường thấy và chiếc xe nó kéo thì cao lêu nghêu cũng được đánh vẹtni màu nâu. Phải mất một hai tháng gì đó tôi mới làm quen được với con ngựa nhờ cho nó ăn cỏ hoặc thỉnh thoảng cho ăn thóc ăn đậu xanh. Anh Bảy đi xe đạp từ nhà anh qua nhà tôi từ sáng sớm dắt ngựa ra xe anh cho nó ăn chút đỉnh rồi đánh xe đi chở mỗi bận hàng thường đến tối mới về và đưa cho cha tôi một số tiền nhỏ mà tôi không hiểu có phải là tiền thuê xe trong ngày hay không? Mãi đến một hôm sau Tết âm lịch nọ tôi mới được anh Bảy cho lên xe ngựa đi từ nhà tôi qua Chợ Đồn rẽ về Tân Vạn tới nhà anh để "ăn Tết". Tôi ngồi trên xe ngựa một mình thấy mình chông chênh thế nào ấy trái tim cứ đập rộn lên. Xe ngựa qua cầu Rạch Cát rồi qua cầu Gành bánh xe gỗ có bọc một lớp cao su lăn trên những miếng gỗ sần lót ngang cầu kêu lọc cọc thêm dòng sông chảy xiết phía dưới càng khiến tôi sợ hơn.

Tại nhà anh Bảy bà con trong gia đình anh tụ tập rất đông ngồi quanh mấy cái bàn kê ngoài vườn cây trái. Tôi được đưa tới một bàn gồm toàn người lớn tuổi có ông mặc khăn đóng áo dài trịnh trọng có ông mặc bộ bà ba trắng bong... Họ không đợi anh Bảy giới thiệu đơn đả kéo ghế cho tôi ngồi và tất cả đều gọi tôi là "cậu Hai".

Trên bàn bày ê hề là món ăn và trong chén của tôi cũng được mọi người gấp tiếp không lúc nào vơi. Dĩ nhiên không thể thiếu món bánh tét món thịt kho hột vịt dưa giá để cuốn bánh tráng cả những khoanh dưa hấu tráng miệng ruột đỏ như son. Tôi không dám nói gì chỉ lặng lẽ... ăn và nhìn nghe mọi người trò chuyện. Mấy người lớn uống rượu để thứ rượu trong khe và sóng sánh như có mật được múc ra từ trong cái tô lớn đặt giữa bàn bằng một cái chung sành nhỏ. Người nào cũng ngửa cổ uống cạn chén rồi quay qua một bên nhỏ phệt bãi nước miếng xuống đất vườn. Có người còn thốt lên một tiếng: "Đ...đ... đã...".

Sẩm tối anh Bảy mới đánh xe ngựa chở tôi về khu Phúc Hải. Lần này thì tôi đã bớt sợ khi chiếc xe ngựa lăn bánh gỗ qua hai cây cầu bắc ngang cù lao Phố. Anh Bảy nói với tôi:

- Ba em đã đồng ý sang chiếc xe ngựa này cho anh rồi! Khi nào anh chồng đủ tiền thì được nhận xe...

- Thế còn con ngựa?

- Trời đất! Chớ anh mua riêng chiếc xe để làm chi?

Đó là lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng tôi được đi xe ngựa của gia đình mình.

Xe ngựa ngày nay không còn chiếc nào chạy trên đường phố Biên Hòa nữa. Chắc có nhiều lý do hợp lý và hợp pháp để loại xe này biến mất. Giống như loại xe *lam* cũng bị cấm lưu thông trong nội ô vậy. Nhưng trong sự mơ mộng có thể bảo là hoài cổ của riêng tôi tôi vẫn mong một ngày nào đó hình ảnh xe ngựa lại tái hiện ở Biên Hòa. Dĩ nhiên đó không phải là những chiếc xe ngựa chở bạn hàng như ngày xưa nữa mà là những chiếc xe ngựa mang hình ảnh “văn hóa Biên Hòa xưa”. Đó có thể là những chiếc xe ngựa có khung xe được thiết kế vừa lịch sự vừa đẹp mắt dùng để chở du khách từ trung tâm Biên Hòa đến khu du lịch văn hóa Bửu Long viếng Văn Miếu Trấn Biên ở gần đó thăm làng bưởi Tân Triều bên huyện Vĩnh Cửu... Những chiếc xe ngựa du lịch ấy cũng có thể chở du khách đi theo chiều ngược lại qua cầu Rạch Cát ghé thăm cù lao Phố viếng đình thờ Nguyễn Hữu Cảnh và những ngôi đình nằm rải rác quanh đó chẳng hạn...

Đi xa người Biên Hòa ngày xưa có xe đò xe lô. Đi Sài Gòn muốn ngồi rộng rãi một chút thì đón xe đò hiệu Liên Hiệp có mấy chục ghế ngồi tương tự như xe buýt bây giờ; xe đò hiệu Nam Thành Đức Hòa nhỏ hơn cỡ xe hai mươi lăm chỗ nhưng đáng xe cao hơn thô hơn nhiều. Muốn đi nhanh thì phải chịu ngồi chật như nệm trên xe *lo* bến ở cổng ga xe lửa Biên Hòa hoặc ở trước rạp Vạn Khánh Hưng bên hông chợ Biên Hòa. Xe *lô* là tên gọi nôm na mà bà con dành cho loại xe hiệu Traction của Pháp thường sơn màu đen có ba băng ghế ngồi. (*Hiện nay ở Biên Hòa còn vài chiếc được tân trang kiểu cộ của người chơi xe cổ đồng thời cũng để cho thuê đóng phim*). Khách đi xe *lô* có quyền mua một người hai vé để có hai chỗ ngồi rộng rãi hơn. Số khách như thế không phải hiếm trong ấy có cả gia đình tôi. Bao giờ có việc đi Sài Gòn và cho tôi cùng đi cha hoặc mẹ tôi cũng mua ba vé cho hai người.

Ở khu Vườn Mít phía quảng trường tỉnh bây giờ đối diện với cây xăng ngày xưa cũng có một bến xe dành cho loại xe nhỏ hiệu Nam Thành Đức Hòa chở khách đi về các địa phương phía Đông Bắc Biên

Hòa như vùng Hồ Nai hay tỉnh Long Khánh hoặc các tỉnh lân cận như Bình Dương Tây Ninh...

Xe đồ chở khách từ Sài Gòn về phải đi qua cầu Gành và cầu Rạch Cát. Thường khi tới Chợ Đồn nếu có xe lửa đi qua thì các loại xe phải dừng lại chờ đậu thành hàng dài trước cầu Gành. Bà con ở đây xây những ki-ốt giữa đường rầy xe lửa và lề đường nhựa để bày bán buổi Biên Hòa cho khách đi xe – những chồng trái bưởi xếp có ngọn thật hấp dẫn rồi những người bán hàng rong với đủ thứ mặt hàng người tàn tật ôm đàn hát dạo... tạo nên một hình ảnh đặc biệt khó quên cho hành khách xe đồ và cả những người dân địa phương một thời. Xe lửa đi qua bánh xe sắt nghiêng trên đường rầy cùng tiếng còi hú dài khách đi xe lửa nhìn xuống đoàn xe đậu nối đuôi khách đi xe đồ nhìn lên xem xe lửa... Đôi khi khách xe lửa và khách xe đồ nhận ra người quen chòm người qua cửa sổ vẫy gọi í ới...

(Xe lửa Biên Hòa đón khách đi lại Sài Gòn và một số tỉnh miền Trung phải ngưng chạy một thời gian mấy năm trong chiến tranh đầu khoảng thập niên 70 mới lưu thông lại. Hồi ấy tôi đang là sinh viên trường Dược có dạy một số học sinh trung học ở nhà. Thầy trò chúng tôi đã rủ nhau "đi xe lửa" cho biết ngay một tuần sau khi xe lửa chạy lại. Mua vé nơi quầy bán vé trong ga qua cửa kiểm soát leo lên toa tha hồ chọn chỗ ngồi vì các băng ghế còn rộng rinh... chúng tôi náo nức vì đó cũng là lần đầu tiên trong đời được đi xe lửa. Tàu hú còi máy kêu xình xịch rồi tiếng những bánh xe sắt lăn trên đường rầy tất cả cứ như mới xảy ra với tôi dù đã hơn ba mươi năm qua đi. Chúng tôi reo lên khi xe lửa qua cầu Rạch Cát cầu Gành lại reo lên khi xe lửa vượt cầu Hang nhìn xuống quốc lộ phía dưới xe cộ nhỏ như những món đồ chơi di động... Đến ga Hòa Hưng ở Sài Gòn thầy trò chúng tôi lại mua vé quay về. Chuyến này thì tâm trạng ai cũng khác).

Trên quốc lộ 1 hồi ấy còn có một loại xe đặc biệt lưu thông: xe be. Đó là những chiếc xe chở gỗ từ rừng về Sài Gòn một số ít chở về Nhà máy cưa Tân Mai. Phía trước là ca bin xe phía đuôi là một sàn xe rời nối với nhau bởi những cây gỗ lớn hàng hai vòng tay ôm (gọi là cây be) và những sợi xích to. Từ đầu đến đuôi xe be tùy cây gỗ dài hay ngắn mà chiếc xe có chiều dài đến khoảng mười mấy mét! Thịnh thoảng cánh xe be đậu lại trên quốc lộ để sửa máy hay nghỉ ngơi cơm nước cả một quãng đường bị choán. Nhiều người dân nghèo lén ra rọc vỏ cây đem về làm củi. Đôi khi cũng xảy ra tai nạn do xích đứt cây be rơi xuống nền đường rồi khỏi hẳn phần sàn xe rời phía sau...

Đoạn quốc lộ ngang nhà tôi còn có những chiếc xe bò qua lại. Khung xe bánh xe bò đều bằng gỗ càng xe gắn vào cổ cặp bò kéo xe cũng bằng gỗ. Loại xe này thường chở nông sản chở củi tre lá... với một người đánh xe ngồi nhàn nhã như bước đi thùng thẳng của cặp bò. Dĩ nhiên xe bò chỉ được phép đi ở những đoạn đường ngoại ô tỉnh lỵ. Thịnh thoảng cũng có xe... trâu nghia là một cặp trâu đen trĩu phải làm nhiệm vụ kéo xe thay bò. Hiếm hoi hơn là hình ảnh mấy chú bé cưỡi trên lưng trâu lưng bò lững thững đi ven đường nhựa cùng những chiếc xe hơi xe gắn máy xe đạp... Cái hình ảnh ngoại ô thời ấy có cả văn minh đô thị lẫn mộc mạc nông thôn tôi chắc chắn đã đi hẳn vào dĩ vãng.

Nhớ Biên Hoà Kỳ 4

Câu hát xa xưa

Mẹ tôi rất thích xem cải lương Nam bộ. Ngày ấy rạp Biên Hùng (*Rạp Nam Hà bây giờ*) là rạp hát hạng nhất ở Biên Hòa chỉ chiếu các phim phương Tây (phim châu Âu hay phim châu Mỹ) phim Việt Nam những năm sau này mới có mà cũng ít hơn. Rạp còn cho thuê sân khấu để tổ chức các Đại nhạc hội các đoàn kịch hay cải lương về diễn.

Đại nhạc hội là tên gọi của hình thức tương tự chương trình ca múa nhạc tạp kỹ bây giờ thường được tổ chức vào một ngày chủ nhật hay ngày lễ cũng thường là vào buổi sáng. Đại nhạc hội nào cũng phải có mặt một trong các *hệ* thời ấy như Tùng Lâm (lùn) Phi Thoàn (ôm) Khả Năng (mập)... hoặc *quái kiệt* Trần Văn Trạch em của giáo sư nhạc sĩ Trần Văn Khê (*Người ta không gọi là danh hài như bây giờ mà chỉ gọi là hề và không hề có ý coi thường*). Kịch và cải lương thì tuy không kén ngày nhưng thường chỉ diễn về đêm và đoàn nào về đây cũng diễn liên tiếp hai ba đêm mới dọn đi.

Bao giờ đi coi cải lương mẹ tôi cũng cho tôi đi và hai mẹ con coi đủ cả hai hay ba suất diễn. Đoàn Thanh Minh sau này là Thanh Minh Thanh Nga đoàn Kim Chương đoàn Minh Chí – Việt Hùng cả đoàn Kim Chung "đóng đô" ở rạp Hồng Thập Tự trên Sài Gòn cũng thỉnh thoảng về Biên Hòa diễn. Đoàn Kim Chung "tiếng chuông vàng thủ đô" có các cô đào Kim Chung Bích Hợp có kếp Huỳnh Thái hề Ba Hội... đều là người miền Bắc vào hát cải lương Nam bộ theo kiểu Bắc nên rất được bà con người gốc Bắc ở Biên Hòa mến mộ đi xem. Đoàn Thanh Minh Thanh Nga thì có đào Thanh Nga vừa đẹp vừa hát hay có kếp Thành Được kếp Út Trà Ôn ca vọng cổ thật mùi kếp móm Hữu Phước kếp độc Hoàng Giang... Đoàn Kim Chương có kếp độc Trường Xuân ai xem một lần là nhớ! Sau này có thêm nhiều đoàn cải lương khác với những giọng ca trẻ hơn như kếp Minh Cảnh ca vọng cổ dài hơi nổi tiếng với đĩa hát "Võ Đông Sơ - Bạch Thu Hà" thường đóng cặp với đào Lệ Thủy kếp Hùng Cường có giọng "têno" trẻ trung cao vút đóng chung với đào Bạch Tuyết ở đoàn Dạ Lý Hương; rồi nào Tấn Tài Diệu Hiền Út Hậu Dũng Thanh Lâm... thu hút bà con đến xem đông đảo. Vé được bán trước từ buổi sáng và tiếp tục bán đến trước giờ diễn. Tôi được giao nhiệm vụ đi mua vé trong ngày kết hợp với giờ đi hay giờ về học. Mua vé sớm mới dễ chọn được loại vé hạng nhất có số ghế ngồi ở mấy hàng đầu xem rõ hơn nghe rõ hơn.

Rạp Biên Hùng được trang bị ghế gỗ chỗ ngồi lật lên lật xuống mỗi lần có ai rời ghế lại nghe một tiếng động lớn và những tiếng động như thế cứ rộn lên suốt thời gian chờ mở màn. Trước giờ diễn cũng là thời gian hoạt động của đội quân bán hàng rong với những cái rổ con cái mẹt hàng trên tay. Họ chia

nhau đi quanh rạp rao bán quạt giấy đậu phộng rang bánh kẹo hạt dưa... Có người rao bán cả cái nhíp cây móc tai... Khán giả mua quà ăn rồi vất rác ngay dưới chân. Thế mà sàn rạp lúc mới vào đêm nào cũng khô ráo tương đối sạch sẽ hẳn những người công nhân của rạp đã phải dọn vệ sinh vất vả cả ngày hôm trước. Tường rạp được đắp xi măng lỗ chỗ để lấy âm thanh tốt. Dàn nhạc được bố trí ngồi trong một khoang riêng ngay dưới sân khấu cách hàng ghế khán giả đầu tiên chừng hai thước. Ở cuối rạp có mấy dãy ghế trên lầu xem phim thì hợp hơn xem cải lương hay kịch. Nhà vệ sinh được bố trí hai bên nam nữ riêng biệt cũng làm hài lòng khán giả. Thì đã bảo là rạp hạng nhất thời ấy mà! *(Đến nay rạp Nam Hà mà tiền thân là rạp Biên Hùng vẫn còn đầy đủ những cái "cũ": khoang dành cho dàn nhạc dưới sân khấu những bức tường đắp xi măng lỗ chỗ những hàng ghế đã hư hỏng khá nhiều... Nghe nói đã có kế hoạch đập bỏ toàn bộ rạp hát cũ này để xây dựng lại một cơ sở văn hóa giải trí hiện đại xứng với tầm một thành phố đô thị loại 2).*

Đêm đầu tiên trong đời được đi xem cải lương cũng là lần đầu tiên tôi đặt chân vào rạp Biên Hùng. Sân khấu ở trên cao có màn nhung kéo che kín đến tận lúc diễn mới được kéo qua hai bên xuất hiện những bức phong cảnh trang trí thật hấp dẫn dưới ánh đèn màu. Đêm ấy đoàn Thanh Minh diễn một vở tuồng có bối cảnh Nhật Bản mà tôi không còn nhớ rõ tên gì. Tuồng có cảnh đấu kiếm thật hấp dẫn. Hai đối thủ so tài một lúc thì một người bị người kia đâm xuyên kiếm qua bụng. Tôi hét to lên vì thấy cảnh máu đỏ ướm đầm chiếc áo "nạn nhân" khiến nhiều người phải quay nhìn. Nhưng trên sân khấu "nạn nhân" vẫn chưa... chết vì ông ta còn có thể nói được đúng ra là ông ta vừa ôm vết thương vừa diễn xuất đau đớn và ca một câu vọng cổ. Lúc ông ta xuống xề đèn trên sân khấu chợt tắt rồi một ánh đèn đỏ được bật lên trong tiếng vỗ tay vang dội của khán giả. Tôi cũng vỗ tay... mừng vì nghĩ rằng còn ca hát được hay như thế thì ông ta không thể chết. Nhưng khi đèn đỏ tắt đèn trên sân khấu được mở sáng trở lại ca xong câu vọng cổ thì người bị đâm nhất kiếm vào bụng gục xuống... chết!

Đêm hôm sau tôi lại cùng mẹ tôi đi xem suất thứ nhì. Người ta diễn một tuồng xã hội. Ngay đầu tuồng tôi thấy một người đàn ông xuất hiện trên sân khấu gương mặt rõ ràng là của "nạn nhân" Nhật Bản đã bị đâm chết tối hôm trước. Rồi tiếp theo là một loạt nhân vật khác xuất hiện cũng đều là những gương mặt quen thuộc. Nghĩ một lúc tôi mới hiểu là các diễn viên đóng tuồng và chết giả! May mà tôi không thắc mắc với mẹ tôi chứ không thì thế nào cũng bị bà cười bảo là thằng khờ...

Các đoàn kịch về diễn ở rạp Biên Hùng có đoàn Kim Cương đoàn Thẩm Thúy Hằng đoàn Túy Hồng... Đi xem kịch của đoàn Kim Cương bao giờ mẹ tôi cũng khóc. Còn đi xem kịch đoàn Thẩm Thúy Hằng thì bà luôn nức nở khen cô Thẩm Thúy Hằng đẹp quá đúng là "người đẹp Bình Dương". Anh kếp Vân Hùng của đoàn Kim Cương hay kếp La Thoại Tân của đoàn Thẩm Thúy Hằng được mẹ tôi khen là đẹp trai diễn giỏi. Một đoàn kịch khác có ông Anh Lân cao kều diễn rất hay còn vợ ông là bà Túy Hoa mẹ cô Túy Phượng thì lại quá mập. Ngoài ra còn có thêm anh hề Tùng Lâm vừa nhỏ con vừa khiêm tốn cả về chiều cao...

Vào xem các suất diễn cải lương hay kịch khán giả cầm vé có thể tự tìm ghế ngồi theo chữ và số ghi trên vé cũng có thể nhờ người soát vé tìm dùm. Mấy người soát vé tay cầm đèn pin soi đúng vào mặt sau ghế ngồi cho từng người khán giả. Giữa suất diễn có khi họ cũng làm công việc kiểm tra để phát hiện người "coi cộm". Tuy gắt gao là thế nhưng cứ khi gần vãn tuồng là cửa rạp hát được mở ra *xả giàn* cho bà con bên ngoài vào xem tự do. Không khí ở cuối rạp chộn rộn lên một lúc với những tiếng ồn nhưng không bao lâu tất cả lại trật tự vì tuồng sắp kết thúc thì bao giờ cũng hấp dẫn lôi cuốn người xem nhất.

Cảnh vãn tuồng cũng rất sinh động. Người ta ra về bằng cửa chính và cả cửa hông. Ra cửa hông phía trái của rạp là gặp ngay những hàng quán bán đủ thứ thức ăn nghỉ ngút hơi nóng và mùi vị hấp dẫn. Phía bên kia đường có tiệm mì Liên Viên Viên. Lề đường bên này thì thường bày bán khô mực ốc luộc mấy thứ trái chua như cóc ổi... và khách thường là các bác xích lô bác tài xe *lam* ngồi lai rai chờ khách hoặc dân nhậu thứ thiệt ở địa phương. Người không ăn hàng và bàn tán về vở tuồng vừa xem thì ra đường gọi xe xích lô hoặc lên xe *lam* đậu chờ sẵn. Có đêm người về đông xe ít mẹ con tôi đã phải đi bộ hơn hai cây số về nhà. Đi ngang khu Đài Kỷ Niệm mà phía bên phải đường còn nghĩa trang họ đạo Khiết Tâm tôi cứ phải níu sát người mẹ tôi.

Ở trên đường Phan Chu Trinh bây giờ về phía trái ngày ấy là một bên hông chợ Biên Hòa có một khoảng đất trống kha khá là bến xe lô xe ngựa chở bạn hàng. Kề bên bến xe là rạp hát Vạn Khánh Hưng là rạp được xếp thứ nhì của Biên Hòa sau rạp Biên Hùng. Ở đây đặc biệt chuyên chiếu phim Ấn Độ mà phim nào cũng có ít nhất là một bài hát được diễn viên hát trọn bài rồi còn hát lại! Rạp Vạn Khánh Hưng phục vụ giới khán giả bình dân trong ấy có nhiều chị bán sạp hàng trong chợ Biên Hòa nhiều anh tài lơ xe lô xe lam xe ngựa... nên coi ra nó cũng hết sức "bình dân". Ghế ngồi xộc xệch sàn rạp có những chỗ ướt sũng và âm thanh thì đứng ngoài bến xe cũng nghe thấy ì xèo. Người mới đến lập nghiệp ở Biên Hòa ngày nay chắc khó có ai ngờ được ở khu vực này từng có một rạp hát như thế.

Sau này ở đường dọc bờ sông Đồng Nai có thêm rạp hát Lido được xây dựng hiện đại hơn rạp Biên Hùng nhưng không hiểu sao ở đây lại ít khán giả đến xem.

Ngày ấy trước khi chiếu phim chính bao giờ khán giả cũng được xem một phim hoạt hình và một phim thời sự đen trắng. Rồi sau khi trên màn ảnh hiện lên dòng chữ nhắc nhở mọi người không được hút thuốc lá trong rạp hát thì phim chính mới bắt đầu được trình chiếu. Bởi vậy có nhiều khán giả mua vé rồi nhưng không vào rạp ngay họ ngồi uống nước uống cà phê hút thuốc lá cho đã rồi canh giờ phim chính bắt đầu chiếu mới vào rạp.

Tôi có một kỷ niệm không thể nào quên. Đó là lần đi xem phim ở rạp Biên Hùng. Năm ấy tôi mười bốn tuổi đang nghỉ hè và sắp vào học lớp đệ Tứ trường Ngô Quyền. Như tôi đã kể dù sức khỏe chung thì kém nhưng có lẽ được tắm bồn thường xuyên nên vóc dáng tôi khá lớn mười bốn tuổi mà trông tôi như một thanh niên mười bảy mười tám. Dĩ nhiên gương mặt tôi còn rất "khờ trăn". Đêm ấy là đêm 1 tháng 5 rạp Biên Hùng chiếu phim "*Chuyến đi thứ bảy của hoàng tử Sinh Bá*" một phim màu thần thoại màn ảnh rộng. Tôi xin phép cha mẹ một mình đi xem phim. Mười giờ tối vẫn phim mọi người ra về. Ngay trước cửa rạp tôi thấy một chiếc xe cây (*xe của cảnh sát chế độ cũ*) đậu sẵn và mọi người khi ra cửa đều bị xét giấy. Tôi không đem theo giấy tờ gì vì nghĩ rằng mình còn nhỏ. Nhưng cái dáng dấp cao lớn đã hại tôi khiến tôi bị đẩy lên xe cây trong sự ngạc nhiên lẫn hết sức lo sợ. Một lúc sau chiếc xe cây chở số người bị bắt vòng qua phía bên kia đường nơi có Ty cảnh sát ngục (*Văn phòng của Ty này nay được dùng làm trụ sở cho một đơn vị của Thành phố Biên Hòa nắm sát công viên Biên Hùng hàng rào xây bằng đá xanh khổng lồ đã được đập bỏ*). Tôi đỏ hoe mắt khóc khi phải đứng chung trong một căn phòng tạm giam chật hẹp cùng những người lớn mà trong câu chuyện họ nói với nhau tôi biết trong số họ có người là du đảng có người là gái ăn sương... (*và không biết có ai trong họ là dân anh chị ở khu "Đất Thánh Tây" Dốc Sỏi nhận ra tôi là thằng bé bệnh hoạn ngày nào?*). Tôi đợi mãi mới thấy một người cảnh sát đi tới gần chỗ mình liền lấy hết can đảm gọi anh ta để xin được tha cho về. May sao đó lại là một người ở cùng khu Phúc Hải với tôi. Anh ấy ngạc nhiên hỏi tôi:

- Sao em lại đi coi phim vào tối nay?

Tôi được bảo lãnh cho về. Dẫn tôi ra tận cổng Ty anh cảnh sát cùng xóm mới nói với tôi:

- Hôm nay là ngày 1 tháng 5 ngày lễ Lao động lễ lớn của Việt Cộng nên người ta kiểm soát để bắt Việt Cộng em biết chưa?

Đó là lần đầu tiên trong đời tôi một đứa trẻ mười bốn tuổi được biết rằng có những người là "Việt Cộng"!

Từ hồi học lớp Nhất trường Khiết Tâm tôi đã biết tiệm ảnh Phạm Lung. Ở một góc đường thuộc khu ngoại biên chợ Biên Hòa có hai mặt tiền tiệm ảnh nổi tiếng này có nhiều thuận lợi. Ngày ấy Biên Hòa dường như chỉ có tiệm Phạm Lung và tiệm Bửu Quang trong khu chợ là hai địa chỉ làm ảnh được tín nhiệm nhất.

Những bức ảnh đen trắng được cho màu của các cô gái chàng trai bảnh bao được phóng lớn lộng khung đặt ở tủ kính quay ra đường vừa giới thiệu tay nghề của tiệm ảnh vừa có nhiệm vụ "tiếp thị".

Không lạ gì khi người ta thấy có những cô bác đứng tuổi những thanh niên nam nữ và cả bọn học trò chúng tôi đứng chân trên lề đường đứng ngắm một bức ảnh mẫu nào đó. Diện tích của tiệm ảnh Phạm Lung không rộng lắm. Nơi tiếp khách ngoài mấy cái tủ kính trưng bày thì cái quầy giao dịch thu ngân cũng chiếm gần hết chỗ. Khách đến chụp ảnh sẽ đăng ký ở đây lấy giấy hẹn trả trước một số tiền rồi đến ngày lấy ảnh sẽ trả nốt số còn lại. Phòng chụp hồi ấy có cái máy chụp phim lớn khổ 6x9cm hay 4x6cm đặt trên giá ba càng chính bác Phạm Lung tuổi trung niên dáng người phục phịch đạo diễn cho khách ngồi trước phong tùy theo khách chụp ảnh kỷ niệm nghệ thuật hay chụp ảnh làm thẻ. Ngồi nghiêng qua một bên ngẩng đầu lên một chút duỗi chân cho thoải mái... bác nói với khách hàng sửa lại tư thế cho tới khi ưng ý. Cuối cùng khi cái đèn chụp ảnh đã nhóa lên và ông chủ tiệm ảnh chui đầu ra khỏi cái khăn đen trùm kín cả bộ máy chụp ảnh là một tấm ảnh đã được chụp xong. Ảnh đen trắng rất bền. Tấm ảnh tôi chụp dán vào học bạ hồi lớp Nhất đến nay vẫn còn rất rõ dù đã hơn bốn mươi năm qua đi.

Thỉnh thoảng gia đình tôi cũng đi lên tiệm Phạm Lung chụp ảnh kỷ niệm giống như thói quen của nhiều gia đình thị dân thời ấy khi mà máy ảnh cá nhân còn chưa phổ biến vẫn là "của hiếm" chỉ dành cho những người giàu có hoặc phóng viên báo chí. Không chỉ chụp ảnh những người trong gia đình chụp chung hay chụp riêng với trang phục của mình hoặc mượn của tiệm chụp ảnh người ta còn mời cả bà con lối xóm thân tình đi chụp chung rồi rửa ra hai tấm phóng to lộng khung treo trên tường phòng khách mỗi nhà.

Hồi mười lăm tuổi thi đậu Trung học đệ nhất cấp tôi được cha tôi mua thưởng cho hai vật rất quý: một là cái máy chữ hiệu Olympia của Ý mà theo luật thời ấy phải khai báo sử dụng với chính quyền có bản mẫu chữ đính kèm; còn một là cái máy ảnh của Nhật khẩu độ 2 8 tốc độ đến 1/500 giây. Cả hai đều được mua ở đường Lê Lợi Sài Gòn. Tôi ghi tên đóng học phí để học đánh máy ở trường dạy đánh máy của ông Cao Đình Huê khu gần rạp hát Biên Hùng được cấp chứng chỉ tốt nghiệp loại khá hẳn hoi. Còn chụp ảnh thì chính anh chủ tiệm bán máy ảnh ở Sài Gòn hướng dẫn cho tôi những thiết đặt cơ bản về khẩu độ tốc độ và khoảng cách. Nhờ học giỏi môn Lý năm đệ Tứ có phần quang học hiểu rành rẽ thấu kính hội tụ và phân kỳ nên tôi tiếp thu sự hướng dẫn này khá nhanh. Hồi chụp cuộn phim đầu tiên 24 “pô” đi rửa ảnh thấy chỉ hồng vài tấm tôi sung sướng lắm nhưng cứ có ai hỏi xem ảnh thì đỏ bừng mặt lên! Có chuyện ít ai ngờ là ngay hồi đó tôi đã được mời đi chụp ảnh... đám cưới! Số là một anh giúp việc nhà tôi cưới vợ cha tôi quyết định mừng cưới bằng một tập ảnh đám cưới mà tôi được giao nhiệm vụ đi chụp. Tôi hồi hộp lắm nhưng cũng muốn thử sức mình một lần xem sao! Kết quả không đến nỗi tồi. Khi đem tập ảnh được rửa đến nhà cho chú rể cô dâu mới xem cả hai anh chị đều khen “đẹp” (*đến nay tôi vẫn còn nghi ngờ lời khen này!*). Tôi được giữ lại chú rể đãi tôi một châu nem chua Thủ Đức và nhất định ép tôi phải uống hết một ly bia!

Từ ấy trở đi vào những ngày nghỉ hoặc buổi tối trong nhà tôi bắt đầu vang lên những tiếng lách

cách gõ máy chữ của tôi. Tôi cũng làm quen dần với những cuộn phim 24 hoặc 36 "pô" quen với việc đạp xe đạp lên tiệm ảnh Phạm Lung gửi tráng phim rửa ảnh. Có thể xem đó là bước khởi đầu rất vô tình cho tôi đến với công việc viết văn và làm nghệ thuật sau này – việc không hề có trong ước mơ tương lai của tôi ngày ấy.

Nhớ Biên Hoà Kỳ 5

Hương vị phố

Sáng sáng ở khu Phúc Hải của tôi có một ông bán bánh mì dạo với những ổ bánh mì dài sáu bảy tấc thân bánh thì nhỏ hơn loại bánh mì ổ bây giờ. Tùy theo tiền khách mua mà ông cắt ổ bánh dài thành nhiều phần bánh nhỏ. Có khách đòi phần bánh của mình là phần ở giữa nhưng cũng có người lại yêu cầu phải có một đầu ổ bánh gốc ăn cho dòn! Nhân bánh phổ biến là bì heo thái nhỏ có trộn thính hay thịt heo quay xắt mỏng hoặc xiu mại làm thành từng viên có thêm một lát gan nhỏ. Lấy con dao bén xẻ đôi phần bánh ở phía trên xong ông nhồi nhân theo yêu cầu của khách thêm một gấp “đồ chua” rồi rưới nước sốt thêm cọng hành ngò vài lát ớt xít chút xì dầu. Khách thích ăn bánh mì kẹp giò lụa hay chả lụa thì ông rắc muối tiêu. Kết thúc tất cả bao giờ cũng là một miếng giấy báo được rọc nhỏ bọc quanh ổ bánh cột bên ngoài là một sợi dây thun. Ông bán bánh mì dạo hành nghề với một chiếc xe đạp khung ngang. Nơi khung ngang là một cái túi vải cũ đựng giấy báo gói bánh dây thun... đại loại là các thứ "văn phòng phẩm". Lại có cả một cuốn sổ nhỏ mà tôi không dám hỏi xem ông ghi chép những gì liệu có phải là sổ ghi nợ cho khách quen hay không? Phía sau boọc-ba-ga xe là một cái thùng hình chữ U ngược được đặt đóng bằng nhôm cho nhẹ và khỏi bị han gỉ. Hai bên thành chữ U ngược ông để được hàng chục ổ bánh mì dài còn mặt bằng trên cùng thì là các loại nhân nước sốt xì dầu...

Ít khi tôi nghe ông bán bánh mì phải rao. Chính như một khách hàng thường xuyên của ông là tôi cứ khoảng sáu giờ rưỡi sáng mở cổng nhà nhìn về phía cột điện là đã thấy ông đứng đó đang bán bánh mì cho một hai người khách. Có lẽ ông đã nghĩ ra việc tự chọn những "trạm" bán hàng cho mình để khách quen cứ việc đến đấy mà mua.

Nhưng buổi sáng trên đường nhà tôi cũng có nhiều tiếng rao lạnh lạnh hầu hết là giọng phụ nữ. Bà bán xôi bà bán bánh khúc chị bán bún riêu cua... đều phải rao. Có người đội cái mẹt hàng trên đầu có người cắp ngang eo người thì gánh giống nặng nề với nồi nước riêu trên cái bếp than lúc nào cũng hồng nóng. Không tự chọn "trạm" như ông bán bánh mì nhưng cứ khi có người gọi mua gánh bún hay mẹt xôi đặt xuống lề đường được một chút là khách mua không hiểu ở đâu đã xúm quanh tự hình thành một cái "trạm" bán hàng!

Khu Phúc Hải nhỏ là thế mà cũng có đến hai tiệm phở. Có lẽ vì đây là khu dân cư miền Bắc nên món phở Bắc được chuộng chẳng? Đi ăn phở sáng là một thú sang trọng với những gia đình bình dân. Người ta hay chọn sáng chủ nhật được nghỉ đưa cả gia đình đi ăn. Cũng có những người là bạn bè rủ nhau đến tiệm phở. Tôi không rõ khi phở Bắc mới xuất hiện ở đây thì thế nào nhưng vào những năm của thập niên sáu mươi khi tôi thỉnh thoảng được dẫn đi ăn "phở ông Miến" hoặc "phở bà Đường" thì trên bàn đã có một đĩa rau nhiều loại như húng quế ngò gai sà lách rồi. Tương ớt loại đỏ cay loại nâu ngọt mặn cũng đã có. Hồi đầu ngoài bánh phở thì thịt bò chỉ đơn giản là bò tái hay chín chứ chưa có nạm gầu gân... phức tạp như bây giờ. Ngoài phở nước nhiều người còn gọi món phở xào với thịt bò bánh phở xào chừng như dai hơn ngon hơn. *(Người ta không xào phở với lòng gà như bây giờ cũng không thấy tiệm phở nào bán phở gà.* Ở trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa cũng có một tiệm phở nổi tiếng là phở Tứ Hải trên đường Phan Đình Phùng - trước mặt hai Sở Lao động Thương binh Xã hội và Sở Y Tế ngày nay - mà chủ tiệm lại là người Hoa! Tiệm phở này cho đến nay vẫn bán dù quy mô không còn như trước nữa.

Ngoài món phở Bắc mà dần dần được cải biến cho hợp với khẩu vị người Biên Hòa gốc thì món hủ tiếu và mì sợi là hai món quen thuộc khác. Hủ tiếu có khi còn được ăn chung với mì thành món hủ tiếu mì. Người ta ăn hủ tiếu khô hoặc ăn nước. Ăn nước là kiểu ăn bình thường: bánh hủ tiếu loại thường hay loại dai thịt heo gan có nơi có cả tôm hay mực ống... được nấu và chan nước lèo đầy tô. Ăn khô thì trong tô chỉ có bánh và thịt... nước lèo được múc vào một cái chén nhỏ có thêm một hột gà đập vào hoặc một miếng xương hầm. Có tiệm cầu kỳ còn có thêm một miếng bánh tôm chiên dòn đặt lên trên cùng tô hủ tiếu!

Không hiểu sao ấn tượng nhất với tôi lại là món mì sợi. Đất Biên Hòa là một trong vài địa phương của phương Nam có những đoàn người Hoa di cư đến từ thời vua chúa nhà Nguyễn. Cù lao Phố tức Nông Nại Đại phố ngày xưa là thương cảng tập nập với những ông chủ kinh doanh là người Hoa. Nhiều dãy phố dọc theo bờ sông Đồng Nai là nơi cư trú của bà con người Hoa đi theo tướng Trần Thượng Xuyên đến lập nghiệp ở Biên Hòa. Có lẽ món mì sợi đã theo họ đến đất này cùng bí quyết làm mì nấu nước lèo và cả nghệ thuật kinh doanh. Nhiều người Biên Hòa cũ kể lại rằng chú Mừng là một người Hoa làm mì rất khéo rất ngon nhưng ông chỉ làm đến khoảng bốn giờ chiều thì nghỉ tay để đi “làm bạn” với... nàng tiên nâu! Mì chú Mừng là một "thương hiệu" nổi tiếng đảm bảo!

Một tháng đôi lần tôi và cô em thường được mẹ tôi dẫn đi chợ Biên Hòa vào ngày chủ nhật. Đó là những buổi hạnh phúc nhất của tuổi thơ tôi. Ba mẹ con ra lề đường đón xe *lam* chọn chiếc nào ít khách để có thể ngồi rộng mới vẫy xe dừng lại. Xe đi qua Vườn Mít xuống dốc Kỷ Niệm qua công trường Sông Phố rẽ phải đến mặt tiền chợ Biên Hòa. Mẹ tôi đi chợ mua vải may quần áo mua trái cây hay hàng họ gì đó xong xuôi bao giờ cũng dẫn anh em tôi đến một xe mì trong chợ. Tôi thường ăn đến hai vắt khi thì mì sợi nhỏ lúc là mì sợi lớn hoặc có khi là một vắt mì với hoành thánh. Ngồi bên chiếc xe

mì (nếu tôi nhớ không lầm thì có tên là Châu Ký) có gắn những tấm kính vẽ hình Quan Công Trương Phi Lưu Bị Triệu Tử Long trong truyện Tam Quốc Chí bằng sơn màu xanh đỏ đen... nghe tiếng dao xắt hành lá trên thớt hít hà mùi nước lèo khi ông già người Hoa mở nắp thùng nước lèo... cứ như đang được bay bổng lên mây. Chiếc xe mì cũng có bày một hai cái bàn cạnh đó cho khách ngồi ăn trên ghế xếp chân sắt được thoải mái nhưng người sành điệu phải chọn ngồi ăn tại "bàn" gắn liền với xe - chỉ là một mảnh gỗ dài theo chiều dài xe mì bề ngang chừng ba tấc. Ngồi ở đây chẳng những ăn tô mì của mình mà những lúc ngưng đũa còn được nhìn thật gần ông già đầu bếp gấp những miếng bột cán mỏng gói một chút thịt băm bên trong làm nên những viên hoành thánh hấp dẫn.

Những đêm mẹ con tôi đi xem cải lương ở rạp Biên Hùng vẫn tưởng mẹ tôi lại cho tôi ghé qua tiệm mì Liên Viên Viên hoặc tiệm mì Trứng cá phía đầu đường. Ngồi ăn mì Trứng cá (*Tên quen gọi tiệm mì này như thế vì ở đây có một cây trứng cá lớn che mát được đến mấy bàn ăn. Tiệm còn bán sau 1975 một vài năm rồi nghỉ*) người ta còn được hưởng cái thú nhìn ra vòng xoay ngã năm Biên Hùng xe cộ qua lại tấp nập. Sau này khi lên học bậc Trung học đệ nhị cấp tôi mới được bạn bè rủ đi ăn mì Vĩnh Vĩnh ở đầu xóm Lò Bò hoặc qua bên kia sông ăn mì Xí Mứng mì Bà Một... Món mì truyền thống ăn với thịt heo xắt mỏng thêm ít thịt heo băm có thêm vài lá cải nhỏ ăn bằng đũa và muỗng sứ. Gia vị có ớt xì dầu... chỉ có bột cải nhuyễn màu vàng chanh là khó ăn nhất ít thấy người đụng đến.

(Ăn mì ở nhiều nơi tôi thấy món ăn này ngày càng được chế biến khác xa với thuở ban đầu của nó. Nhiều nơi bán mì thập cẩm với nhân có thịt heo quay xắt nhỏ rồi nào cật heo nào cá mực tôm cua... chẳng khác nhân của món hủ tiếu. Chưa hết có nơi tô mì còn có thêm cả miếng giò heo như món bún bò hoặc đập thêm hột gà như món phở! Một lần ra Hà Nội tôi được giới thiệu đến tiệm mì "Chợ Lớn mì gia" nhưng đến ăn mới biết chủ tiệm là một người Hà Nội và món mì cũng là loại chế biến!)

Ăn mì cũng có hai cách: ăn mì nước hoặc mì khô. Vắt mì nước thường lớn hơn vắt mì khô. Một người bình thường gọi hai vắt mì nước là ăn no nhưng phải ba bốn vắt mì khô ăn mới "đã". Những tiệm mì người Hoa nổi tiếng không bao giờ mua mì ở những lò làm sẵn mà họ tự chế biến ra loại mì riêng của tiệm mình. Tôi nghe nói mì của những tiệm này không những được chọn bột rất kỹ mà quá trình chế biến còn thêm cả lòng đỏ trứng gà và một món gia truyền nào nữa! Chẳng thế mà sợi mì của họ vừa dai vừa bùi.

Có điều ở Biên Hòa cả ngày xưa và bây giờ tôi chưa gặp tiệm mì nào mà đầu bếp kèm thêm phần biểu diễn như tiệm "mì thầy" ở đường Ba Cu thành phố Vũng Tàu: sau khi nhúng vắt mì vào thùng nước lèo cho chín người đầu bếp thầy vắt mì lên cao rồi hứng lại bằng cái vớt để làm cho vắt mì to ra trông cứ như một diễn viên xiếc đang biểu diễn! Có lẽ người Hoa ở Biên Hòa cũng trầm lắng hiền hòa như người Biên Hòa không thích phô trương như người sống ở thành phố du lịch biển kia chăng?

Nhà văn Lý Văn Sâm thuở sinh tiền mỗi khi về hội họp tại Hội Văn Nghệ Đồng Nai mà ông là Chủ tịch biết tôi thích ăn mì nên thường rủ tôi đi ăn ở một tiệm mì trên đường khu Cây Chàm nền thấp hơn mặt đường đối diện nhà ông Lương Văn Lựu (*tác giả bộ Biên Hòa sử lược*) mà nhà văn kể là nơi ông vẫn thường tới ăn sáng hời viết báo làm cách mạng thập niên bốn mươi năm mươi ở Biên Hòa trước khi bị bắt nhốt vào Trung tâm cải huấn Tân Hiệp. Ông cũng thích ăn mì khô hơn mì nước và uống cà phê một hơi quá lắm là hai hơi đã cạn. Ông giải thích: "Hồi xưa ra lẽ đường uống cà phê vọt khách đông nên mình phải tranh thủ uống cho mau để còn nhường cái ghế cóc mình đang ngồi cho người khác. Cà phê đem ra còn nóng phải đổ ra cái đĩa để lấy mặt thoáng rộng hơn phùng má thổi mấy hơi cho mau nguội rồi húp *cái một* tới hết. Uống kiểu đó riết thành quen".

Món ăn nổi tiếng ở Biên Hòa xưa còn có bánh canh đầu cá hay cháo cá bên Chợ Đồn bánh canh Huỳnh Cua ở gần đầu dốc Kỷ Niệm cà ri dê Tư Dữ ở Vườn Mít...

Ngày ấy ông Tư Dữ là mối hàng mua bia nước ngọt nước đá của cha tôi. Ông có nuôi một bầy dê vừa để chúng sinh sản vừa để làm thịt dần. Dáng người ông thấp đậm còn in rõ trong tâm trí tôi hình ảnh ông cầm cây roi lừa bầy dê ăn cỏ phía bên kia đường - khu vực nhà bảo tàng tỉnh bây giờ. Bà Tư Dữ tôi cũng còn nhớ gương mặt rặt Nam bộ hơi khắc khổ một chút. Tên Dữ nhưng tôi thấy cả hai ông bà đều hiền lành nhất là... những lúc tôi đạp xe lên mua cà ri dê về cho gia đình. Thường thì sau khi ông Tư múc vào ga-men xong - với một sự ưu tiên - thì trước khi trao cho tôi bà Tư lại lén chồng múc thêm một hai miếng thịt nữa. Cà ri dê phải nấu bằng cà ri *nị* chính gốc Ấn Độ mới vừa cay vừa thơm. Ăn thịt dê phải chấm muối ớt vắt chanh phải kèm một miếng cà tím và một mẩu bánh mì chấm vào nước cà ri nữa. Sau 1975 cà ri dê Tư Dữ còn hoạt động tiếp một thời gian ở nhiều địa điểm khác nhau trong thành phố Biên Hòa do mấy người con của ông bà Tư làm chủ nay hầu như đã nghỉ cả. Những quán thịt dê bây giờ ở Biên Hòa được mở ra khá nhiều nhưng thường làm món lẩu món nướng chứ ít chỗ có món cà ri. Thịt dê cũng có người bỏ mối chưa thấy quán nào tự nuôi dê giết thịt như gia đình ông Tư Dữ.

Món vịt quay ở Biên Hòa thì cứ phải là vịt quay ở mé hông nhà hàng Hạnh Phước trước đây. Tiệm tên là Bôi Ký nhưng mọi người quen gọi là “Vịt quay Hạnh Phước” nên tên sau này đã trở thành cái tên được vẽ trên biển hiệu của tiệm lớn hơn tên chính. Tiệm vịt quay này có từ lâu rồi nay vẫn giữ được bí quyết chọn vịt quay vịt làm nước sốt theo phong cách người Hoa mà giá cả lại bình dân. Món lười vịt mà nhậu rượu đế thì thật thú vị nhưng chỉ mua buổi sáng mới hy vọng có vì mỗi con vịt có hai chân hai cánh nhưng chỉ có... một cái lười! Người Biên Hòa cũ hay mới đến nay vẫn có thói quen đi

mua vịt quay Hạnh Phước chặt nguyên con hay nửa con vịt lấy đủ rau dưa leo nhất là nước chấm được pha chế đặc biệt... bỏ vào bọc ni lông; mua thêm một hai ổ bánh mì đem về nhà ăn hay tiếp khách lai rai.

Những buổi chiều trên đường phố có nhiều người phụ nữ gánh các gánh bún riêu bánh canh tàu hũ... đi rao bán. Lại có một hai chiếc xe mì gõ "xực tắc" đẩy bán rong. Một cậu bé thường là thế đi trước xe mì một đoạn đường tay cầm hai khúc tre gõ vào nhau theo nhịp thay cho lời rao. Khách gọi người đẩy xe kiêm đầu bếp làm mì vào tô rồi cậu bé kia bung đến tận cửa nhà cho khách. Có khi trên đường về họ mới ghé lấy lại chén đũa. Có điều mì gõ "xực tắc" chỉ ăn cho vui miệng hay ăn "cứu đói" chứ chẳng thể so với mì ở các tiệm mì người Hoa chính hiệu về mọi mặt! Mùa mưa coi như những gánh hàng rong xe mì "xực tắc" gặp nạn! An ủi là khi một chị gánh bún gánh bánh canh tạt vào một hiên nhà nào đấy trú mưa chủ nhà động lòng - theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng - thì thế nào cũng bán được mấy tô! Thực ra ăn món nóng như bún bánh canh vào lúc trời mưa thì quả là ngon miệng. Gia đình tôi có bốn người thêm một chị bếp hai người giúp việc chạy xe ba gác bỏ mỗi bìa nước ngọt vị chi là bảy người gánh hàng rong nào ghé vào coi như "trúng số"!

Từ những khu có người miền Bắc sinh sống một vài món ăn Bắc khác cũng được tỏa đi khắp thành phố Biên Hòa. Có thể kể đến món bánh gai hiệu Ninh Cường ở khu xóm đạo Tân Mai vừa bày bán ở cửa hàng vừa làm theo yêu cầu của người đặt để biếu Tết biếu đám cưới... Một đạo có một ông trung niên đạp xe đạp rao bán bánh gai trên đường phố Biên Hòa bằng một câu "chơi chữ": "*Bánh gai – Bánh góc!*" giọng thản nhiên pha chút chán chường. (*Kiểu chơi chữ như của một ông "các chú" ở Vũng Tàu rao bán bánh tét: "Ai có tiền có quyền bóc lột!" nhưng nhẹ nhàng hơn*). Bánh gai gói bằng lá chuối được làm bằng bột nếp nếp ngoài có màu đen của cây "tầm gai" khác hẳn với các loại bánh quen thuộc của người Nam bộ. Ngoài ra còn có món bánh giò bằng bột gạo nhân là thịt băm có trộn mộc nhĩ; hoặc bánh dày gồm hai miếng hình tròn kẹp chả ở giữa cũng rất "Bắc" như món bánh chưng ngày Tết vậy.

Đặc biệt là sự "phát triển" của món... thịt chó!

Vùng Hồ Nai thì khỏi phải nói khu Tân Mai Tam Hiệp cũng vậy những quán thịt chó mà chủ nhân là người có đạo Thiên chúa mở ra bán phục vụ khách hàng chủ yếu là người đồng hương đồng đạo. Cả đến khu Phúc Hải của tôi cũng có mấy quán trong đó có chủ quán là người đạo Phật cứ đến mười tư rằm ba mươi mùng một là đóng cửa "không sát sinh". Cha tôi rất thích ăn thịt chó nhưng ông lại cũng là người mộ đạo Phật. Một mình ông cùng hai người khác sáng lập ra đền thờ Đức Thánh Trần như tôi đã kể ông còn góp tay trùng tu chùa Đức Quang chủ trương vận động xây dựng chùa Phúc Lâm bên quốc lộ 15. Ông cũng vận động lập được hai cái nghĩa trang một cho bà con Phật giáo Phúc Hải (nay đã giải tỏa) và một cho Phật tử chùa Phúc Lâm. Nhưng... ông vẫn ăn thịt chó. Có điều ở nhà tôi có bàn

thờ Phật nên khi muốn ăn ông đi ra quán. Sau này khi tôi vào Trung học ông bắt đầu "rủ" tôi cùng đi ăn cho vui. Có điều ông thì vừa ăn thịt chó vừa nhâm nhi một hai ly rượu còn tôi thì chỉ được phép ăn! Ông "lý sự" với tôi: "Phật tại tâm. Mình làm việc thiện mình kính trọng Phật là tốt rồi. Ngày rằm mùng một không ăn là phải thôi. Có kiêng có lành. Nhưng dù sao cũng phải công bằng khách quan mà nói là ăn thịt chó chỉ có... bổ!". Xem ra tôi cũng khá thông cái "lý sự" ấy.

Đến quán ăn thịt chó người ta gọi mấy món "cơ bản" như luộc lòng dồi nhưa mặn sáo măng. "Sống ở đời ăn miếng dồi chó". Chẳng biết ai đã đặt ra câu ấy nhưng món dồi đã là một món đánh giá chất lượng của mỗi quán. Món nhưa mặn (còn gọi là rựa mặn) cũng là một món "chuẩn" để đánh giá quán thịt chó ngon hay không. Nước chấm là mắm tôm cũng thế phải là mắm tôm đen vừa mặn không sạn có nơi dọn ra với chanh ớt đường... để khách tự pha chế gia giảm có nơi làm sẵn với bí quyết riêng. Một số người không ăn được mắm tôm thì chấm nước mắm hoặc muối vắt chanh nhưng như thế quả chưa thể bảo là dân sành điệu món thịt chó! Dần dần về sau người ta chế ra nhiều món khác như nướng chả chìa lá lốt... mà thành phần thịt không chắc chắn chỉ là thịt chó! Ngoài các thứ rau mà trong đó lá mơ và củ riềng xắt lát không thể thiếu người ta ăn thịt chó với bánh đa vùng hoặc bún tùy theo món. Nhiều tiệm chọn bánh đa ngon mới mua về bán cho khách nhưng đúng ra bánh đa phải là loại khách gọi mới nướng đem ra còn nóng hổi tiếng bẻ bánh ròn tan. Bún cũng thế phải là bún mới làm xong không bị chua. Thức uống thì chỉ có rượu đế rượu gạo mới phù hợp. Người ăn thịt chó ngồi quanh cái bàn thấp gấp miếng thịt đặt vào giữa một cái lá mơ thêm lá rau húng nếu thích rồi cuộn lại cầm nơi tay phải. Tay trái nâng ly rượu chạm với bạn bè rồi uống cạn chấm miếng thịt gói trong lá mơ vào chén mắm tôm bỏ vào miệng nhai nhả nha mà thưởng thức! Có người cầm lông sả non tặc hoặc miếng riềng xắt mỏng cắn thêm một miếng vừa cay vừa ấm miệng lại "sát trùng".

Các quán thịt chó không bao giờ được thiết kế sang trọng. Đã là quán loại "Đúng rồi" "Hạ cờ tây" "Nai đồng quê"... thì phải bình dân tốt nhất là bàn thấp ghé cóc tường cũ nền cũ phía trước có một tủ kính treo cái đuôi chó cỡ dôi... còn không khí trong quán phải có mùi "chó đặc trưng". Những quán đông khách đến mấy người ta cũng không biến nó thành... nhà hàng! *(Ngày nay ở vùng Nhật Tân Hà Nội nơi có rất nhiều quán thịt chó kiểu liên hoàn công nghiệp cũng vẫn bày biện bình dân dù người ở đây tự hào vùng đất của họ có cả "rừng riêng biển rượu nông trường chó cánh đồng rau thơm")*.

Dạo Liên quân Mỹ và một số nước chư hầu qua tham chiến tại miền Nam Việt Nam lính Đại Hàn rất thích ăn thịt chó nên các quán thịt chó mọc ra khá nhiều để phục vụ họ chủ yếu gần khu vực lính Đại Hàn đóng quân.

Người Nam bộ ở Biên Hòa trước đây không ăn thịt chó. Nhiều người nói rằng chó là loài vật trung thành với người ăn thịt nó rất tội nghiệp. Lại có người bảo mình thờ Ông *(tức Quan Công)* nên nếu ăn

thịt chó sẽ bị thánh vật. Có người thì từ chối vì một lẽ rất đơn giản: thịt chó có món lá mơ khó ăn thêm nữa người Nam bộ gọi lá mơ bằng cái tên rất gợi về mùi vị chẳng thơm tho gì! Thế nhưng theo thời gian nhiều người đã "thử" và đến nay thì không ít người Nam bộ Biên Hòa tỏ ra khoái cái món "cò tây" này; nhiều người khác đã trở thành chủ quán thịt chó đông khách!

Thịt chó ngày nay đã được chế biến sáng tạo cho hợp khẩu vị nhiều hạng khách khác nhau. Nhưng dù thế nào đi nữa thì đĩa thịt luộc mà từng miếng thịt được bàn tay thiện nghệ của ông chủ xắt từng lát mỏng vừa miệng hay miếng dồi thơm ngậy đĩa nhưa mặn vừa mềm vừa quánh bát sáo măng váng mỡ... vẫn cứ là “cơ bản” và không thể thiếu. Khu vực trung tâm mở rộng của Biên Hòa ngày nay nói đến thịt chó người ta dễ nhớ đến những cái tên quen thuộc. Trước kia thì có thịt chó chợ Tân Mai thịt cây Hai Thông trên đường Đồng Khởi. Sau này là Ba Miền Cây Rơm cũng ở khu vực ấy rồi Năm Mạnh ở trong chợ Phúc Hải... Những buổi chiều mỗi quán với thực khách quen thuộc hợp “gu” của mình ngồi kín những dãy bàn... Ai bảo ăn thịt chó không phải là một cái thú?

Nhớ Biên Hoà kì 6

Những đám mây màu khói

Tôi lên lớp đệ Tam (*lớp 10 bây giờ*) học ban B - ban Toán. Lớp tôi học ở dãy sau của trường Ngô Quyền mà mở cửa sổ nhìn ra ngoài thấy có mấy cái mả đá ong vô chủ.

Năm đó là năm 1965 lính Mỹ và lính đồng minh của họ đã bắt đầu qua Việt Nam tham chiến. Hằng ngày tôi vẫn đọc báo cho cha tôi nghe và có quan tâm hơn đến các tin chiến sự nhưng quả tình tôi không thể hiểu nổi vì sao lại có chiến tranh. Cha tôi bảo còn nhỏ thì cứ lo học hành đi đã chiến tranh là chuyện của người lớn!

Thật ra hình ảnh về chiến tranh khó tìm thấy cụ thể ở tỉnh lỵ Biên Hòa. Trong trí óc non nớt và sự hiểu biết hạn hẹp của học sinh chúng tôi Biên Hòa có sân bay quân sự từ nơi đó các loại máy bay trực thăng máy bay phản lực chiến đấu... đã xuất phát đến các mặt trận nhưng các mặt trận đó ở đâu chiến tranh diễn ra thế nào chúng tôi chẳng làm sao biết được! Những chiếc máy bay phản lực chúng tôi cũng chỉ nhìn thấy trên bầu trời thật xa khi chúng bay đi hay bay về như những mũi tên lao vun vút rồi mất dạng để lại trên nền trời xanh một vệt khói trắng kéo dài. Thường nhất hơn là tiếng động cơ của những chiếc máy bay khi đậu trong sân bay và được cho nổ máy bảo dưỡng. Hình ảnh về sân bay mà chúng tôi thường gặp trong thành phố lại là... những người mặc quân phục phi công đẹp trai cao lớn thường hay lượn xe díp hay xe Vespa Ý quanh các trường trung học buổi nữ sinh với bao tà áo dài trắng thướt tha trên đường phố.

Một buổi học nọ chúng tôi được nhà trường huy động ra xe GMC nhà binh chở từ Biên Hòa đến Dĩ An. Xuống xe chúng tôi phải đứng thành hàng một hai bên quãng đường dài cả cây số để... đón chào lính Đại Hàn đến đóng quân ở đây! Trời nắng dần. Đám học trò nhỏ chúng tôi bắt đầu xôn xao đòi giải tán nghỉ thì đoàn xe chở lính Đại Hàn mới đến. Tò mò muốn biết “mặt mũi người Đại Hàn” ra sao tôi nheo mắt nhìn kỹ. Gương mặt đầu tiên là một gương mặt bầu bĩnh mắt một mí. Đến gương mặt thứ nhì cũng tương tự thế! Rồi những gương mặt tiếp theo... Trên đường về một đứa bạn nói với tôi: “Mấy thằng Đại Hàn ngó mặt khờ trần”. Một đứa khác tỏ ra hiểu biết: “Coi vậy chứ họ có võ giỏi lắm đó!”. Đứa thứ ba trề môi: “Rồi cũng phải đem xác về nước thôi!”. Đó có lẽ là ý kiến “chính trị” nhất so với lứa tuổi học trò chúng tôi!

Ở nội ô Biên Hòa lính Mỹ xuất hiện chủ yếu nơi các quán bar nhất là khu Dốc Sỏi. Lính Mỹ trắng lính Mỹ đen cao nghều mặt coi già chát đầy tàn nhang chứ thực ra phần lớn chỉ ở tuổi trên dưới hai mươi một chút tuổi quân dịch của nước họ. Ý là nước lớn lại viện trợ cho chính quyền miền Nam họ có thái độ khinh thường người Việt. Có những người lính Mỹ ngồi trên xe Jeep chạy chậm chậm qua mặt người phụ nữ đi xe đạp vươn tay giật nón lá rồi quăng lại cùng tiếng cười hô hô. Có những người Mỹ khác ném sinh gôm về phía đám trẻ Việt Nam... Tất cả chỉ góp phần làm cho hình ảnh của họ xấu đi trong mắt người Việt bấy giờ.

Có một sự kiện chấn động tinh lý hồi ấy là vụ nổ ở sân bay Biên Hòa do quân giải phóng pháo từ trong rừng chiến khu qua. Nhưng thị dân Biên Hòa cũng chỉ nghe những tiếng nổ đinh tai nhức óc thấy cửa kính vỡ nhà cửa rung lên như trong cơn động đất thấy những cột khói bốc cao ngút trời âm ỉ nhiều ngày liền phía sân bay. Còn "trận địa" thì chỉ nằm trong trí tưởng tượng của họ. Bao nhiêu lớp hàng rào đã ngăn sân bay Biên Hòa thành một thế giới riêng với đường phố với khu dân cư trong tỉnh lý.

Có lẽ chỉ những thay đổi phổ xá là rất rõ ở cái tỉnh lý Biên Hòa nhỏ bé hiền hòa này. Ở phía Tam Hiệp ở phía đầu Hồ Nai người ta mở rộng và tráng nhựa lại xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn đã được hoàn thành cơ bản từ năm 1961 mặt đường rộng đến hai ba mươi mét. Tôi nghe nói nhà thầu Mỹ làm đường rất nhanh nhưng đến mãi sau này khi quốc lộ 1 ngang qua nhà tôi được sửa sang chính mắt được chứng kiến với nỗi ngạc nhiên lớn thì tôi mới tin là lời đồn kia không phải là lời nói dối. Buổi sáng hôm ấy tôi lên xe đạp đi đến trường học đường vẫn là đường cũ thế mà trưa về nhà một nửa con đường đã được trải lên một lớp đá và nhựa đường dày hàng tấc xe cộ đã đi lại được. Thì ra người ta không đào đường cũ rồi lần lượt rải từng lớp đá hộc đá mi tưới nhựa đường nấu trong những thùng phuy lớn đặt bên lề đường trước khi cho xe lu lăn qua như kỹ thuật cũ nữa. Mặt đường cũ được để nguyên một chiếc xe chở đá và nhựa đường trộn sẵn rải lên mặt đường cũ rồi xe lu làm phẳng thế là thành mặt đường mới. Nhiều người dân hiếu kỳ chịu khó đi theo hai chiếc xe làm đường cả cây số để nhìn cho tận mắt.

Ngoài xa lộ Biên Hòa khoảng năm 1965 Khu kỹ nghệ Biên Hòa được xây dựng với nhiều nhà máy

lắp ráp cả công nghiệp nặng lẫn công nghiệp nhẹ. Sự xuất hiện của khu kỹ nghệ này báo hiệu sự phát triển về kinh tế dù chỉ là bước đầu đồng thời cũng tạo được nhiều chỗ làm cho người Biên Hòa ngày ấy. nếp sống công nghiệp dần đến với một bộ phận lao động có gốc nông thôn nhưng quả tình hình ảnh “người thợ” vẫn chưa hấp dẫn người ta bằng hình ảnh công tư chức hoặc thương nhân!

Kiểu nhà mái bằng xuất hiện rải rác đây đó rồi ngày một nhiều hơn ở những phố ven quốc lộ. Những nhà không có điều kiện đổ bê tông tạo mái bằng thì làm mái tôn nhưng chỉ là một mái xuôi chứ không còn theo kiểu nhà hai mái có nóc truyền thống nữa. Mặt tiền nhà thì một thời thượng lúc ấy phải là làm đá mài màu đen trắng hoặc màu xanh trắng. Nền thì “mốt” là lát gạch bông khổ vuông mỗi cạnh hai tấc. Người ta thường lát gạch hai màu một màu trắng và một còn lại là màu xanh đỏ hay vàng. Sau này gạch bông một màu trơn được cải tiến với những hoa văn đẹp hơn... Dọc theo một bên phố ở quốc lộ 15 người dân Tân Mai xây hàng loạt nhà hai tầng giống hệt nhau rồi các cửa hàng buôn bán vật liệu mở cửa khiến cho người đi xa trở lại cứ tưởng mình đang đứng trước một khu vực lạ! Khu Phúc Hải bên quốc lộ 1 do nằm sát với doanh trại quân đội nên không được phép xây nhà tầng nhưng nhà cửa cũng dần đổi khác theo kiểu nhà mái bằng và một vài nhà vẫn “xé rào” xây hai tầng bằng cách tầng hai không có lan can không có cửa ra vào phía mặt đường cũng không có cả cửa sổ!

Xe Nhật bắt đầu tràn ngập đường phố Biên Hòa bắt đầu từ chiếc xe gắn máy hiệu Honda. Hồi ấy xe Honda được nhập vào bán ưu tiên cho quân đội và công chức tôi nhớ giá khoảng 30 - 35 ngàn đồng (*so với lương công chức trên dưới 10 ngàn đồng mỗi tháng*). Ở đề bộ Thanh Hải của cha tôi chiều hôm ấy có một người sĩ quan quân đội chạy chiếc Honda mới tinh đến mua bia về cùng bạn bè nhậu “rửa xe” mọi người đã xúm quanh để xem chiếc xe Nhật này! Trước đó người ta đã kháo nhau là xe Honda của người Nhật sản xuất làm bằng nhựa *bugi* thì nhỏ xíu ống *pô* không thấy phun khói chạy xăng không pha nhớt. Có người bĩu môi: “Hàng mã chạy một vài tháng là toi tả ngay thôi!”.

Xúm quanh chiếc xe Honda sơn màu xanh lá cây nhạt những người tò mò sờ cái bửng xe bằng nhựa màu ngà tăng ga thử xem có khói hay không người khác thì thử bấm còi mở đèn xi-nhan... Lúc chủ xe ra xin lại xe để về ông ta sang số dưới chân xoay tay ga chiếc xe từ từ lăn bánh mà chỉ nghe tiếng máy nhè nhẹ mới có tiếng khen: “Xe tốt đấy!”.

Sau loạt xe Honda các hãng xe khác của Nhật “theo đuôi” xuất hiện. Hãng Yamaha mà người ta hay đùa gọi là “Già mà ham” hãng Suzuki (gọi tắt là Su) hãng Kawasaki... với đủ kiểu dáng và tính năng na ná xe Honda. Mở Radio nghe quảng cáo xe Nhật nào cũng “an toàn trên xa lộ” và bao thứ khác đều “trên cả tuyệt vời”... Thế là các loại xe gắn máy cũ “xuống giá”. Xe hiệu Goben của Đức bị chê là máy nổ dòn ồn ào chạy động cơ hai thì nhiều khói. Môbilét bị chê là chạy yếu như sên. Xe hai thì có giá ngày ấy chỉ còn loại Vespa kiểu Super kiểu Sprint mà giá đến hơn một trăm ngàn đồng một chiếc.

Xe hơi cũng bắt đầu có những nhãn hiệu Nhật. Xe Daihatsu *đầu rụt* được mua về chở khách cạnh tranh với xe *lam xe lambrô*. Xe du lịch thì nào Toyota Datsun Mazda... Với giá tiền trên dưới một triệu đồng một chiếc xe hơi loại du lịch như thế không phải là không có nhiều người đủ sức mua. Xe hơi các hãng cũ như loại *con rùa* (Volswagen – của Đức) *con cóc* (Citroen – của Pháp)... tuy chưa bị coi là đồ cổ nhưng ít người còn để ý mua xe mới của các hãng này nữa.

Cả hai cha con tôi đều không ai có tính chạy theo thời thượng thế mà vẫn phải thay đổi theo số đông. Đầu tiên năm tôi học đệ Nhất cha tôi mua lại cho tôi chiếc Gôben hai thì chạy xăng pha nhớt sang số tay để chuẩn bị nếu vào được đại học thì có xe mà đi lại Biên Hòa - Sài Gòn. Chính người chủ cũ của chiếc xe – cũng là một mối hàng của cha tôi - đã chở tôi lên khu rừng cao su đối diện khu Lò Than (*nay là khu vực Bệnh viện 7B*) để tập cho tôi chạy xe giữa các đường lô vắng vẻ. Với chiếc xe này tôi đã chạy đi Sài Gòn cùng bạn bè một lần qua ngã Tam Hiệp – xa lộ Biên Hòa khi đi xem trường thi Tú Tài 2 ở khu nhà thờ Huyện Sĩ. Sau đó khi tôi đậu vào trường Dược cha tôi "thưởng" cho tôi chiếc Vespa Sprint 150 phân khối. Chiếc Gôben thì bán lại cho người khác.

Với riêng tôi có lẽ "chiến tranh" mà tôi nhìn thấy cụ thể nhất là... tại khu vườn sau nhà tôi vào khoảng năm 66 67. Khu đất cha tôi thuê hồi đầu mới dọn đến sau này ông mua lại của chủ ruộng làm giấy tờ sang tên có bản đồ có sổ thửa làng hoàng. Nó vừa có chiều ngang rộng chừng mười lăm thước vừa có chiều dài rộng hơn năm mươi thước. Cha tôi cho sửa lại ba gian nhà ở và buôn bán phía trước – thay vách gỗ bằng tường xây và nâng mái lát gạch bông hai gian ở thay cho nền xi măng cũ riêng gian bán *đề pô* thì vẫn phải để nền xi măng - phía sau nối thêm nhà bếp làm một cái sân rộng để phơi trấu và đào cái giếng mới xây thành giếng cao đến bảy tấc bên cạnh một cái bể chứa nước mưa. Phần đất còn lại bao nhiêu cha tôi giao cho tôi thích trồng cây gì thì trồng.

Tôi thích ăn xoài nên xin ông dẫn đi mua hàng chục gốc xoài tháp. Sau hai ba năm những cây xoài nhà tôi ra hoa kết trái chi chít trĩu cành. Cha tôi tùm tùm cười nói với cả nhà trong một bữa cơm về tôi: "Nó mạng Mộc nên trồng cây *mát tay* là phải". Tôi không hiểu điều ông nói có đúng không nhưng quả tình tôi rất thích trồng cây. Ngoài xoài tôi còn đi xin gốc chuối về trồng mấy bụi. Rồi tôi trồng thêm một cây vú sữa một cây mít. Tất cả đều rất tươi tốt. Chuối nhảy con thành bụi cho quây mập mạnh cả nhà đều khen.

Rồi một buổi chiều kia tôi thấy trên bầu trời khá xa nhà tôi về hướng sân bay Biên Hòa miệt Tân Phong Hốc Bà Thước có một chiếc máy bay loại thám thính có cánh bay ngang phía dưới là một làn khói kéo thành vệt dài trên nền trời xanh ít mây. Không lâu lắm đứng trong vườn cây trái tôi nghĩ được

một mùi thơm gần gũi. Tôi tự hỏi: "Cái gì vậy?" nhưng rồi sau đó quên đi.

Ngày hôm sau những lá xoài non ngoài vườn tự nhiên quăn lại. Hôm sau hôm sau nữa những chiếc lá khô đi. Cả đến lá vú sữa lá mít lắm nhựa cũng không còn xanh tốt. Số phận các bụi chuối cũng chẳng hơn gì. Đến lúc này thì cha tôi mới đoán là chiều hôm ấy máy bay rải thuốc khai quang miệt rừng ven sông và một làn gió đã đem một lượng thuốc tạt vào đúng khu vực nhà tôi. Một số nhà hàng xóm cũng bị tương tự.

Cả một vườn cây xanh tốt của tôi biến mất. Trên nền đất ấy tôi phải thuê người chặt bỏ vườn xoài cũ mua cây con trồng lại nhưng cây không phát triển. Mãi mấy năm sau tôi mới gầy lại được mấy cây ổi lấy giống từ miền Tây.

Dù thế nào đi nữa đáng sợ nhất vẫn là những biến động nơi con người. Sự xuất hiện ồ ạt của những người lính Mỹ lính đồng minh kéo theo cả những nếp sống khác với nếp sống bình thường của người Biên Hòa. "Đi làm sở Mỹ" là một cụm từ mà người ta dùng với ý nghĩa không thiện cảm gì dành cho những người xin việc làm ở các cơ sở căn cứ quân sự của Mỹ đặc biệt là với những người phụ nữ các cô gái. Không phải ai "đi làm sở Mỹ" cũng xấu không phải người phụ nữ nào "đi làm sở Mỹ" cũng có vấn đề về đạo đức. Thậm chí kể cả những cô gái kết hôn với người Mỹ người Đại Hàn hồi ấy cũng đâu phải là không có cuộc hôn nhân được xuất phát từ tình cảm chân thật giữa hai người khác quốc tịch. Nhưng xã hội Biên Hòa ngày ấy - cũng là của cả xã hội vùng Nam bộ - còn dị ứng nặng nề với những việc không bình thường này và trong thực tế đã có nhiều đứa con lai ra đời. Không phải đứa trẻ da trắng da đen hay những đứa trẻ lai Đại Hàn nào cũng được mẹ của chúng giữ lại nuôi. Bọn trẻ xấu số này có đứa được người tốt bụng nhận nuôi có đứa phải vào trại mồ côi... Người ta đặt thơ: "*Rót tú tài anh đi trung sĩ – Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con – Bao giờ xong chuyện nước non - Anh về anh có Mỹ con anh bông*" nghe sao mà thâm!

Má Hai người mà tôi kể ở đoạn đầu cũng nuôi hai đứa trẻ lai đều da đen. Bà kể một đứa là con của một cô gái điếm ở khu Dốc Sỏi làm vợ hờ một người lính Mỹ đen đẻ con rồi bỏ về quê ở miền Tây vì gã Mỹ không nhận con; còn đứa kia là con của một phụ nữ "lỡ lầm" với một người Mỹ làm việc văn phòng ở Long Bình. Khi tôi đến thăm bà má Hai đã khá trọng tuổi bà chăm sóc hai đứa trẻ với tình thương của một người bà. "Hổng biết tao có còn sống nuôi tụi nó nên người hay không. Thôi thì tới đâu hay đó!". Má Hai đã tiên tri cuộc đời mình bà mất vào năm 1972 khi hai đứa trẻ lai đen đến tuổi đi học nhưng không có điều kiện cấp sách đến trường sau đó không biết lưu lạc về đâu.

Một người quen biết gia đình tôi thì phát lên nhờ "nghề" thầu rác Mỹ. Từ Tổng kho Long Bình và

một số cơ sở khác của Mỹ nằm rải rác trong tỉnh Biên Hòa nhiều loại "rác" được họ phế thải nhưng vẫn còn giá trị sử dụng được nhà thầu tân trang rồi đưa ra thị trường thu những món tiền kèch sù. Chủ thầu mua xe hơi Nhật thuê lái xe chở gia đình đi Vũng Tàu Đà Lạt Nha Trang chơi vào dịp cuối tuần sống để vương cho bố một thời kỳ gian khổ! Nhưng có tiền thì ông lại "sinh tật" ông công khai cưới vợ bé để hậu quả là gia đình luôn lục đục vì hai bà vợ ghen tuông mấy đứa con của bà cả thì cùng mẹ lao vào ăn chơi bài bạc phá tán gia sản "trả thù" người chồng người cha của mình!

Trong đám trẻ còn độ tuổi học sinh ở khu Phúc Hải của tôi cũng có một vài đứa chơi xì ke chích choác. Trong khu xóm có những vụ mất cắp đồ đạc mà ai cũng biết rõ thủ phạm chỉ không bắt được quả tang. Những gia đình gia giáo hết sức lo sợ không biết bằng cách nào để bảo vệ con cái mình tránh con đường sa đọa hư hỏng buông thả theo lối sống hiện sinh bất cần. Sau 1975 ít nhất có một thanh niên ở đây phải bỏ nhà lang thang ăn xin để có tiền mua thuốc chích và một ngày nọ đã nằm chết trong một cái sạp chợ!

Việc buôn bán của *đề pô* nhà tôi phát triển. Khách hàng đông hơn là những tiệm giải khát quán ăn... nằm dọc quốc lộ 1 từ Vườn Mít đến ngã ba Tân Phong (*Nay là ngã tư Đồng Khởi*). Thời gian này ở khu Phúc Hải đã có thêm hai người nữa mở *đề pô* cạnh tranh với *đề pô* Thanh Hải của cha tôi. Cha tôi không chú ý lắm đến việc cạnh tranh này ông để tùy khách hàng muốn mua của *đề pô* nào khác thì cứ chọn. Nhưng ông nâng cao chất lượng phục vụ của *đề pô* mình bằng cách bỏ một số tiền khá lớn mua một chiếc *Lambrô* thuê một chú tài xế chạy xe và một thanh niên phụ việc để hằng ngày chở bia nước ngọt nước đá bỏ mỗi đáp ứng nhu cầu cần có hàng nhanh chóng của mấy chục khách hàng. Ông cũng siêng việc đình chùa hơn. Mẹ tôi cũng thế. Không ngày rằm mùng một nào mà bà không qua chùa Phúc Lâm bên quốc lộ 15 để tụng kinh lễ Phật cùng *các già* ở Hội Phật tử bên ấy. Có lần tôi nghe cha mẹ tôi nói chuyện với nhau mới hiểu là cha tôi đang lo năm 53 tuổi của ông sắp đến (*mà theo tử vi ông nội tôi đoán thì là năm ông có thể qua đời*) nên muốn làm thật nhiều việc thiện để nếu "cải số" được thì tốt bằng không thì cũng cảm thấy thanh thản trong lòng về thời gian mình sống với bà con lối xóm! Mẹ tôi thì tin rằng mình đi chùa lễ Phật đi đền Đức Thánh Trần cầu khẩn Thánh thì con cái sẽ được hưởng phúc sẽ tránh được những cạm bẫy xấu xa đang giăng mắc khắp nơi một xã hội vừa có chiến tranh vừa nhiễm nhiều mặt xấu của nếp sống Âu Mỹ.

Quả thật có vẻ như ở Biên Hòa những năm tháng này thì mũi tên chỉ đời sống kinh tế nói chung có chiều hướng đi lên còn mũi tên chỉ đời sống văn hóa đạo đức của một bộ phận buồn thay lại đi xuống. Cũng may là chính trong thời gian và bối cảnh ấy tôi đang chuyên tâm vào việc học với nhiều mộng ước tương lai. Tôi đến trường học tập ở nhà quản lý *đề pô* bia nước ngọt giải trí với một trong hai cây đàn ghi ta hoặc măngđôlin giải ô chữ trên báo để hy vọng được nhận thưởng đôi khi sáng tác truyện thơ gửi đăng báo thiếu nhi... Cha tôi không cấm nhưng không bao giờ tôi ra hàng quán ăn uống một mình nhất là các quán cà phê quán nhậu.

Cũng không thể giấu một lẽ này: vào thời gian ấy bản thân tôi đã rất lo rằng mình sẽ bị mồ côi cha vào năm mười bảy tuổi! Tôi ý thức rất rõ về vai trò của mình trong gia đình: người thay thế cha mình nếu chẳng may...

Nhớ Biên Hoà Kỳ 7

Tâm tưởng

Biên Hoà có nhiều ngã ba ngã tư ngã năm... cứ như để cho người Biên Hoà có nhiều cơ hội chọn con đường thích hợp nhất cho cuộc đời mình. *(Có lẽ tôi cứ hay vận vào mình mà nghĩ thế không hiểu có nên chăng?)*

Ngã năm Biên Hùng ngày nay được mở rộng cả khu bùng binh lẫn các con đường. Nhiều buổi sáng tôi ngồi uống cà phê với bạn bè ở góc rạp hát Nam Hà nhìn thành phố thức dậy nhộn nhịp hồi hã. Nhiều đêm cũng tại nơi này chúng tôi ngồi ngắm những ánh đèn đường đèn nhà hàng sáng cố định đèn xe di động nhiều vệt ngoằn ngoèo lúc một thưa dần đến khi thành phố chìm vào giấc ngủ. Nhịp sống công nghiệp làm cho bộ mặt đường phố khác hẳn ngày xưa. Nhưng năm con đường thì vẫn là năm con đường cũ. Đoạn đường từ Đài Kỷ Niệm vào trung tâm nội ô vẫn phải đổ dốc đến gần cây số nay chỉ mất đi một đoạn đường rầy băng ngang khoảng gần cuối dốc. Đường ra hướng Công trường Sông Phố bên phải rộng hơn đường phía trái đi về Hăng Dầu. Muốn lên Ngã Ba Thành Kèn thì phải leo một đoạn dốc ngắn. Vào ga xe lửa đường bằng phẳng hơn. Tuy những chuyến xe lửa Bắc – Nam vẫn ghé lại ga Biên Hoà đón trả khách nhưng nhiều hình ảnh cũ trên con đường vào ga này ngày nay không còn nữa: một con đường trải nhựa nhỏ và cũ kỹ với những đoàn người đi bộ vào ga hoặc từ một chuyến xe lửa đỗ khách trong ga tuôn ra một hai chiếc xe ngựa chở khách bộ hành khách buôn gánh bán bưng với tiếng ngựa gõ móng rền đường... Con đường vào ga ngày nay đã được mở rộng nhà cửa hai bên mọc lên với những căn cao tầng mặt tiền ốp gạch ceramic. Cả đến nhà mai táng chuyên nghiệp Mai Phùng Xuân mà bất cứ người dân Biên Hoà nào cũng biết tiếng cũng được xây dựng lại hiện đại và đỡ "buồn" hơn !

Biên Hùng năm ngã phố! Vườn Mít thì là “ngã ba”. Một đường là quốc lộ 1 đi về phía khu Phúc Hải của tôi một đường là quốc lộ 15 đi về khu Tân Mai đường thứ ba ngày xưa là con đường giữa một bên là Đài Kỷ Niệm một bên là trường Trịnh Hoài Đức và lò nung gốm của trường Mỹ nghệ Thực hành. Ở khu mũi tàu ngã ba Vườn Mít hồi đó có một vườn trồng toàn cây mít kéo dài tới gần đường rầy xe lửa. Trước năm 1975 khi người Đại Hàn thi công làm cây Cầu Mới bắc ngang sông Đồng Nai thì một con đường mới cũng được mở từ chân cầu đến con đường nhỏ phía bên phải Đài Kỷ Niệm nhiều người gọi

là “đường Đại Hàn”. Thành ra ngã ba Vườn Mít thực sự đã trở thành ngã tư từ hồi đó rồi.

Từ trung tâm tỉnh lỵ trước khi đến cầu sắt Rạch Cát có ngã ba Hăng Dầu. Đường quốc lộ 1 kéo dài từ ngã năm Biên Hùng đến đây phía trái có một kho chứa xăng dầu lớn nên người ta mới gọi là ngã ba Hăng Dầu. Đường qua cầu được tính là ngã thứ hai còn ngã thứ ba chính là con đường dọc bờ sông kéo dài đến công trường Sông Phố ngày xưa tên là đường Hàm Nghi có công ty cấp nước với chòm cây dầu trăm tuổi nay vẫn còn.

Phía bên kia sông khu Chợ Đồn có ngã tư với quốc lộ 1 từ cầu Gành chạy thẳng qua Tân Bản một đường về Tân Vạn đường còn lại về Bửu Hòa Hóa An. Xa thêm một đoạn khi đường Đại Hàn được mở kéo dài đến chân Cầu Hang thì nó nối với đường quốc lộ 1 từ phía Tân Bản chạy ra khiến nơi đây hình thành thêm một ngã ba: ngã ba Cầu Hang nơi bắt đầu của đoạn dốc Chú Hỏa.

Trong nội ô Ngã ba Thành là tên gọi tắt của Ngã ba Thành Kèn đã có từ lâu. Đi hết Dốc Sỏi rẽ trái một đoạn thì lại gặp ngã tư Bửu Long hình thành từ khi có Cầu Mới. Qua Cầu Mới đường Hóa An qua Tân Hạnh cắt ngang lại làm nên một ngã tư...

Khi chưa có xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa người Biên Hòa đi Vũng Tàu cứ theo quốc lộ 15 qua Tân Mai Tam Hiệp rồi thẳng đường đến Long Thành... Có xa lộ lại có Tổng kho Long Bình một đoạn đường thẳng từ Tam Hiệp đến Long Thành bị chặn lại vì thuộc phạm vi kho Long Bình. Khi đó ngay chỗ đường 15 ra gặp xa lộ là một ngã ba: ngã ba Tam Hiệp. *(Bây giờ đường xuyên Long Bình đã được lưu thông trở lại nơi đây phải gọi là ngã tư mới đúng)*. Cũng từ khi có xa lộ phía ranh Tổng kho Long Bình về hướng Sài Gòn được mở đường cho xe Biên Hòa đi Vũng Tàu và nơi đây hình thành ngã ba Vũng Tàu. Tại đầu khu vực Hồ Nai giáo xứ Hà Nội thì có ngã ba chợ Sặt. Từ Tân Vạn ra xa lộ thì có Ngã ba Tân Vạn...

Xã hội càng phát triển đường sá nhất là những con đường xương cá càng được mở nhiều thêm thì những ngã ba ngã tư hình thành là chuyện tất nhiên. Nhưng số những cái tên “ngã” đi vào lòng người như một kỷ niệm thì không nhiều lắm. Với tôi thì đến nay vẫn chỉ là ngã năm Biên Hùng ngã ba Thành ngã ba Vườn Mít và ngã ba Chợ Đồn. Tại sao ư? Tôi không biết phải giải thích thế nào!

Biên Hòa cũng có lắm dốc dù đây là một vùng đồng bằng ven sông.

Dốc Kỷ Niệm được mọi người biết đến nhiều nhất bởi nó nằm trên con đường chính của tỉnh lỵ. Nhiều cái tên quen thuộc gắn với con dốc này: Đài Kỷ Niệm Bồn nước khu Thái Lập Thành chợ nhỏ Kỷ Niệm trường Ngô Quyền... mà người địa phương hay dùng để định hướng hoặc hướng dẫn cho

người lạ đến Biên Hòa. Con dốc dài non cây số với hai dãy phố xưa nay vẫn được xem là phố chính của Biên Hòa với nhiều tên gọi làm “mắc”: Phía trái có chợ Kỷ Niệm có đề pô Phúc Chấn Xương (nay không còn nữa) tiệm mộc Xuân Thịnh... Phía phải là trường Ngô Quyền tiệm bánh canh Huỳnh Cửa (nay cũng không còn) phòng mạch bác sĩ Tuấn Anh...

Dốc Tòa bắt đầu từ Tòa án tỉnh xuống đến bờ sông chỉ dài vài trăm mét ngang Liên đoàn Lao động tỉnh về phía phải bây giờ đến cuối dốc rẽ phải chút xíu nữa thì gặp đình Tân Lâm nơi phía trước trên mé sông vẫn còn cây đa cổ thụ. Song song với dốc Tòa là dốc Sân banh Biên Hòa từ trường Nữ tiểu học ngày xưa (*trường tiểu học Quang Vinh bây giờ*) xuống đầu xóm Lò Heo.

Dốc Sỏi kéo dài từ Ngã ba Thành đến đường mới đầu đường có chùa Cô Hồn đã đi vào sử sách một phía có nhà thờ Tin Lành nay đã được trùng tu.

Dốc Chú Hỏa ở ranh giới tỉnh Biên Hòa xưa có cuối dốc ở chân Cầu Hang chỉ dành cho xe lửa chạy bên trên đầu dốc là nghĩa địa của dòng họ Chú Hỏa một bang người Hoa ở Sài Gòn.

Về phía Hồ Nai dốc Suối Máu khá dài từ cầu Suối Máu đến ngã ba chợ Sắt mà hai bên đường có đến mấy họ đạo mỗi nơi có một nhà thờ riêng.

Những con dốc đồng bằng tôi lại nghĩ vẫn vợ phải chăng cũng là để thách thức là để thử sức để đo lường bản lĩnh của người Biên Hòa vốn ít chịu bon chen?

Gia đình tôi theo đạo Phật. Cha tôi đi chùa để làm việc chùa làm việc từ thiện xã hội chứ không phải chỉ vì niềm tin tôn giáo như mẹ tôi. Tôi càng nhìn đạo Phật như một con đường tu tâm dưỡng tánh hơn là một tôn giáo. Dù vậy tuổi thiếu niên của tôi cũng vẫn theo chân mẹ tôi đi lễ khá nhiều chùa tại Biên Hòa nhất là vào dịp Tết âm lịch rằm tháng Giêng rằm tháng Tư kỷ niệm Phật đản...

Chùa Phúc Lâm ở bên quốc lộ 15 là một ngôi chùa thuộc phái Vĩnh Nghiêm của Phật tử miền Bắc mà cha tôi có nhiều công xây dựng trùng tu. Vì thế đây là nơi tôi đến lễ nhiều nhất. Hồi học thi Tú Tài có mấy tháng liền tôi đem sách vở qua chùa để học bài vừa để có sự yên tĩnh để tập trung học vừa thầm mong sẽ được... Phật độ! Chùa có hai lần đúc chuông đều là dịp lễ trọng. Trong chùa có một cái giếng nước rất trong lại đầy lên đến gần miệng. Ngày nay chùa được tôn tạo nâng nền nâng mái đặt rất nhiều pho tượng bằng gỗ thiếp vàng do thợ chính gốc miền Bắc làm lại có thêm rất nhiều bức gỗ với hoa văn chép lại từ sách cổ một địa chỉ có ích cho việc học của sinh viên trường cao đẳng Mỹ thuật Trang trí hiện nay.

Một số ngôi chùa khác cũng khá nổi tiếng và có đông Phật tử như chùa Viên Giác bên quốc lộ 15

phía quốc lộ 1 thì có chùa Đức Quang ở gần nhà tôi chùa Suối Máu ở sát dòng suối nghe nói có những cây sơn máu một loại cây mà mủ có màu đỏ như máu...

Biên Hòa có ba ngôi chùa cổ do ba vị sư từ miền Bắc miền Trung vào đây sáng lập. Trên núi Bửu Phong có ngôi Bửu Phong cổ tự những ngày Tết rất đông khách thập phương không chỉ ở Biên Hòa mà còn cả ở Sài Gòn và các tỉnh khác thường thuê xe đi từng đoàn đến cúng kiến. Bên cù lao Phố có chùa Đại Giác ngày xưa một bà hoàng thời Nguyễn từng ghé lại đây. Còn bên kia sông Đồng Nai vùng Bửu Hòa Hóa An có chùa Long Thiêng. *(Về cái tên Long Thiêng tôi được nghe nhiều người Biên Hòa cũ nói rằng viết "Long Thiền" như hiện nay là không đúng. Giải nghĩa chữ "Thiên" là nơi tu tập như "Thiên viện" thì chưa thuyết phục vì đây là một ngôi chùa mà "Tự" mới là chùa. Gọi Long Thiền Tự là trùng lặp ý chưa ổn. Theo các vị này tên đúng của chùa là Long Thành tự thời phong kiến do kỵ húy mà "Thành" phải gọi trại ra "Thiêng" (Trong một bài dân ca Nam bộ có câu "thiêng thị ơi" tức là "thành thị ơi"). Tại huyện Nhơn Trạch hiện nay tên gọi Phước Thiêng cũng bị viết sai vì tên gốc Phước Thành phải trại đi là "Phước Thiêng" mới hợp lý. Chẳng biết ý kiến này có đúng không nhưng dẫu sao thì ngôn ngữ vẫn có sức sống riêng của nó có thể biến đổi khác với nguyên gốc miễn sao được đa số người đời chấp nhận).*

Khác với đạo Thiên chúa thường tổ chức hội đoàn cho tín đồ lớn tuổi cho thanh thiếu nhi... bà con theo đạo Phật ít được tổ chức thành hội hè họ đi lễ Phật ở các chùa chiền chủ yếu là từ lòng tín ngưỡng cá nhân vào ngày Tết ngày rằm mùng một... Dường như các Hội Phật tử chỉ ra đời từ khi có các ngôi chùa của Phật tử miền Bắc không phải xuất phát từ "truyền thống" lập hội mà bởi tình đồng hương của những người xa quê là chính. Mỗi dịp có lễ lớn họ thường tổ chức những chuyến hành hương thuê xe đi viếng nhiều ngôi chùa trong tỉnh trong vùng thậm chí đi qua cả vùng khác như miền Tây Nam bộ... Mẹ tôi cũng rất thích tham gia các chuyến hành hương nhưng chưa bao giờ bà cho tôi đi theo như cho đi xem cải lương cùng bà. Đơn giản vì bà lo cho sức khỏe của tôi không đáp ứng được chuyến đi vất vả vậy thôi!

Cùng với lễ Phật đản vào dịp rằm tháng Tư hằng năm những ngày Tết âm lịch là dịp để bà con Phật tử nô nức đi chùa. Đàn ông lớn tuổi mặc áo dài đen quần trắng đội khăn đóng đen; trung niên thì mặc âu phục lịch sự. Phụ nữ mặc áo dài trang trọng. Nam nữ thanh niên cũng trang phục đàng hoàng khi bước vào sân chùa trong tiếng chuông tiếng mõ cùng tiếng cầu kinh của *các già* trong Hội chùa. Tôi ba mươi sau giờ giao thừa là hầu như các cây cối trong chùa bị vặt trụi bởi bà con đi lễ “hái lộc” lấy may! Trước Tết Mậu Thân nhà chùa cũng đốt pháo giao thừa bằng những tràng pháo do Phật tử cúng dường. *(Bà con thường đốt pháo từ chiều ba mươi đến hết mùng ba. Có người đến mùng năm mùng bảy vẫn đốt pháo hạ nêu thậm chí rằm tháng Giêng vẫn còn nghe tiếng pháo. Nhưng từ sau Tết Mậu Thân năm 1968 thì chính quyền miền Nam ra lệnh cấm đốt pháo Tết).*

Nhà thờ ở Biên Hòa thì phải kể vùng Hố Nai là nơi tập trung đông bà con người miền Bắc nhất. Mỗi họ đạo có một ngôi nhà thờ đếm từ dốc Suối Máu trở đi có đến vài chục ngôi nhà thờ lớn nhỏ. Đó mới là số những nhà thờ xây dựng hai bên quốc lộ chưa tính những nhà thờ ở sâu phía trong. Riêng khu Phúc Hải của tôi cũng có ba ngôi nhà thờ kể cả phía Tân Mai Tam Hiệp thì cũng đến chục ngôi. Mỗi buổi sáng sớm đang ngon giấc tôi đã nghe tiếng chuông nhà thờ trong vùng ngân vang. Đó là *chuông nhất* báo cho các tín đồ Thiên chúa chuẩn bị đi dự lễ nhà thờ. Vào các buổi sáng buổi chiều chủ nhật (*người Công giáo gọi là Chúa nhật - ngày của Chúa*) đường phố khu Phúc Hải có từng dòng người đủ thành phần người già người đứng tuổi thanh niên nam nữ và cả trẻ con tất cả đều ăn mặc chỉnh tề đi dự lễ trở về nhà khiến đường phố rộn rã sinh động hẳn. Đám tang người Công giáo thường được tổ chức chôn cất buổi sáng rất sớm có đội kèn tây đi thổi có bà con cùng họ đạo đi tiễn dài hàng cây số... Cứ mỗi lần đang còn ngon giấc nghe tiếng kèn tây xa xa là tôi bật dậy mắt nhắm mắt mở cùng gia đình ra cổng “xem” đám tang. Nhiều gia đình khác cũng thế cứ như xem một đám rước hội vậy!

Đạo Tin Lành khá hiếm hoi cơ sở thờ kính như nhà thờ Tin Lành ở đường Dốc Sỏi một cơ sở khác trên đường đi Bửu Long. Tín đồ Tin Lành có nhiều người là dân Nam bộ. Họ sống tương đối khép kín.

Lên học bậc Trung học tôi có nhiều bạn học chung lớp là người Công giáo. Họ ở Phúc Hải Tân Mai Tam Hiệp và Hố Nai. Bạn học là người Nam bộ thì phần lớn trong gia đình thờ tổ tiên có người còn gọi là "đạo thờ ông bà". Sự khác biệt về tín ngưỡng không ảnh hưởng gì đến tình cảm bạn bè của chúng tôi và cho đến nay tôi vẫn tự hào mình là một trong nhóm mười mấy người bạn cũ vẫn giữ được tình bạn thưở thiếu thời dù có người theo đạo Công giáo có người Phật giáo người thờ ông bà; và vị trí xã hội cũng rất khác nhau: người đi cách mạng về làm giám đốc công ty người bị bắt lính sau giải phóng phải đi tập trung cải tạo người là dân thường là công nhân bốc vác ở cảng... Hằng năm chúng tôi đều tổ chức họp mặt ít nhất một lần để biết tình hình cuộc sống của nhau giúp đỡ nhau khi cần và trong điều kiện có thể...

Khu Bửu Long có nghề làm đá dân dụng và cả đá mỹ nghệ. Nhưng người Biên Hòa và các nơi nhớ đến địa danh này là nhờ chùa Bửu Phong mà mọi người hay gọi là "chùa Bửu Long" xây dựng trên đỉnh núi. Để lên chùa người hành hương phải leo lên mấy chục bậc thang đá mới đến cổng chùa vẫn còn hàng chữ tên từ thời mới xây dựng. Ngày ấy nhất là những ngày Tết trên đường lên chùa những người ăn xin ngồi kín các bậc thang đá. Một hình ảnh không đẹp mắt chút nào.

Chùa Bửu Phong cũng là một danh thắng mà nhiều du khách đến để chụp ảnh kỷ niệm. Ở một phía mồm núi người ta có thể nhìn thấy một phần của sân bay quân sự Biên Hòa. Nghe nói hồi xưa nơi đây có *mật vụ* giả người đi vãn cảnh chùa để theo dõi “Việt cộng” lên núi “dòm ngó” xuống sân bay.

Ở một phía núi trong dãy núi nơi đây người ta đặt mìn phá đá. Đá núi bị lấy đi trong nhiều năm nhiều đến nỗi cả một vùng rộng mấy hecta bị trũng xuống nước mưa đọng lại thành hồ Long Ân giữa hồ nhô lên mấy mồm đá còn sót chưa khai thác... ngẫu nhiên mà nơi đây thấp thoáng hình ảnh dãy núi đá vôi trên vịnh Hạ Long! Bửu Long ngày nay được quy hoạch thành khu du lịch văn hóa với “điểm” là chùa Bửu Phong là hồ Long Ân có đảo Phong lan là vách đá thẳng đứng dành cho loại hình thể thao leo núi... cùng các nhà hàng phục vụ du khách. Hai con rồng được làm nơi cổng chính nhân dịp Biên Hòa kỷ niệm 300 năm tôi tin rằng sẽ là một hình ảnh đẹp tiêu biểu cho Bửu Long nhiều thế hệ sau. Tiếc là ngày nay việc khai thác du lịch ở đây vẫn chưa thật được như ý trong bối cảnh các khu du lịch trong vùng được đầu tư lớn và luôn đổi mới để hấp dẫn du khách.

Ngày ấy núi Châu Thới còn thuộc tỉnh Biên Hòa. Trên núi cũng có một ngôi chùa mà bà con hành hương đến đây rất đông vào dịp rằm tháng Giêng. Vào những ngày này ai đi ngang qua dốc Chú Hỏa cũng bắt gặp từng đoàn xe chở khách thập phương đến viếng chùa trên núi Châu Thới đậu nối đuôi nhau bên đường. Ở đây hình ảnh những người ăn xin ngồi kín các bậc đá đi lên chùa cũng nhếch nhác không khác gì ở Bửu Long mà chính quyền luôn phải bận tâm dẹp bỏ. Trên chùa khói hương nghi ngút người hành hương không chảy nước mắt mới lạ!

Cù lao Phố nằm giữa sông Đồng Nai có thể xem là một thắng cảnh khác. Ở đây có hàng chục ngôi đình mà quanh ngôi đình nào cũng trồng rất nhiều cây sao thân thẳng đứng có lẽ người xưa dự tính để lấy gỗ thay các cột đình khi cần. Ở cù lao Phố còn có một ngôi chùa của người Hoa là Chùa Ông thờ Quan Công được xem là rất linh thiêng mà không chỉ người Hoa các nơi cả người Việt từ Sài Gòn từ các tỉnh lân cận miền Đông miền Tây cũng đều tìm đến để cúng bái cầu xin. Gần Chùa Ông là đình Bình Kính thờ Nguyễn Hữu Cảnh người có công khai phá đất Biên Hòa Đồng Nai nay được trùng tu đặt bia là một địa chỉ văn hóa không thể thiếu trong địa chỉ đến của du khách khắp nơi.

(Một điều lạ là cù lao Phố ngày nay được phân cấp hành chính là xã – xã Hiệp Hòa – bởi nơi đây có nhiều đất nông nghiệp. Nhưng nhìn lên bản đồ Biên Hòa thì thấy chung quanh cái “xã” này tất cả đều là “phường” từ Tân Vạn Bửu Hòa đến Thống Nhất An Bình... Trong khi lẽ thường bao quanh các phường ở nội ô phải là các xã nông thôn!)

Tại cù lao Phố tôi có một kỷ niệm khó quên. Ấy là một hôm nhân được nghỉ học tôi theo bạn bè trong lớp đạp xe qua cù lao mua cơm rượu ăn mỗi đứa một chén rồi hè nhau đi tắm sông nhánh sông nhỏ Sa Hà có cầu Rạch Cát bắc qua. Tôi thú thật là mình không biết bơi thì đám bạn đi tìm phao một cái ruột bánh xe hơi bơm căng khoác vào người cho tôi rồi bảo cứ yên tâm xuống tắm. Chúng nó thật

sung sướng trên bờ đã lạnh lẽo xuống nước cũng như rái cá đùa giỡn bơi thi. Tôi chỉ dám ở gần bờ vẫy tay đập chân hụp đầu xuống sông cho ướt rồi vội trồi lên thế mà đã tưởng như sắp được... lên trời! Nhìn qua bờ bên kia thấy cây mận đỏ đầy trái đám bạn tôi rủ nhau bơi qua hái trộm. Chúng kéo cả tôi theo. Vừa ra đến giữa dòng thì một bắp chân tôi bị vọp bẻ đau không thể tưởng. Tôi kêu lên. Đám bạn hoảng hồn bỏ việc trộm mận vội kéo tôi vào bờ tìm xin dầu xoa bóp. Lỗi ở tôi. Tôi quên rằng mình vốn là một đứa trẻ có sức khỏe rất tồi!

Dù sao trong đời tôi cũng đã một lần tắm sông Đồng Nai mà còn được ra đến giữa dòng Sa Hà lấm cát.

Cù lao Phố có lẽ cũng là nơi tôi yêu thích nhất ở Biên Hòa. Nó từng một thời là Nông Nại Đại phố một thương cảng tấp nập thuyền bè qua lại giao thương. Trong tương lai theo quy hoạch của thành phố Biên Hòa đây sẽ là một địa điểm du lịch văn hóa vườn với nhiều chiếc cầu được xây dựng mới nối cù lao với các vùng đất hai bên sông. Khi ấy chắc chắn sẽ có một Nông Nại Đại phố kiểu mới văn minh lịch sự hơn.

Nhớ Biên Hoà kì cuối

Ngã rẽ

Tôi nhớ là vào năm 1967 cha tôi đã mua về nhà một cái máy truyền hình. Ngày ấy chỉ có truyền hình đen trắng chưa có loại màu. Cái máy mà cha tôi mua về khá to hiệu National của Nhật màn ảnh đầu khoảng hai mươi ba inch chạy bằng bóng đèn chứ chưa có loại chạy Transitor như sau này. Vỏ máy được đóng bằng vật liệu tương tự loại ván *ôcanbê* giờ mặt ngoài màu nâu bóng có vân gỗ giả bốn chân máy khá vững chắc tính từ mặt đất đến đỉnh thì cao chừng một thước ngồi xem bằng ghế xalông hay ghế cóc là vừa tầm mắt. Ăng ten thu sóng cũng rất lớn dài đến thước rưỡi với mười hai nhánh.

Khu Phúc Hải hồi ấy chưa có điện lưới nhà nhà phải câu điện từ một đồng hồ tổng nên điện thế rất yếu chủ yếu chỉ dùng điện để thắp sáng vài bóng đèn nêông ba tắc sáu tắc. Loại nêông thước hai và đèn tròn cũng như các loại quạt máy được khuyến cáo hạn chế dùng vì tiêu thụ điện năng nhiều hơn. Vì vậy có máy truyền hình rồi cha tôi còn phải mua thêm một cái máy phát điện để dùng riêng cho việc xem truyền hình. Tôi là người “có học” nhất trong nhà lại hiểu biết về điện nên được giao quản lý cái máy phát điện này. Mỗi buổi tối khoảng trước bảy giờ tôi ra sau nhà vận hành máy phát điện đợi một lúc khi điện thế ổn định mới lên nhà mở máy truyền hình. Cái máy phát điện khá cồng kềnh tiếng nổ lớn inh tai nhức óc cha tôi đặt trong phòng tắm cũ của gia đình ở phía sau nhà đã đóng cửa lại mà vẫn nghe tiếng máy nổ. Chắc chắn là tiếng máy làm ảnh hưởng đến hai bên hàng xóm nhưng không nghe ai

than phiền gì cả. Có lẽ vì cho đến lúc ấy cả xóm chỉ có nhà tôi có máy truyền hình nên bà con kéo tới xem chung rất đông có cả những người hàng xóm ấy. Mãi chừng nửa năm sau khi ngành điện Biên Hòa cho mắc công tơ điện riêng kéo điện lưới trực tiếp vào từng nhà thì nhiều nhà khác mới lần lượt sắm máy truyền hình. Nhờ đó nhà tôi mới hết cảnh tụ tập đông người vào các buổi tối. Cái máy phát điện phải chấm dứt “nhiệm vụ” một thời của nó cha tôi bán lại cho một người quen ở nông thôn.

Tôi mua được một cái máy ghi âm xách tay loại ma-nhê-tô-phôn chạy được cả hai loại băng cuộn lớn và cuộn nhỏ vừa dùng pin vừa dùng điện qua cục *adaptor*. Cái máy chỉ là hàng “rác Mỹ” thôi nên giá rẻ được cái là nghe vẫn tốt. Tôi dùng cái máy ghi âm xách tay này để ghi những bài hát mình thích được phát trên đài phát thanh thu nối nhau để có một cuộn băng ca nhạc riêng của mình. Ở các nhà hàng hoặc gia đình giàu có máy ghi âm được trang bị là loại có ampli và loa riêng nghe hay hơn nhiều. Các hãng sản xuất băng nhạc bây giờ làm cả hai loại băng cuộn để bán cho khách nhưng việc sang băng lậu cũng chẳng khác bây giờ. Mà ngày ấy dường như người ta còn chưa quan tâm lắm đến bản quyền sản xuất. Ở đường Nguyễn Huệ (Sài Gòn) khách cứ thoải mái đến các ki-ốt thu băng chọn bài hát trong danh mục rồi chờ trả tiền và nhận một cuộn băng manhê lớn hay nhỏ của riêng mình hoặc một cuộn băng y hệt một băng nhạc được sản xuất chính gốc nào đó. Nhạc Trịnh Công Sơn do chính tác giả hay do ca sĩ Khánh Ly hát. Nhạc do ca sĩ Thanh Thúy Phương Dung Minh Hiếu Nhật Trường Hùng Cường Mai Lệ Huyền... thu riêng từng người hay thu chung nhiều người một băng đủ cả. Các đĩa băng cổ nhạc cũng không thiếu: băng vọng cổ của Út Trà Ôn Út Bạch Lan Thanh Nga Thành Được Minh Cảnh Tấn Tài... băng từng tuồng cải lương: *Con gái Chị Hằng Nửa đời hương phấn*... Sau này trên thị trường xuất hiện thêm loại máy cát-xét chạy băng cát-xét nhỏ xíu âm thanh nghe không thua loại máy manhê-tô-phôn mà lại gọn gàng thì bà con mua nhiều hơn để nghe nhạc. Có loại máy cát-xét có cả chức năng nghe radio rất tiện dụng. Nhà tôi còn có một cái máy vừa là radio vừa là máy hát đĩa mà những chiếc đĩa nhựa tân nhạc cổ nhạc tôi phải giữ thật kỹ để không trầy xước chứ không phải nghe nhạc “cà lăm” thì chẳng thích thú gì!

Đài phát thanh Sài Gòn ngày ấy có chương trình thi “Tuyển lựa ca sĩ” hàng tuần phát vào sáng chủ nhật lại có chương trình dạy Xướng âm Tân nhạc của nhạc sĩ Hoàng Trọng là hai chương trình tôi rất thích nghe. Chương trình dạy xướng âm này có in sách bán khắp nơi tôi mua về một quyển tự tập xướng âm trước buổi học rồi sau đó đến giờ phát mới so sánh xem mình hát đúng sai chỗ nào. Tôi biết đánh đàn măngđôlin từ năm học lớp Nhất do một anh hàng xóm dạy; biết đánh đàn ghi ta từ năm mười ba tuổi nhờ tự học biết thổi kèn Ác-mônica năm sau đó do chơi với một người bạn là Hướng đạo sinh; vì thế khi học xướng âm tôi phải hết sức kiềm chế không cho mình đụng tới bất cứ nhạc cụ nào. Chưa hết tôi còn mua một quyển sách dạy sáng tác nhạc về tự học. Tiếc là trong khi tôi vẫn chưa viết được một đoạn nhạc nào cho ra hồn thì bên lớp Anh văn cùng năm học với tôi ở Ngô Quyền một người bạn tôi là anh Huỳnh Quan Minh đã có bài hát “Trăng mười sáu” được nam ca sĩ Duy Khánh nổi tiếng ngày

ấy lằng xê vừa đưa đi in nhạc tờ gồm 4 trang khổ A4 bìa trước và bìa sau in ốpxét nhiều màu ở giữa là bản nhạc in mực đen trên nền giấy trắng. “Trăng mười sáu” của bạn tôi còn được thu âm vào đĩa nhựa phát hành khắp miền Nam.

Nhiều thanh niên học sinh Biên Hòa là hướng đạo sinh thuộc tổ chức Hướng Đạo có nguồn gốc quốc tế. Vào những ngày chủ nhật ngày nghỉ lễ tết trên đường phố có nhiều nhóm hướng đạo sinh xuất hiện trong trang phục riêng đầu đội mũ rộng vành cũng đặc trưng. Tổ chức thanh thiếu niên này giúp rèn luyện cho nhiều người sau này trưởng thành có khá nhiều kỹ năng và linh hoạt dạn dĩ trong cuộc sống. Họ cũng đóng góp công sức vào một số hoạt động xã hội từ thiện đương thời. Thỉnh thoảng một nhóm nào đó mời tôi cùng tham dự sinh hoạt và nhờ đó tôi “học lóm” được lắm điều hay.

Một số học sinh Ngô Quyền Minh Tân Khiết Tâm... thì thành lập hoặc tham gia các *bút nhóm* có tên riêng theo phong trào lập bút nhóm của học sinh miền Nam. Mỗi bút nhóm chỉ gồm vài ba người bạn cùng chí hướng viết văn làm thơ thuần nghệ thuật hoặc có chút ý tứ chính trị xen vào (*cũng chủ yếu là phản chiến*). Có bài vờ rồi một người lo chuyện đánh máy lên giấy Stencil rồi đem nhân bản bằng cách thuê quay rônêô. Tiết kiệm và với điều kiện “có nghề” một chút thì tự chế ra bàn quay rônêô bằng một miếng vải dù căng trên khung gỗ được quét mực in màu đen hay màu xanh rồi dùng bóng đèn nêông cũ hay bất cứ vật gì có hình ống lăn qua thật đều tay. Mực sẽ thấm từ miếng vải dù qua tờ stencil đến tờ giấy đặt phía dưới là được một bản in. Những tập văn thơ của các bút nhóm học sinh như vậy được ra đời không phải ít. Dĩ nhiên chúng là những ấn phẩm in không giấy phép nên không thoát khỏi sự theo dõi của chính quyền Sài Gòn nhưng họ cũng chỉ dừng lại ở sự theo dõi và thỉnh thoảng mới có một vụ bắt bớ khi xuất hiện một tập văn thơ nào đó có nội dung chính trị “quá đáng”.

(Việc in ấn hồi ấy do các nhà xuất bản các tổ chức hay chính cá nhân đứng ra xin phép. Bản thảo được bộ phận chuyên môn của Nha Kiểm duyệt đặt tại Sài Gòn đọc và sau khi đã cắt bỏ hoặc sửa chữa những đoạn nào đó – nếu cần – họ mới cấp giấy phép. Sách in đúng như bản thảo đã được duyệt là sách hợp pháp)

Nguyễn Tất Nhiên là bút danh của Nguyễn Hoàng Hải học dưới tôi một lớp tại trường Ngô Quyền đã làm thơ từ dạo ấy. Cậu học sinh mười bảy mười tám tuổi ấy đã có gan in tập thơ riêng rồi ôm thơ đi các trường học rao bán. Nhà anh ở gần tiệm “Vịt quay Hạnh Phước”. Sau này khi anh có một hai bài thơ được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc tên tuổi anh lập tức được chú ý hơn. Anh biết thổi sáo biết đánh đàn ghi ta tính cách khá là “nghệ sĩ” so với tôi từ nhỏ đã bị chê là “ng nghiêm như ông cụ”. Và chẳng tính tới năm 1967 ngoài cái truyện ngắn “Nắng lên” được in 2 kỳ trên báo Tuổi Xanh hồi mười lăm tuổi tôi vẫn chưa thực sự bước vào con đường cầm bút bằng truyện ngắn hay bài thơ nào khác. Việc quan trọng nhất của tôi ngày ấy là học. Và học.

Sau Tết Mậu Thân 1968 tôi tiếp tục học nửa năm cuối của lớp Đệ Nhất lớp cuối cùng bậc Trung học thời ấy. Chiến tranh đã thật sự đến với những thị dân Biên Hòa đến với những học sinh như tôi. Lúc này thì là nhìn tận mắt nghe tận tai và không khỏi lo sợ cầu mong hòa bình sớm trở lại. Khuynh hướng “vào cuộc” hay “bị vào cuộc” nhen nhóm trong giới học sinh chúng tôi bằng nhiều cách khác nhau. Có người bỏ học đi vào rừng theo Giải phóng. Nhiều người bạn tôi hồi cuối năm Đệ Nhị thi rớt Tú Tài phần nhất bị chính quyền Sài Gòn tổng động viên đi học các khóa hạ sĩ quan ở Đồng Đế Nha Trang. Có người trốn lính thay tên đổi họ nay đây mai đó hoặc khi có động thì lập tức trốn vào hầm nhà. Cảnh sát xét sổ gia đình ban đêm có khi đột xuất xét cả ban ngày. *(Gia đình tôi cũng không ngoại lệ dù ở Phúc Hải tên tuổi cha tôi ai cũng biết)*. Số học sinh còn được cấp sách đến trường như tôi bảo là an thân thì không hẳn nhưng tham gia các hoạt động mang chút tính phản kháng cũng không có là bao. Một số tham gia phong trào du ca ôm đàn ghi ta thùng đi hát nhạc phản chiến. Vào những giờ ra chơi đám con trai có thêm đề tài nói chuyện đó là chuyện thời cuộc chuyện chiến sự và những lo âu...

Tôi là con trai một dưới tôi chỉ có một cô em gái nên hơn ai hết cha mẹ tôi mong tôi được “bình an” trước cuộc chiến mong chiến tranh sớm chấm dứt hòa bình sớm trở lại. Ước vọng của ông bà là tôi sẽ thi đậu Tú Tài phần hai tiếp đó sẽ thi đậu vào trường Y Khoa để sau thời gian học tập kéo dài đến 7 năm thì tình hình chính trị hy vọng đã ổn định đất nước đã hòa bình. Điều mơ ước thuở nhỏ khi tôi nói với bác sĩ Nguyễn Tuấn Anh vẫn còn trong tôi. Có lẽ đó là một lý do giải thích vì sao tôi lại say mê học môn Vạn vật nhất là chương trình lớp Đệ Nhất dạy về cơ thể con người. Đậu Tú tài phần nhất ban B (Ban Toán) với hạng cao nhưng tôi đã xin chuyển qua học lớp Đệ Nhất Ban A (Ban Vạn vật). Ở trường Ngô Quyền năm học ấy trong 2 lớp cuối cấp theo ban A nhiều người bạn đã gọi tôi là “Vua Vạn vật” vì tôi học rất giỏi môn học này cùng hai môn Lý và Hóa. Điều này vô tình lại chớm lên trong tôi một hình ảnh mới của mình trong tương lai: hình ảnh một người thầy dạy môn Vạn vật ở chính trường Ngô Quyền mà mình có bảy năm theo học. Tôi cũng nuôi một ước mơ nhỏ: cuối năm được trường chọn đi thi toàn quốc về môn Vạn vật cố gắng giành được giải *(tương tự như kỳ thi học sinh giỏi lớp 12 ngày nay)*. Nhưng tiếc là đúng vào năm này thì các kỳ thi toàn quốc như trên không được tổ chức nữa!

Cuối năm học tôi cùng bạn bè lên Sài Gòn thi Tú tài phần hai vì bấy giờ tỉnh Biên Hòa chưa được phép tổ chức kỳ thi này. Chúng tôi phải rủ nhau thành nhóm lên Sài Gòn tìm nhà trọ trong mấy ngày thi. Tôi và mấy người bạn ở trọ nhà một cô giáo trong một con hẻm bên đường Công Quỳnh để đi thi tại ngôi trường nằm trong khu vực nhà thờ Huyện Sĩ gần đó.

Lớp tôi có tỉ số thi đậu cao nhất trường chỉ có 4 người bị rớt. Cha mẹ tôi rất mừng. Tính đến năm

ấy thì số học sinh thi đậu Tú Tài phần hai ở khu Phúc Hải vẫn còn đếm được trên đầu ngón tay số người tiếp tục theo đuổi bậc đại học càng ít hơn. Với hoàn cảnh gia đình tôi một gia đình buôn bán có thể xem là vào hàng trung lưu thì coi như ước mơ có con được vào đại học của cha mẹ tôi đã được thực hiện. Vấn đề là tôi sẽ học ở trường nào. Bây giờ ai có bằng Tú tài phần hai đều có thể ghi tên tự do vào học ở một số trường đại học như Khoa học Văn khoa Luật khoa... Chỉ có vài trường là nếu muốn vào học thì phải trải qua kỳ thi tuyển như Y khoa Dược khoa Kỹ sư Phú Thọ Kiến trúc Nông Lâm Súc... Cha tôi vẫn muốn tôi thành một bác sĩ. Ông nói thêm: “Hay là Dược sĩ cũng được”. Trong khi đó chính vào lúc này thì trong tôi lại nổi lên hẳn ước muốn trở thành thầy giáo dạy môn Vạn vật mà muốn thế phải có một chứng chỉ ở trường đại học Khoa học trước khi thi vào Đại học Sư phạm.

Cuối cùng để làm vừa lòng cha mẹ nhưng cũng để thỏa mãn ý muốn riêng mình tôi làm hồ sơ thi vào cả trường Y lẫn trường Dược đồng thời ghi tên học khoa SPCN tại trường Đại học Khoa học. Kết quả tôi đậu vào trường Dược cùng ba chị bạn học cùng lớp ở Ngô Quyền (*lại thêm một thành tích của lớp tôi*).

Không đậu vào trường Y tôi không buồn lắm nhưng quả tình trong lòng không mấy vui vì dẫu sao thì mình cũng... thi rớt. Vào những ngày chưa đi học đại học ấy trong tâm trạng vui buồn như thế tôi ngồi thả hồn tưởng tượng và gõ máy chữ được đến mấy cái truyện ngắn mấy bài thơ thiếu nhi... sau này đều được in trên một tờ nhật báo có trang thiếu nhi và trên tờ bán nguyệt san thiếu nhi Tuổi Hoa ngày ấy.

Một buổi sáng chủ nhật tôi và mấy người bạn cùng lớp rủ nhau tổ chức một buổi đi chơi vòng quanh tỉnh lỵ Biên Hòa bằng xe đạp. Chúng tôi khởi hành từ cổng trường Ngô Quyền thả dốc Kỷ Niệm rẽ trái hướng về Hăng Dầu rồi qua cầu sắt Rạch Cát qua tiếp cầu Gành đến Chợ Đồn lại theo hướng Tân Bản đi đến Cầu Hang dưới cuối dốc Chú Hỏa cuối cùng rẽ vào chân núi Châu Thới gửi xe cùng leo lên ngôi chùa trên núi. Mấy đứa con trai tuổi mười tám mười chín chúng tôi không vào chùa thắp hương lễ Phật mà tìm một vị trí nhìn qua bên kia sông Đồng Nai nhìn ngắm tỉnh lỵ Biên Hòa mà mình sắp phải xa cách để lên Sài Gòn trọ học.

Tôi kể cho mấy người bạn nghe một câu chuyện mà mình đọc được trong sách báo. Đó là chuyện của một nhà sư ở Biên Hòa xưa khi biết mình sắp về cõi Phật đã qua bên này sông leo lên ngọn núi Châu Thới ngồi kiết già nhìn về hướng Biên Hòa rồi tịch ở đây trên một phiến đá. Cả lũ nghe xong lập tức đi tìm một... phiến đá khá bằng phẳng cùng ngồi xếp bằng hướng về phía Biên Hòa mắt nhắm lại hai tay chắp trước ngực... Chỉ một chút xíu sau đứa nào cũng hí mắt nhìn những đứa còn lại rồi chẳng

ai bảo ai tất cả cùng phá lên cười như chưa bao giờ được cười vui như thế!

Lướt về qua khỏi cầu Rạch Cát chúng tôi rẽ trái nơi mũi tàu hăng Dầu để đi dọc theo đường bờ sông đến công trường Sông Phố khép kín chuyển đi. Đến ngã năm Biên Hùng chuẩn bị chia tay tôi chợt nhìn về phía trái về Ngã ba Thành có khu dân cư bên Đất Thánh Tây nơi gia đình tôi đã ở khi mới đặt chân đến đất Biên Hòa này. Ở đó có bà Má Hai nuôi hai đứa trẻ lai Mỹ đen có những anh “bậm trợn” và những chị gái điếm biết uống rượu đánh bài biết luôn chuyện đâm chém! Mới đó mà đã mười hai năm qua đi...

Tự nhiên tôi đạp xe rẽ trái về hướng đường Hưng Đại Vương khiến mấy đứa bạn tôi không khỏi ngạc nhiên...

Rồi cũng đến ngày tôi phải từ giã gia đình lên Sài Gòn học. Nơi trọ đã thu xếp xong tôi chỉ việc đem hành lý lên ở. Mặc thêm chiếc áo khoác tôi ngồi lên yên chiếc xe Vespa Sprint mới mua của mình chào mọi người trong gia đình rồi đạp máy tay trái khẽ xoay sang số một...

Chiếc Vespa lăn bánh cùng tiếng nổ hai thì giòn dã. Tôi không ngoái lại nhìn nhưng cũng biết cha mẹ và em gái tôi vẫn đang đứng trước cổng nhìn theo. Tôi đang rời khỏi khu Phúc Hải thân thuộc của mình sắp rời khỏi tỉnh lỵ Biên Hòa nhiều kỷ niệm của mình...

Không lâu lắm chiếc xe đưa tôi qua cầu Rạch Cát rồi qua hết cầu Gành bỏ lại sau lưng dòng sông Đồng Nai và cả một thời nhiều kỷ niệm...

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>